BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VĂN HỌC

7

TẬP HAI

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên soạn :
VŨ NGỌC KHÁNH – TỐNG TRẦN NGỌC – NGUYỄN NGỌC HÓA
Chỉnh lí :
ĐỖ BÌNH TRỊ (chủ biên) - NGUYỄN VĂN LONG – PHÙNG VĂN TỬU

VĂN HỌC 7

truongxua.vn

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ 12)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGÔ TRẦN ÁI
VŨ DƯƠNG THỤY
Biên tập :
KIM ANH
Trình bày bìa :
TRẦN TIỂU LÂM
Minh họa sách :
- TRANH DÂN GIAN
- TRANH CỦA TÔ NGỌC VÂN, NGUYỄN TƯ NGHIÊM, HOÀNG TÍCH CHÙ, ĐINH LỰC, TRIỆU KHẮC LỄ.
Biên tập mĩ thuật :
TRẦN TIỂU LÂM
Sắp chữ :
PHÒNG CHẾ BẢN – (NXB GIÁO DỤC)

8(075) / GD - 00 831/102 - 99 Mã số : 2H727T0

thuongmaitr

PHẦN MỘT

VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

CA DAO - DÂN CA

TIỂU DẪN

Ca dao là *những câu hát dân gian* biểu hiện những cảm nghĩ của người dân thường, người làm ruộng, người làm thợ,... trong xã hội, của người mẹ, người vợ, người con, ... trong gia đình, về thân phận cuộc đời họ và về những đối tượng thân thuộc, yêu thương của họ.

tuongxua.vn

Trong sinh hoạt ca hát của nhân dân, ca dao được hát theo những điệu hát, lối hát của các địa phương, các nghề nghiệp. Người ta gọi đó là *dân ca*. Dân ca Việt Nam rất phong phú, đa dạng. Ở miền Bắc có *Quan họ Bắc Ninh, Hát Xoan Phú Thọ, Hát Ghẹo Thanh Hóa, Hát Phường Vải* và *Hát Giặm Nghệ Tĩnh*, v.v... ; ở Nam Bộ có *Hát đối* và nhiều điệu *Lí* ; khắp Bắc, Trung, Nam, nhất là miền Trung và miền Nam đều có những điệu *Hò*, đặc biệt là những điệu *Hò Sông nước, Hò Khoan*; các dân tộc anh em đều có những điệu hát, lối hát dân ca đặc sắc của mình, v.v...

Tách ra khỏi điệu hát thì ca dao cũng là *thơ* - một lối thơ được chính các nhà thơ lớn coi là mẫu mực về tính chân thực, hồn nhiên, cô đúc, về sức gợi cảm và về khả năng lưu truyền.

Bài 1

NHỮNG BÀI CA DAO ÂN TÌNH, NGHĨA TÌNH

I- *TÌNH CẢM GIA ĐÌNH*

1. Ơn cha nặng lắm ai ơi,
Nghĩa mẹ[1] bằng trời, chín tháng cưu mang[2].

Đi lễ chùa – Tranh của Tô Ngọc Vân

2. Công cha như núi Thái Sơn[3],
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ, kính cha[4]
Cho tròn chữ hiếu[5] mới là đạo con[6].

3. Ngày nào em bé cỏn con,
Bây giờ em đã lớn khôn thế này.
Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy ;
Nghĩ sao cho bõ[7] những ngày ước ao.

4. Con người có cố[8], có ông,
Như cây có cội, như sông có nguồn[9].

5. Anh em nào phải người xa,
Cùng chung bác mẹ[10], một nhà cùng thân[11].
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hòa thuận[12] hai thân[13] vui vầy.

6. Anh em như chân như tay,
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

Chú giải

(1) *Nghĩa :* xem chú giải ở Bài đọc thêm về *Tục ngữ về con người và gia đình, xã hội* (*Văn học* 7, Tập một). Ở đây *nghĩa mẹ* được hiểu cùng nghĩa với *ơn cha* nói về công ơn sinh thành, nuôi nấng, dạy dỗ của mẹ cha.

uongxua.vn

(2) *Cưu mang :* thai nghén, mang thai ; đảm đương một việc gì, trông nom giúp đỡ ai. Ở đây dùng theo nghĩa đầu (nghĩa cổ).

(3) *Thái Sơn :* một trong 5 quả núi cao tiêu biểu của Trung Quốc.

(4) *Thờ mẹ, kính cha* (hoặc thờ cha, kính mẹ) : kính yêu, phụng dưỡng cha mẹ (chăm nuôi người bề trên).

(5) *Hiếu :* lòng thờ mẹ kính cha của con cái.

(6) *Đạo con :* bổn phận của con cái (*đạo* nguyên nghĩa là đường đi, từ đó có nghĩa là lẽ phải tự nhiên) ;

(7) *Bõ :* xứng với, đáng với.

(8) *Cố :* bố đẻ của ông.

(9) *Cội :* gốc ; *nguồn :* ngọn suối.

(10) *Bác mẹ :* cha mẹ.

(11) *Thân :* bà con họ gần; cũng được dùng với nghĩa là cha mẹ (thường nói : *hai thân, song thân*). Ở đây, *thân* được dùng với nghĩa là anh em ruột thịt (vế trước đã nói : cùng chung bác mẹ).

(12) *Hòa thuận* (hoặc thuận hòa) : êm ấm, hợp ý nhau, không xung đột.

(13) Xem chú giải (11).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm hiểu ý nghĩa từng bài. Chú ý : một số bài ca dao, nhất là những bài có nội dung khuyên nhủ, khá gần với tục ngữ. Nhưng ca dao thiên về tình cảm, tục ngữ thiên về lí trí. Vì vậy, khi phân tích, cần chú trọng làm rõ *ý vị tình cảm cụ thể* qua các chi tiết, hình ảnh cụ thể.

2. Em hãy hình dung : Lời của từng bài ca dao là lời của ai, nói với ai (đây là nói bằng lời ca tiếng hát) ? Tình cảm biết ơn, yêu kính ông bà cha mẹ trong những bài ca dao trên được biểu hiện như thế nào ? Tình cảm anh em thân thương được biểu hiện như thế nào ? Hãy chỉ ra những hình ảnh, chi tiết nghệ thuật, biện pháp tu từ (như so sánh, v.v...) chứng minh, minh họa cho nhận xét của em.

3. Tìm đọc một số bài ca khác, có nội dung diễn tả những tình cảm tương tự. Ghi chép lại và so sánh với những bài ca dao trên, rút ra một vài nhận xét.

TÌNH CẢM GIA ĐÌNH (tiếp)

7. Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều[1].

8. Cây khô chưa dễ mọc chồi,
Bác mẹ chưa dễ ở đời với ta ;
Non xanh bao tuổi mà già,
Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu[2].

thuongmaitr

9. Ngó lên nuộc lạt mái nhà[3],
Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.

10. Rủ nhau lên núi đốt than,
Chồng mang đòn gánh, vợ mang quang giành.
Củi than nhem nhuốc với tình,
Ghi lời vàng đá[4] xin mình chớ quên.

11. Một thuyền, một bến, một dây,
Ngọt bùi ta hưởng, đắng cay ta chịu cùng[5].

12. Chồng em áo rách em thương.
Chồng người áo gấm xông hương[6] mặc người.

Chú giải

(1) *Chiều* (chìu) : bề (đồng âm với *chiều* là buổi chiều) ; *chín chiều* : chín bề. Ở đây, có thể hiểu là mọi bề. Cũng có câu : *Vẳng nghe chim vịt* kêu chiều, Bâng khuâng nhớ mẹ chín chìu ruột đau.

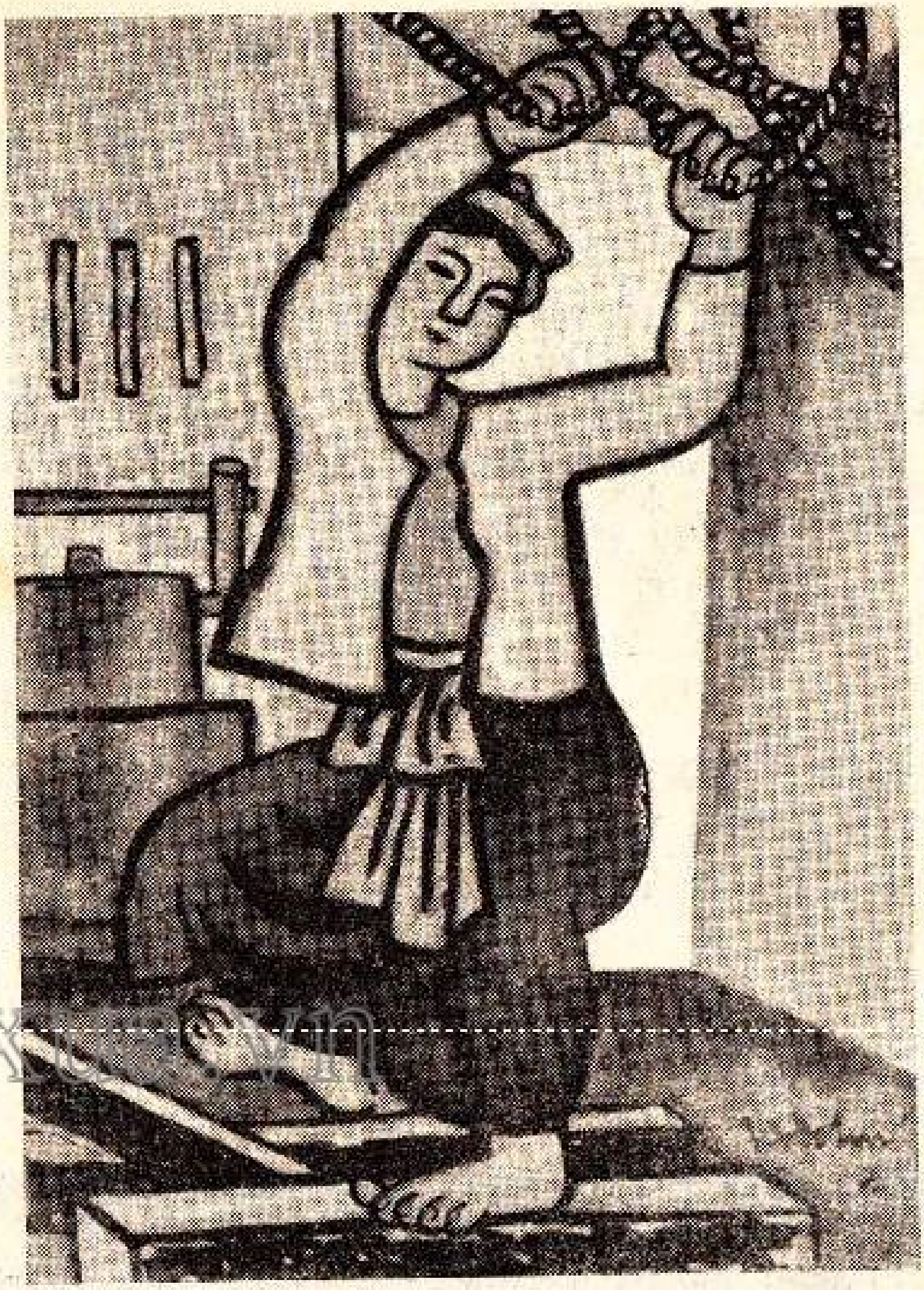

Giã gạo – Tranh sơn mài của Hoàng Tích Chù

(2) *Sương tuyết :* hơi sương đóng trắng. Nghĩa bóng, cũng như sương gió, chỉ sự xông pha vất vả (thành ngữ : Ăn (hoặc gối) tuyết nằm sương). *Non xanh* : ở đây chỉ cha mẹ (ẩn dụ). Trông ngọn núi có tuyết phủ, tựa như núi bạc đầu, liên tưởng đến cha mẹ và so sánh : cha mẹ vất vả vì con mà già yếu.

(3) *Nuộc lạt :* sợi lạt cột chỗ giáp mối. Nhà lợp tranh, lợp rạ có rất nhiều nuộc lạt. (Tục ngữ : " Đàn bà không biết nuôi heo, đàn bà nhác ; Đàn ông không biết cột *nuộc lạt,* đàn ông hư ").

(4) *Vàng đá* (hoặc đá vàng) : chỉ sự bền vững, không thay đổi ; *lời vàng đá* : lời nguyện thủy chung, son sắt.

(5) *Một thuyền, một bến, một dây :* hình ảnh bóng gió về sự một vợ, một chồng.

(6) *Áo gấm :* áo may bằng hàng lụa dệt, có hoa (xưa được coi là thứ hàng may mặc sang quý bậc nhất) ; *xông hương :* hun khói hương thơm ; *áo gấm xông hương :* chỉ người giàu sang.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em hình dung bài 7 là lời của ai, nghĩ về ai và nghĩ về điều gì ?

2. Hãy phát triển cách hiểu về câu *Non xanh bao tuổi mà già, Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu* nêu ở chú giải (2).

3. Em hãy nói cách hiểu, sự cảm nhận của em về hình ảnh *Củi thân nhem nhuốc với tình* ; về cặp từ *ngọt bùi – đắng cay.*

4. Em hình dung lời của bài 12 là lời của ai ? Nói trong hoàn cảnh nào ? So sánh *áo rách* với *áo gấm xông hương* là so sánh về điều gì ?

Em hãy điểm lại những hình ảnh so sánh (kể cả so sánh kín - ẩn dụ) trong 12 bài ca dao về *Tình cảm gia đình* và bình vài lời về mấy hình ảnh mà em cảm thấy là hay.

II– TÌNH BẠN – TÌNH NGƯỜI – TÌNH CẢM GẮN BÓ VỚI CÔNG VIỆC LÀM ĂN VÀ NHỮNG VẬT THÂN THUỘC

1. **Ra đi vừa gặp bạn hiền,**
Cũng bằng ăn quả đào tiên trên trời[1].

thuongmaitr

Đinh Tiên Hoàng – Tranh dân gian

2. Sớm mai em ngồi bên bức vách,
Em rửa cái trách(2),
Em nghe con chim khách(3),
Nó kêu chí cha chí chách trên bụi tre già,
Khách ơi ! Có phải khách báo tin người bạn đường xa ?
Để ta trải chiếu quét nhà cho nó tinh tươm(4).

3. Đầu mường(5) ta là cuối mường bạn,
Thuyền bè đứt trôi xuôi, người dưới buộc lại
Voi ngựa sổng chạy ngược, người trên buộc lại
Lợn chó ăn chung, gà vịt ăn cùng.

(Dân ca Thái)

4. Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

5. Nhiễu điều(6) phủ lấy giá gương(7),
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Chú giải

ruongxua.vn

(1) *Đào tiên* : đào của bà tiên Tây Vương Mẫu, ba ngàn năm mới nở hoa, thêm ba ngàn năm nữa mới kết trái, được ăn thì thành tiên (theo *Thần tiên truyện* của Trung Quốc).

(2) *Trách* : đồ nặn bằng đất (đem nung) rộng miệng, nông lòng, dùng để kho, nấu. Thứ nhỏ gọi là *trách*, thứ lớn gọi là *trã*.

(3) *Chim khách* : thứ chim lông đen, đuôi dài, nhỏ con, người ta lấy tiếng nó kêu mà gọi tên và coi nó là chim báo tin có khách (có nơi gọi là chim trèn trẹt, chim quẹt,...).

(4) *Tinh tươm* : tinh sạch, tươm tất ; sạch sẽ, ngay ngắn, đâu ra đấy.

(5) *Mường* : làng xã của một số dân tộc vùng Tây Bắc nước ta.

(6) *Nhiễu* : hàng dệt bằng tơ xe, dun mặt (người ta gọi là mặt nổi cát) ; *nhiễu điều* : nhiễu nhuộm đỏ. *Giá* : đồ đóng bằng cây, bằng gỗ dùng để đỡ một vật gì (giá sách, giá áo,...) ; *giá gương* : ở đây chỉ cả giá và gương (gương soi). Giá gương phủ nhiễu điều được đặt ở bàn thờ tổ tiên.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nỗi mừng được gặp bạn hiền được diễn tả như thế nào ở bài 1 ?

2. Sự trông đợi, niềm vui khi nghe chim khách báo tin có "bạn đường xa" sắp tới đã được diễn tả như thế nào ở bài 2 ?

3. Bài 3 chỉ nêu mấy chi tiết đơn giản, bình thường (mỗi câu nêu 1 chi tiết) nhưng lại nói được một điều sâu sắc về tình cảm làng trên xóm dưới. Em hãy chỉ ra điều đó và chứng minh.

4. Bài 4 dùng toàn ẩn dụ. Em hãy giải thích nghĩa của từng ẩn dụ và ý nghĩa chung của cả bài.

5. Em hãy phân tích bài 5. Câu *Nhiễu điều phủ lấy giá gương* có quan hệ như thế nào với câu dưới *(Người trong một nước phải thương nhau cùng)* ? Có thể xếp các bài 3, 4, 5 vào một nhóm không ? Em có thể tự mình mở rộng thêm nhóm bài này không ?

TÌNH BẠN – TÌNH NGƯỜI – TÌNH CẢM GẮN BÓ VỚI CÔNG VIỆC LÀM ĂN VÀ NHỮNG VẬT THÂN THUỘC (tiếp)

6. Ơn trời mưa nắng phải thì[1]
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.
Công lênh[2] chẳng quản[3] bao lâu
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.
Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.

7. Rủ nhau đi cấy đi cày
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu[4]
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

8. Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hột, đắng cay muôn phần.

9. Trời mưa
Quả dưa vẹo vọ[5]
Con ốc nằm co
Con tôm đánh đáo[6]
Con cò kiếm ăn.

10. Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

thuongmaitr

Cấy cày vốn nghiệp nông gia[7],
Ta đây trâu đấy ai mà quản công[8].
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Hứng dừa – Tranh dân gian

Chú giải

(1) *Thì :* xem chú giải (4), bài Đọc thêm : *Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất* (*Văn học* 7, Tập một). *Mưa nắng phải thì :* mưa thuận gió hòa ; thời tiết phù hợp với thời vụ cây trồng (thường nói về cây lúa).

(2) *Công lênh* (linh) : việc làm ra, công khó nhọc.

(3) *Quản* (trong *chẳng quản*, *nào quản*, *quản gì*,...) : kể, sá, lấy làm trọng (*sá gì, kể gì, chẳng kể gì*, ...) ; *quản công* : kể gì công khó nhọc, không ngại khó nhọc.

(4) *Phong lưu* : nguyên nghĩa là đức tốt, như ngọn gió (phong) thổi, dòng nước (lưu), chảy nơi này đến nơi kia ; còn có nghĩa là thong thả vô sự ; cuộc ăn chơi (người ăn chơi). Ở đây dùng theo nghĩa : cuộc sống thong thả, dễ chịu.

(5) *Vẹo vọ* : ở đây có nghĩa là méo mó, không tròn trịa (nghĩa chính là quanh co – *đường vẹo vọ, lòng vẹo vọ, nói vẹo vọ*).

(6) *Tôm đánh đáo* : tôm búng, co đuôi mà bật mình đi (đó là cách tôm chạy dưới nước).

(7) *Nông gia* : nhà nông. *Nghiệp* : ở đây dùng với nghĩa là nghề. *Nghiệp nông gia* : nghề nông, công việc của nhà nông.

(8) *Quản công* : xem chú giải số (3).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Có thể hình dung bài 6 là lời của một nông dân vừa làm lụng vừa tự nhủ (tự động viên). Em hãy nói rõ : người ấy thấy gì, nghĩ gì ? Lời khuyên nhủ : *Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang...* hướng về ai ? (*Ai ơi* ở đây là ai ?)

2. Bài 7 cũng có giọng khuyên nhủ, tự nhủ như bài 6. Nếu đúng như vậy thì cái cảnh được vẽ ra ở câu cuối (*Trên đồng cạn... con trâu đi bừa*) có ý nghĩa gì ?

3. Em hình dung lời của bài 8 là lời của ai ? được hát lên trong hoàn cảnh nào ?

Nỗi vất vả của người làm ruộng được miêu tả như thế nào ?

Câu cuối (*Ai ơi bưng bát cơm đầy... đắng cay muôn phần*) hướng về ai ? Hãy phân tích riêng câu này.

4. Em hãy tưởng tượng cái cảnh mà bài 9 miêu tả : Trời mưa, mọi vật : quả dưa, con ốc, con tôm, đều xáo động. Quả dưa thì méo mó đi. Con ốc co lại như sợ hãi. Con tôm đánh đáo như nhởn nhơ. Riêng con cò vẫn bình thản kiếm ăn như mọi lúc.

Theo sự cảm nhận của em, mọi vật ở đây được tả thực hay còn có ngụ ý gì ? Về mặt tả thực thì cảnh được tả chính xác như thế nào ? Về mặt ngụ ý thì mỗi vật, mỗi con vật tượng trưng cho loại người nào trong xã hội ? Và *con cò* là hình ảnh (ẩn dụ) của ai ? Ý nghĩa bóng gió của bài ca dao là gì ?

5. Bài 10 là lời trò chuyện của người nông dân đang cày ruộng với con trâu. Em hãy nhận xét về tình cảm bầu bạn của người ấy đối với con vật được coi là đầu cơ nghiệp của nhà nông.

thuongmaitr

III– *TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC*

1. Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

2. Đứng bên ni[1] đồng, ngó bên tê[2] đồng,
mênh mông bát ngát.
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông.
Thân em như chẽn lúa đòng đòng[3]
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai[4].

3. Làng ta phong cảnh hữu tình[5]
Dân cư giang khúc[6] như hình con long[7].
Nhờ trời hạ kế sang đông[8],
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi.
Vụ năm cho đến vụ mười[9].
Trong làng kẻ gái người trai đua nghề,
Trời ra gắng, trời lặn về,
Ngày ngày, tháng tháng nghiệp nghề truân chuyên[10].

truongxua.vn

Chú giải

(1) *Ni* : này (tiếng địa phương).

(2) *Tê* : kia (tiếng địa phương).

(3) *Lúa đòng đòng* : lúa mới trổ bông. Ý nghĩa của hình ảnh so sánh này được thể hiện khá rõ ở dòng dưới : *Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.*

(4) *Ban mai* : buổi sớm.

(5) *Hữu tình* : có vẻ dễ thương, thú vị, khiến người ta quyến luyến (thường nói : phong cảnh (tức cảnh vật) hữu tình, sơn thủy (non nước) hữu tình,...)

(6) *Giang khúc* : tạm hiểu là uốn khúc (tựa dòng sông uốn khúc),

(7) *Hình con long* : hình con rồng. *Dân cư giang khúc như hình con long* : dân cư ở trên thế đất hình con rồng uốn khúc (ý nói thế đất *đẹp* theo quan niệm của các nhà xem thế đất xưa kia).

(8) *Hạ kế sang đông* : từ mùa hè qua mùa đông (câu này ứng với câu dưới : *Vụ năm cho đến vụ mười*).

(9) *Vụ năm* : vụ chiêm (thu hoạch vào tháng năm âm lịch) ; *vụ mười* : vụ mùa (thu hoạch vào tháng mười âm lịch) – theo lịch canh tác cổ truyền.

(10) *Truân chuyên* : gian khổ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài 1 là lời của một người ra đi, xa nhà, xa quê. Người ấy có những nỗi nhớ gì ? Những nỗi nhớ ấy đã được diễn tả như thế nào ? Nỗi nhớ "canh rau muống", "cà dầm tương" và nỗi nhớ người "dãi nắng dầm sương"... nói lên điều gì về người ra đi ấy ?

2. Bài 2 là lời của ai ? Người ấy thấy gì, nghĩ gì và muốn biểu hiện nỗi niềm gì ? Em hãy bình đôi lời về hình ảnh so sánh ở hai câu cuối.

3. Bài 3 tả làng (cái làng của những người đặt ra và lưu truyền bài ca dao này) và kể về người làng và những công việc làm ăn quanh năm suốt tháng của họ. Em hãy tóm tắt đôi nét về những gì đã được tả và kể. Nhưng chiều sâu của bài ca dao là ở *tình làng* : tất cả những gì được kể, được tả đều thấm đượm tâm tình yêu thương gắn bó với làng quê. Em hãy chứng minh điều này.

TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (tiếp)

4. Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ[1] canh gà Thọ Xương[2]
Mịt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái[3] mặt gương Tây Hồ[4].

5. Ở đâu năm cửa nàng ơi ?
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng ?
Sông nào bên đục, bên trong ?
Núi nào thắt cổ bồng[5] mà có thánh sinh ?
Đền nào thiêng nhất xứ Thanh ?
Ở đâu mà lại có thành tiên xây ?

. . . . .

– Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi,
Sông Lục Đầu[6] sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
Nước sông Thương[7] bên đục bên trong,
Núi đức Thánh Tản[8] thắt cổ bồng lại có thánh sinh.
Đền Sòng[9] thiêng nhất xứ Thanh,
Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây[10].

. . . . .

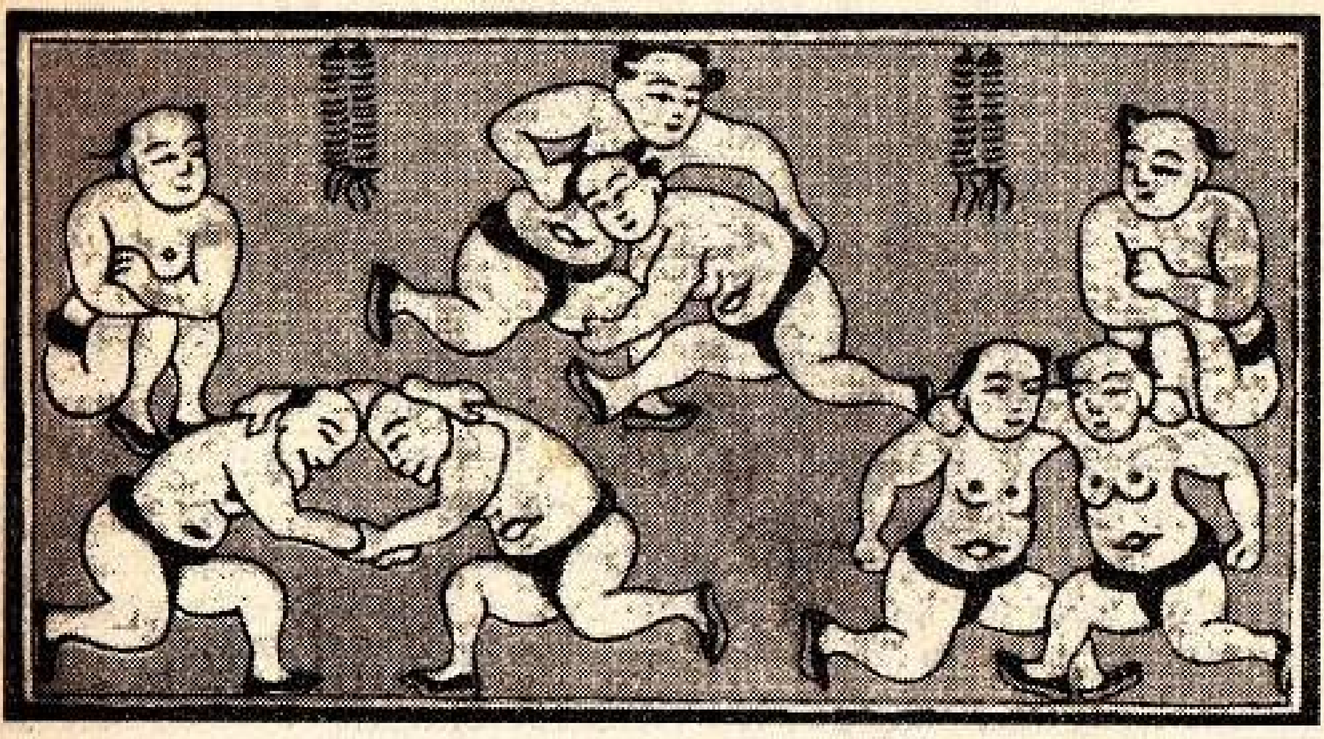

Đánh vật – Tranh dân gian

6. Ở đâu sáu tỉnh anh ơi,
Sông nào chín ngọn cùng khơi một nguồn ?
Sông nào có nước trong luôn,
Núi nào danh tiếng cả muôn dặm ngoài ?

ruongxua.vn

. . . . .

– Nam Kì sáu tỉnh[11] em ơi,
Cửu Long[12] chín ngọn cùng khơi một nguồn
Sông Hương[13] nước chảy trong luôn,
Núi Ngự[14] danh tiếng cả muôn dặm ngoài.

. . . . . *(Hát đố)*[15]

7. Thùng thùng trống đánh quân sang,
Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàng
Qua Chiêng thì rẽ sang Giàng,
Qua quán Đông Thổ vào làng Đình Hương.
Anh đi theo chúa Tây Sơn,
Em về cày cuốc mà thương mẹ già[16].

Chú giải

(1) *Trấn Vũ :* (còn gọi là đền Quán Thánh, quán Trấn Vũ). Đền thờ vị thần trấn hướng bắc trên trời ; ở phía bắc thành Thăng Long, bên Hồ Tây.

(2) *Thọ Xương :* huyện Thọ Xương, thuộc phủ Phụng Thiên của kinh thành Thăng Long xưa : huyện lị ở gần Hồ Tả Vọng (nay là Hồ Gươm).

(3) *Yên Thái :* thường gọi là làng Bưởi (Bưởi là tên chung của cả một cụm làng) có nghề làm giấy dó cổ truyền. *Nhịp chày Yên Thái* là nhịp chày giã vỏ cây dó thành bột để seo giấy.

(4) *Tây Hồ :* tức Hồ Tây ở phía tây bắc thành Hà Nội, rộng trên 500 ha. *Mặt gương Tây Hồ :* mặt nước hồ phẳng, sáng như tấm gương.

(5) *Thắt cổ bồng : cổ bồng :* nói về đồ dùng hay vật gì như cái bồng (*cái bồng* là một nhạc cụ, hai đầu bịt như mặt trống, chính giữa thắt eo). Ví dụ : mâm cổ bồng, thường dùng xếp ngũ quả trên bàn thờ.

(6) *Sông Lục Đầu :* sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Kinh Môn, sông Thái Bình... gặp nhau tạo thành "sông Lục Đầu sáu khúc", chảy bên thị trấn Phả Lại (thuộc Chí Linh, Hải Dương). Tên sông Lục Đầu gợi nghĩ đến chiến thắng Vạn Kiếp lẫy lừng của Trần Hưng Đạo chống quân Nguyên dưới đời Trần.

(7) *Sông Thương :* con sông chảy qua thị xã Bắc Giang, nơi đây đặc điểm "nước chảy đôi dòng" (bên đục, bên trong) của nó nổi rõ hơn cả.

(8) *Núi Đức Thánh Tản :* tức núi Tản Viên (Ba Vì). Theo truyện *Sơn Tinh – Thủy Tinh*, Sơn Tinh (tức thần Tản Viên, sau được tôn xưng là Đức Thánh Tản) hóa phép khiến núi thắt cổ bồng để ngăn không cho Thủy Tinh dâng nước lên.

(9) *Đền Sòng :* đền thờ Bà Chúa Liễu Hạnh ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Hội lễ đền Sòng, mở vào tháng ba âm lịch, là một trong những hội lễ lớn ở xứ Bắc xưa.

thuongmaitr

(10) Tương truyền, ở Lạng Sơn có thành tiên xây trên núi thành Lạng.

(11) *Nam Kì sáu tỉnh* (lục tỉnh) : sáu tỉnh Nam Kì từ Biên Hòa đến Hà Tiên, gồm : Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

(12) *Cửu Long :* tức sông Cửu Long (chín con rồng) gồm nhiều nhánh mà những nhánh chính là sông Tiền, sông Hậu, ... tạo nên đồng bằng sông Cửu Long, trước khi đổ ra biển ; *một nguồn :* cùng một con sông (sông Mê Công) trước khi phân thành 9 nhánh.

(13), (14), *Sông Hương núi Ngự* (núi Ngự Bình) : sông và núi tiêu biểu cho cố đô Huế.

(15) *Hát đố :* một chặng của hát đối đáp nam nữ. Ở chặng này, hai bên nam nữ đố hỏi nhau để thử tài trước khi bước vào chặng hát xe kết.

(16) Các địa danh trong bài này đều thuộc Thanh Hóa, *theo hướng từ bắc vào tỉnh lị Thanh Hóa* ; do đó có ý kiến cho đây là lời ca của người lính tỉnh Thanh theo quân Tây Sơn trên đường rút quân chiến lược chuẩn bị cho cuộc phản công thần tốc đánh đuổi 20 vạn quân Thanh khỏi bờ cõi nước ta xuân Kỉ Dậu (1789).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài 4 gợi tả mấy nét về cảnh Hồ Tây. Em hãy đọc kĩ lại bài ca dao một lần nữa và trả lời mấy câu hỏi sau đây :

- Những nét gợi tả ấy nếu hợp lại thành một bức tranh thì em cảm nhận bức tranh này thế nào ? (Hãy chú ý hai loại chi tiết : a) cảnh trúc, ngàn sương, mặt nước ; b) tiếng chuông, canh gà, nhịp chày).

- Em có thể hình dung ra thời điểm bức tranh cảnh hồ được vẽ bằng lời không ? Đó là lúc nào ? (Hãy chú ý các chi tiết : tiếng chuông, canh gà và mặt gương hồ nước).

- Theo em, người ngắm cảnh hồ và gợi tả cảnh hồ như thế gửi gắm vào đây những cảm xúc gì ?

2. Về hai bài *Hát đố* (bài 5 và bài 6), em nên đọc cả rồi đi sâu vào *một bài*. Ở đây, người đố và người trả lời đều chú ý tới : 1) tên núi, tên sông, tên một vùng đất quen thuộc của quê hương, đất nước ; 2) nét đặc sắc về mặt hình thế, cảnh trí, lịch sử, v.v... của núi ấy, sông ấy, đất ấy. Em thấy điều đó có ý nghĩa gì ?

3. Bài 7 là lời của một chàng trai tình nguyện theo chúa Tây Sơn chia tay với vợ. Em hãy phân tích không khí cuộc chuyển quân được miêu tả ở 4 dòng đầu (chú ý chi tiết về tiếng trống giục giã quân đi và về cách kể các tên đất, tên làng liên tiếp) và phân tích nét tâm tình của người ra đi với người vợ trở về đảm đương việc nhà.

uongxua.vn

Bài 2

NHỮNG BÀI CA DAO THAN THÂN VÀ NHỮNG BÀI CA DAO CƯỜI CỢT

I– THÂN PHẬN NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO KHỔ TRONG XÃ HỘI CŨ

1. Khổ như tui(1) đây mới ra thậm khổ(2)
Lên non đốn củi đụng chỗ đốn rồi,
Xuống sông gánh nước gặp chỗ cát bồi khe khô !

2. Cơm cha cơm mẹ đã từng,
Con đi làm mướn kiếm lưng cơm người.
Cơm người khổ lắm mẹ ơi !
Chả như cơm mẹ vừa ngồi vừa ăn.

3. Thân ai khổ như thân con rùa
Xuống sông đội đá, lên chùa đội bia(3).

Thân ai khổ như thân anh kia,
Ngày đi cuốc bãi, tối về nằm suông(4)

4. Thương thay thân phận con tằm,
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.
Thương thay lũ kiến tí ti,
Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.
Thương thay hạc lánh đường mây,
Chim bay mỏi cánh biết ngày nào thôi(5).
Thương thay con cuốc giữa trời,
Dầu kêu ra máu có người nào nghe(6).

Chú giải

(1) *Tui* : tôi (tiếng địa phương).

(2) *Thậm khổ* : khổ quá lắm.

(3) Có bản ghi là *Trên đình đội hạc, dưới chùa đội bia.*

(4) *Nằm suông* : *suông* là từ dùng để chỉ sự không có, sự thiếu vắng (một cái gì lẽ ra cần có). Ví dụ : *canh suông* là canh rau, không có chất gì khác ; *nằm suông* là nằm một mình.

thuongmaitr

(5) Câu này hơi tối nghĩa. *Hạc* (chim hạc) tượng trưng cho tuổi già (vóc hạc, tóc hạc...), cho cõi tiên (cưỡi hạc, ...), cho sự nhàn tản, đi đây đi đó không bó buộc (hạc nội, mây ngàn). Ở đây nên hiểu ẩn dụ *chim hạc* trong tương quan với cả nhóm 4 ẩn dụ trong bài. Có thể hình dung : người lao động trông những con vật này, liên hệ đến thân phận cuộc đời mình, thấy có nét tương đồng nào đó và mượn chúng để nói về mình ; thương chúng chính là thương thân mình.

(6) *Chim cuốc* (còn viết là *quốc*) : còn gọi là đỗ quyên, đỗ vũ. Truyền thuyết Trung Quốc kể rằng : Thục Đế mất nước, hồn biến thành chim cuốc, tiếng kêu nhớ nước đến rỏ máu ra mà chết. Ở đây nên hiểu con cuốc kêu thương theo chú giải 5.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Người nghèo thường ít gặp may. Cho nên thường có những lời than như :

- *Cây khô xuống nước cũng khô,*
  Phận nghèo đi đến nơi mô (nơi nào), cũng nghèo !

- *Gánh cực mà đổ lên non,*
  Còng lưng mà chạy, cực còn theo sau.

- *Trời sao trời ở chẳng cân,*
  Kẻ ăn không hết, người lần không ra.

...

Em hãy nói rõ : nỗi "thậm khổ" của người dân nghèo ở đây đã được diễn tả như thế nào ?

2. Bài 2 nói về nỗi tủi của kẻ phải ăn "cơm người", dù miếng cơm ấy mình cũng phải đổi bằng mồ hôi. Càng tủi, khi nhớ lại những lúc ăn "cơm cha, cơm mẹ". Em hãy dựa vào chi tiết "cơm mẹ vừa ngồi vừa ăn" để suy nghĩ về những điểm trên. (Bình thường, ăn "cơm cha cơm mẹ" không nghĩ gì, nay nếm cảnh ăn "cơm người" mới thấy cái vô tư "vừa ngồi vừa ăn" là cả một niềm hạnh phúc - tại sao ?).

3. Hai dòng đầu của bài 3 có liên quan như thế nào với hai dòng sau ? Nội dung chính của bài là nói về nỗi khổ của "thân anh kia". Ở đây muốn nói về những nỗi khổ nào của anh ấy ?

4. Em hãy phân tích từng nỗi thương thân của người lao động được diễn tả rất cô đúc và gợi cảm qua mỗi hình ảnh ẩn dụ trong bài 4. (Riêng hình ảnh "hạc lánh đường mây" hoặc hình ảnh "con cuốc giữa trời", có thể để thảo luận chung).

THÂN PHẬN NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO KHỔ TRONG XÃ HỘI CŨ (tiếp)

ruongxua.vn

5. Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào[1] ông hãy xáo măng[2].
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

6. Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.
Bao giờ dân nổi can qua[3]
Con vua thất thế[4] lại ra quét chùa.

7. Đêm ơi hỡi đêm, trông cho mau sáng !
Ngày ơi hỡi ngày, tắt quáng[5] cho mau !
Để em ra khỏi nhà giàu,
Kẻo nay cơm thừa, mai canh cặn, tối nằm sau xó lều.

8. Cha mẹ giàu thì con thong thả,
Cha mẹ nghèo con cực đã gian nan.
Sáng mai lên kiếm củi trên ngàn,
Chiều về xuống biển mò hang cua còng[6].

Chú giải

(1) *Tôi có lòng nào : có lòng :* có bụng tử tế với ai ; hết lòng với ai ; trung hậu. *Có lòng nào :* có ý gì xấu (thường dùng khi có ý thanh minh hoặc thề bồi).

(2) *Xáo :* nấu chín với ít nước và có các gia vị, không mỡ. *Xáo măng :* thịt cò vốn tanh và dai, nấu với măng sẽ không tanh và mềm thịt.

(3) *Can qua : can* là cái mộc ; *qua* là cái mác ; *can qua* chỉ việc chiến tranh. Ở đây : *dân nổi can qua* là nói về việc dân nổi dậy chống triều đình.

(4) *Thất thế :* mất chỗ dựa, mất quyền thế.

(5) *Quáng :* chói nắng, chói sáng ; ở đây, mong ngày mau tắt quáng có nghĩa là mong chóng hết ngày.

(6) *Còng :* một loại cua nhỏ con, cẳng ngắn hơn hoặc dài hơn cẳng cua. Ở đây nói cua còng là nói tiếng đôi.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Ở bài 5, con cò là ẩn dụ về người nông dân lao động. Lời bài ca dao là lời con cò đi kiếm ăn, bị nạn. Hãy tưởng tượng về cảnh ngộ của kẻ bị nạn và ý nghĩa lời cầu xin (Ghi chú : thật ra, loài cò không ăn đêm như loài vạc).

2. Ở bài 6, câu lục bát đầu nói về số phận không thể đổi thay của mỗi người trên đời này. Câu lục bát sau nói về sự đảo ngược số phận bắt nguồn từ cuộc "dân nổi can qua". Em thấy những ý tưởng nêu trong bài ca dao này có gì sai, đúng ? (Ghi chú : đối lập vua/sãi (ở chùa) chắc có một ám chỉ nào đó về mặt lịch sử, nhưng khá mơ hồ, do đó ta sẽ không đi vào chi tiết này).

3. Bài 7 là lời than thân của người đi ở. Em hãy suy nghĩ từ những nỗi khổ cực kể lể ở dòng cuối để hiểu lòng mong mỏi đêm chóng sáng, ngày chóng tối nêu ở hai dòng đầu.

4. Bài 8 là lời của ai ? Người ấy than thân trách phận về điều gì ? Cách nói sáng/chiều, lên ngàn/xuống biển, kiếm củi/mò cua ở đây có ý nghĩa gì ?

II– *NHỮNG BÀI CA DAO CƯỜI CỢT*

1. Số cô chẳng giàu thì nghèo,
Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà[1].
Số cô có mẹ có cha,
Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.
Số cô có vợ có chồng,
Sinh con đầu lòng, chẳng gái thì trai...

thuongmaitr

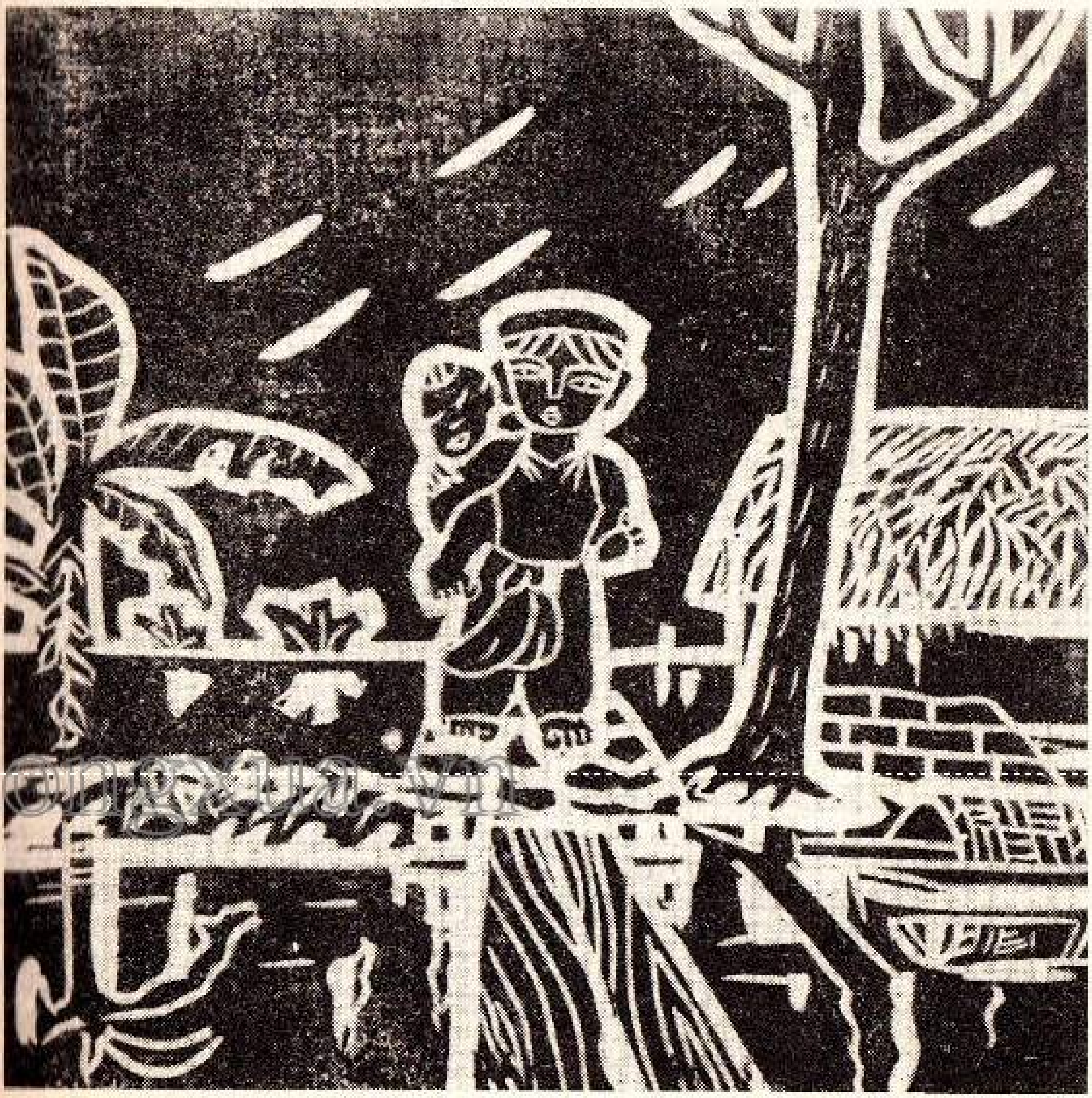

Bống bống cõng chồng đi chơi...

2. Bống bống cõng chồng đi chơi,
Đi đến chỗ lội, đánh rơi mất chồng.
Chị em ơi cho tôi mượn cái gầu sòng(2),
Để tôi tát nước múc chồng tôi lên.

3. Cái cò lặn lội bờ ao
Hỡi cô yếm đào, lấy chú tôi chăng ?
Chú tôi hay tửu hay tăm(3),
Hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa.

Ngày thì ước những ngày mưa[4],
Đêm thì ước những đêm thừa trống canh[5].

4. Cưới nàng anh toan dẫn[6] voi,
Anh sợ quốc cấm[7] nên voi không bàn,
Dẫn trâu sợ họ máu hàn[8],
Dẫn bò sợ họ nhà nàng co gân.
Miễn là có thú bốn chân,
Dẫn con chuột béo, mời dân mời làng.
– Chàng dẫn thế, em lấy làm sang,
Nỡ nào em lại phá ngang như là ...
Người ta thách lợn thách gà[9]
Nhà em thách cưới một nhà khoai lang
Củ to thì để mời làng,
Còn như củ nhỏ họ hàng ăn chơi
Bao nhiêu củ mẻ chàng ơi !
Để cho con trẻ ăn chơi giữ nhà.
Bao nhiêu củ rím, củ hà[10]
Để cho con lợn con gà nó ăn ...

thuongmaitr

Chú giải

(1) Theo phong tục, ngày ba mươi tết, nhà dù nghèo cũng cố lo mâm cơm cúng tổ tiên.

(2) *Gàu sòng :* đồ đan bằng tre hình lòng máng có cán dài, giữa cán treo vào một cái giá ba chân, dùng để tát nước vào chân ruộng thấp.

(3) *Tửu, tăm :* rượu (tiếng đôi).

(4) Ước ngày mưa để khỏi phải đi làm.

(5) Ước đêm thừa trống canh (!) để được ngủ dài.

(6) *Dẫn :* dẫn cưới : nhà trai đem lễ vật đến nộp cho nhà gái. *Thách :* thách cưới : yêu cầu của nhà gái đối với nhà trai về tiền cưới và lễ vật (thường là đòi quá lên nên dùng chữ *thách*).

(7) *Quốc cấm :* thú bị nhà nước cấm dùng hoặc mua bán.

(8) *Máu hàn :* theo quan niệm dân gian, thịt trâu thuộc loại thức ăn "lạnh", người có "máu hàn" ăn dễ sinh bệnh (đau bụng).

(9) Xem chú giải (6).

(10) *Củ rím, củ hà :* khoai lang bị úng nước, bên trong có những chỗ thâm thối thì gọi là khoai rím, khoai hà (thật ra, lợn, gà cũng không ăn thứ khoai này).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài 1 là lời của ai ? Hãy nêu những chi tiết mà ta gọi là nói "nước đôi" trong bài. Tìm những câu ca dao chống mê tín dị đoan khác mà em biết.

2. Bài 2 chế giễu nạn tảo hôn (lấy vợ, lấy chồng sớm, khi chưa đến tuổi thành niên, là tuổi đã lớn khôn). Nạn tảo hôn có liên quan đến việc lợi dụng sức lao động của người phụ nữ. Đây là lời của một cô gái lấy phải anh chồng bé con. Hãy tìm chi tiết cười cợt gây cảm xúc xót xa trong bài.

3. Loại người lười biếng lại thường ham ăn, ham uống. Hãy xem anh ta "hay" gì, "ước" gì ? Hai dòng đầu có ý nghĩa gì ?

4. Trong hát đối đáp của một số địa phương, có chặng *hát cưới*. Đến chặng này, hai bên tưởng tượng đến lúc cưới xin. Có lời nghiêm trang, có lời đùa cợt. Nhưng nghiêm trang hay cười cợt đều có ý nghĩa riêng của nó. Đây là lời thách cưới và lời hứa dẫn cưới đùa cợt nhưng cũng là nụ cười tự trào (= tự cười mình) của người nghèo. Em hãy đọc cho vui. Sau đó, phát biểu một cảm nghĩ thực của riêng em về lời thách cưới của cô gái ("Nhà em thách cưới một nhà khoai lang...").

NHỮNG BÀI CA DAO CƯỜI CỢT (tiếp)

truongxua.vn

5. Chập chập thôi lại cheng cheng(1)
Con gà trống thiến để riêng cho thầy
Đơm xôi thì đơm cho đầy,
Đơm vơi thì thánh nhà thầy mất thiêng !

6. Cậu cai(2) nón dấu lông gà(3),
Ngón tay đeo nhẫn gọi là cậu cai.
Ba năm được một chuyến sai,
Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.

7. Con mèo mày trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà.
– Chú chuột đi chợ đàng xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo !

8. Cái cò là cái cò kì(4)
Ăn cơm nhà dì, uống nước nhà cô.
Đêm nằm thì ngáy o o,
Chửa đi đến chợ đã lo ăn quà.

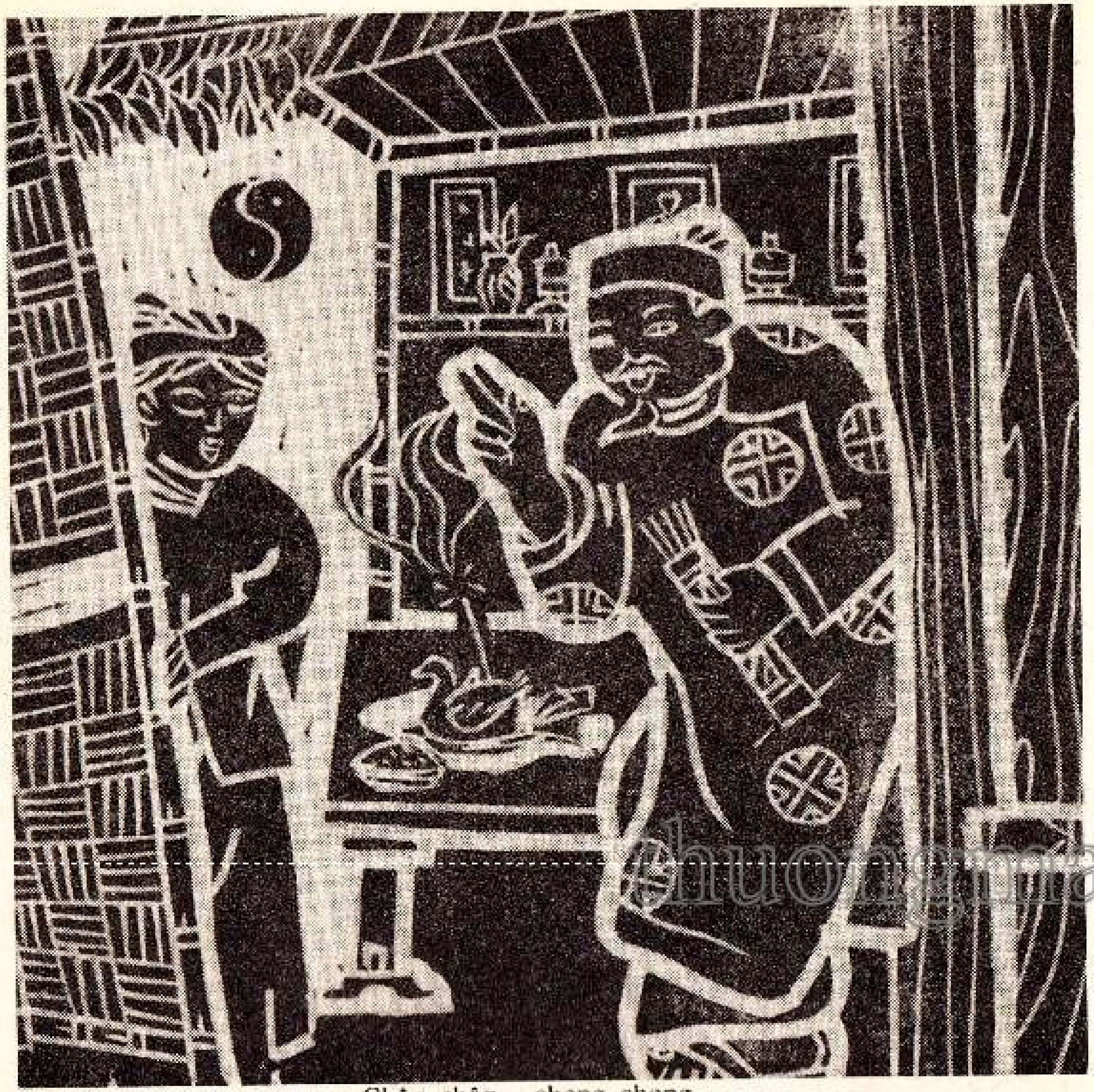

Chập chập... cheng cheng...

Hàng bánh, hàng bún bày ra,
Củ từ, khoai nước lẫn là cháo kê.
Ăn rồi cắp đít ra về,
Thấy hàng chả chó lại lê trôn[5] vào ...

Chú giải

(1) *Chập chập, cheng cheng :* những tiếng mô phỏng thanh âm của cái tiu, cái cảnh (những nhạc khí bằng đồng, treo ở một cái giá con) mà thầy cúng gõ vào để điểm nhịp cho bài khấn ê a của họ.

(2) *Cậu cai :* chức cai quản khoảng 10 người lính. Người dân thường tôn xưng họ là *cậu cai, thầy cai,* ... để lấy lòng. Cai nói ở đây là *cai lệ*, tức là chức cai coi đám lính gác và phục dịch ở phủ, huyện xưa.

(3) *Nón dấu lông gà :* nón chóp, trên đỉnh có túm lông gà, của lính tráng xưa.

(4) *Cò kì :* không có loài cò nào là cò kì ; *kì* cũng có một nghĩa là *lạ, khác thường,* nhưng suy diễn như vậy hơi xa ; có lẽ nói *cò kì* để bắt vần với ăn cơm *nhà dì* ở câu dưới.

(5) *Trôn :* dít, đáy, chỗ tận cùng. Chú ý : *lễ trôn* ở dòng dưới đối với *cắp dít* ở dòng trên.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài 5 nói về thầy cúng hoặc thầy pháp, là những người làm nghề mê tín (nghề làm cho người ta tin vào những điều nhảm nhí để kiếm ăn). Cứ xét những điều thầy dặn dò nhà chủ về con gà, đĩa xôi thì đủ rõ nhân dân hiểu kĩ họ đến mức độ nào.

2. Bài 6 tả "cậu cai" chỉ bằng mấy nét vừa chính xác vừa có ý giễu cợt. Hãy chỉ ra và phân tích những nét đó.

3. Bài 7 có ý vị ngụ ngôn. Chuột/mèo ám chỉ những hạng người nào và có quan hệ với nhau ra sao trong xã hội ? Mèo "hỏi thăm" chuột là nghĩa thế nào ? Chuột "giỗ cha con mèo" là nghĩa thế nào ?

4. "Cái cò kì" ở bài 8 là ẩn dụ về người đàn bà hay người đàn ông ? Thói xấu bị chế giễu ở đây là thói xấu gì ? Em biết những câu tục ngữ, ca dao nào có nội dung tương tự.

truongxua.vn

5. Em hãy nêu những nhận xét chung về nghệ thuật châm biếm của ca dao qua 8 bài đã học ?

(Chú ý cách chọn các chi tiết và cách dùng từ ngữ)

ĐỌC THÊM

NHỮNG BÀI CA DAO ÂN TÌNH, NGHĨA TÌNH

I– *TÌNH CẢM GIA ĐÌNH*

1. Đói lòng ăn hột chà là[1],
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.

2. Ngó lên trời, trời cao lồng lộng ;
Ngó xuống đất, đất rộng mênh mông ;
Biết răng chừ[2] cá gáy hóa rồng[3]
Đền ơn thầy mẹ ẵm bồng ngày xưa.

3. Chị em như chuối nhiều tàu,
Tấm lành che tấm rách, đừng nói nhau nặng lời.

4. Giàu như nẫu[4], sáng cơm chiều cá :
Nghèo như em, sáng rổ rau má[5] chiều trã[6] cua đồng.
Ơn cha không bỏ, nghĩa chồng không quên.

Chú giải

(1) *Chà là :* cây chà là thuộc loài cau rừng, mặt cật, cho quả thành chùm lớn ; quả giống quả cọ, có thể ăn được.

(2) *Răng chừ :* bao giờ (tiếng địa phương).

(3) *Cá gáy hóa rồng :* theo niềm tin của người xưa, hằng năm vào mùa thu, các loài cá tôm đua nhau tới Vũ Môn, nơi có thác cao vực sâu, nhảy thi, con nào vượt qua Vũ Môn thì hóa rồng. Người ta cho rằng riêng loài cá gáy (cá chép) có tài đó, nên có thành ngữ "cá gáy hóa rồng". Thành ngữ "cá gáy hóa rồng" (hoặc "cá vượt Vũ Môn") thường dùng để nói về học trò đi thi đỗ đạt.

(4) *Nẩu* (còn là nậu ấy) : người ấy, những người ấy ; người ta (tiếng địa phương).

(5) *Rau má* : xem chú giải (6), bài *Vè rau* (*Văn học 7*, Tập một). Ở đây, rau má được hiểu là rau má ăn trừ bữa (đối với câu trên : sáng cơm, chiều cá).

(6) *Trã* : xem chú giải (2), bài 1, mục II, sách này.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài 1 biểu hiện lòng hiếu thảo của người con nghèo đối với mẹ già.

Hãy liên kết các chi tiết, hình ảnh cụ thể trong bài để tìm đến nét tâm tình đó.

2. Tìm mối quan hệ giữa hai dòng đầu với hai dòng cuối của bài 2. (Tại sao thấy trời cao, đất rộng lại liên tưởng đến công ơn cha mẹ ?) Người hát lời ca này là ai ? Người đó có ước mong gì ?

3. Em hãy tìm một bài ca dao khác hợp với ý tình của bài 3.

4. Bài 4 là lời của ai ? Nói về điều gì ? Tại sao để nhấn mạnh ý tình "ơn cha không bỏ, nghĩa chồng không quên" lại phải nói cụ thể về cảnh nghèo của mình và cảnh giàu của người khác ?

II– *TÌNH BẠN – TÌNH NGƯỜI – TÌNH CẢM GẮN BÓ VỚI CÔNG VIỆC LÀM ĂN VÀ NHỮNG VẬT THÂN THUỘC*

1. Ra đi vừa gặp bạn quen,
Cũng bằng dội nước hồ sen trước chùa.

2. Thuyền về có nhớ bến chăng ?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

3. Em hỏi anh :
Trong các thứ dầu, có dầu chi là dầu không thắp ?
Trong các thứ bắp, có bắp chi là bắp không rang ?
Trong các thứ than, có than chi là than không quạt ?
Trong các thứ bạc, có bạc chi không đổi không mua ?
Trai nam nhi chàng đối được mới rõ hơn thua phen này.

– Trong các thứ dầu, có nắng dãi mưa dầu[1] là dầu không thắp.
Trong các thứ bắp, có bắp mồm bắp miệng[2] là bắp không rang
Trong các thứ than, có than hỡi than hời[3] là than không quạt.

Đám cưới chuột – Tranh dân gian

Trong các thứ bạc, có bạc tình bạc nghĩa là không đổi không mua[4].
Trai nam nhi đã đối đặng[5], hỏi thiếp chừ[6] tính sao ?

(Hát đố)

4. Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng, đá mềm
Trời trong bể lặng mới yên tấm lòng

5. Người ta rượu sớm trà trưa,
Em nay đi nắng về mưa đã nhiều.
Lạy trời mưa thuận gió đều,
Cho đồng lúa tốt, cho chiều lòng em.

6. Tre già anh để pha nan
Lớn đan nong né, bé đan giần sàng[7]
Gốc thì anh để kê giường
Ngọn ngành anh để cắm giàn trầu, dưa.

thuongmaitr

Chú giải

(1) Có bản ghi là : *dầu xoa* không ai thắp.

(2) Có bản ghi là : *bắp chuối* không ai rang. *Bắp mồm bắp miệng* là nói lắp bắp.

(3) Có bản ghi là : *than thân* không ai quạt,

(4) Có bản ghi là : *bạc tình* bán chẳng ai mua.

(5) *Đặng* : được.

(6) *Chừ* : giờ.

(7) *Nong* : đồ đan bằng tre, nông lòng mà lớn, dùng để phơi thóc lúa ngô khoai : *nong né* : tiếng đôi. *Giần* : đồ đan bằng tre, dùng để phân gạo với tấm, cám ; *sàng* : đồ đan bằng tre, dùng để phân gạo với thóc.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Có thể dựa vào những bài tương tự ở phần học chính thức để tìm hiểu những bài đọc thêm.

2. *Thuyền – bến* là một cặp ẩn dụ về chàng trai - cô gái trong quan hệ lứa đôi. Em hãy tưởng tượng cảnh *thuyền đi – bến đợi* và suy ngẫm về ý nghĩa của cặp hình ảnh ẩn dụ này.

3. Bài 3 dựa vào phép chơi chữ (khai thác hiện tượng đồng âm) để thử tài nhau và đùa vui trong hát đối đáp nam nữ. Nhưng ở đây có một ý nghiêm chỉnh, nói về một điều rất quan trọng trong quan hệ lứa đôi và trong tình bạn, tình người nói chung. Em hãy chỉ ra điểm đó.

4. Hãy phân tích ý nghĩa của mỗi từ *trông* trong bài 5. Sau đó, nhận xét chung về tất cả những sự *trông* đó của người đi cấy - chủ ruộng.

5. Người phụ nữ nông dân ở bài 5 muốn nói gì khi so sánh cảnh người ta "rượu sớm trà trưa" với cảnh mình "đi nắng về mưa" ? Có người phê phán cách nói *lạy trời...* ở đây. Ý kiến em thế nào ?

6. Ý nghĩa bài 6 không phải chỉ ở chỗ nó nói lên vai trò của cây tre trong đời sống, sinh hoạt của người nông dân và tài khéo của họ trong việc tận dụng toàn bộ cây tre, thứ nào vào việc ấy. Chiều sâu của bài này là ở tình cảm của người ta đối với việc làm ăn và vật thân thuộc. Em hãy cố gắng tìm hiểu điểm này (chú ý giọng điệu của lời ca).

III– *TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC*

1. Rủ nhau ra tắm hồ sen,
Nước trong bóng mát, hương chen cạnh mình.
Cứ chi vườn ngọc, ao quỳnh[1]
Thôn quê vẫn thú hữu tình[2] xưa nay.

truongxua.vn

2. Ai về Phú Thọ cùng ta,
Vui ngày giỗ Tổ[3] tháng ba mồng mười.
Dù ai đi ngược về xuôi,
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba.

3. Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ[4],
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn[5],
Đài Nghiên, tháp Bút[6] chưa mòn,
Hỏi ai gây dựng nên non nước này ?

4. Đường vô xứ Nghệ quanh quanh[7]
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ[8]
Ai vô xứ Nghệ thì vô...

5. Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,
Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sình[9].
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

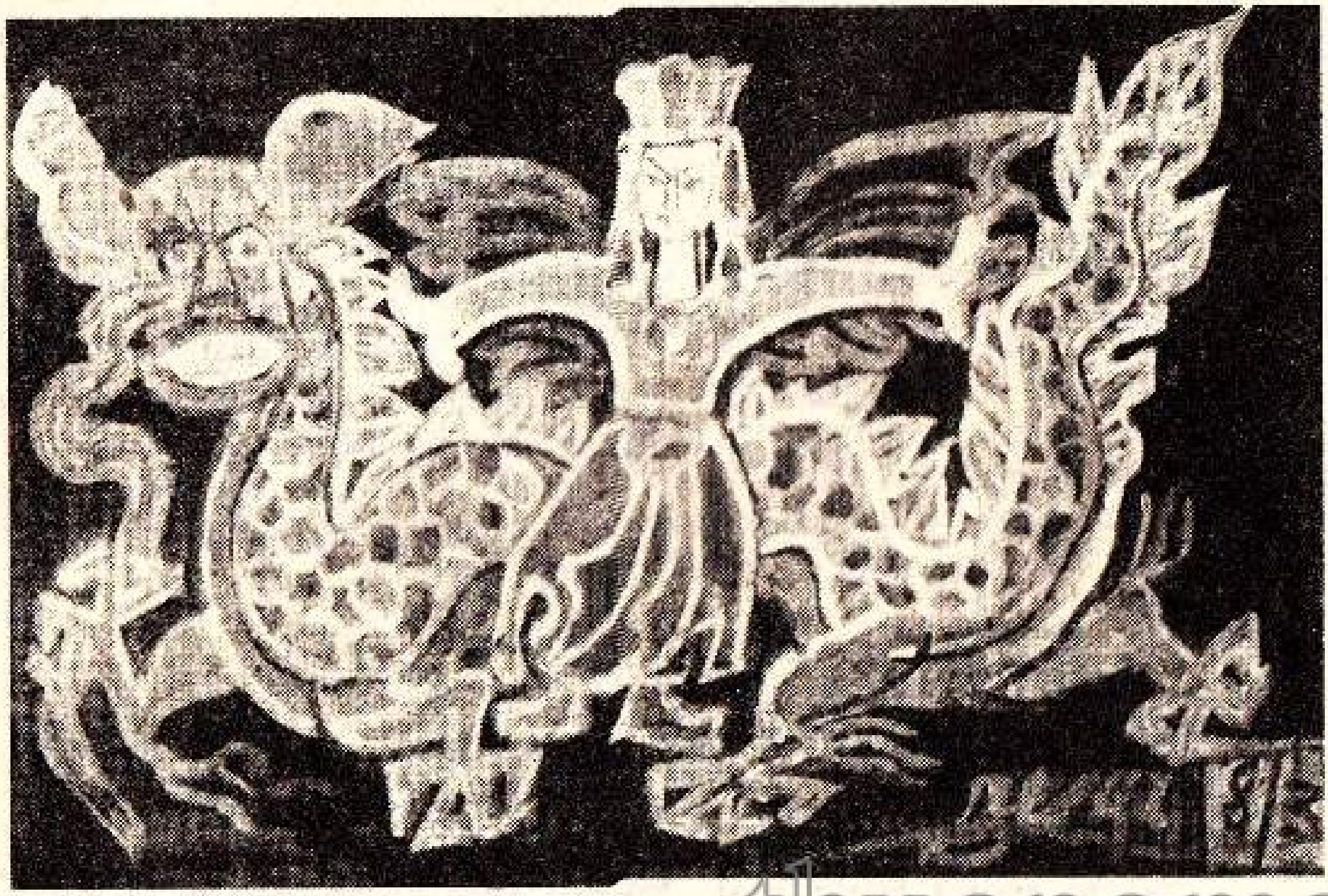

thuongmaitr

Cô gái cưỡi rồng – Tranh sơn mài của Nguyễn Tư Nghiêm

6. Đồng Nai[10] gạo trắng nước trong,
Ai đi đến đó thời không muốn về.

7. Nhà Bè[11] nước chảy trong ngần,
Buồm nâu, buồm trắng chạy gần chạy xa.
Thon thon hai mái chèo hoa
Lượt qua lượt lại như là gấm thêu.

Chú giải

(1) *Vườn ngọc, ao quỳnh : ngọc* là đá quý ; *quỳnh* cũng là ngọc. *Vườn* hoa, *ao* nước là cảnh vật mà xưa kia những nhà giàu sang, quyền quý thường tạo dựng để ngắm chơi. *Vườn ngọc, ao quỳnh* là vườn hoa, ao nước quý đẹp của vua chúa, quý tộc. Ở đây nói đến vườn ngọc ao quỳnh nhà vua quan để so sánh với cái hồ sen ở nhà quê ; nói rộng ra là so sánh cảnh vật nông thôn với chốn phồn hoa.

(2) *Hữu tình* : xem chú giải (5), bài III– *Tình yêu quê hương, đất nước* (sách này).

(3) *Giỗ Tổ* : giỗ các vua Hùng, tổ tiên chung của người Việt ta, tổ chức ở Đền Hùng, Phú Thọ vào ngày mùng mười tháng ba âm lịch, tục gọi là Hội đền Hùng.

(4) *Kiếm Hồ* : Hồ Gươm (Hồ Hoàn Kiếm).

(5) *Cầu Thê Húc* : *húc* là ánh sáng mặt trời mới mọc, *thê* : đậu lại ; cầu *Thê Húc* là cầu đón nhận ánh sáng ban mai.

Chùa Ngọc Sơn : chùa là nơi thờ Phật ; đền là nơi thờ Thần. Ngọc Sơn vẫn được gọi là đền Ngọc Sơn. Tuy nhiên, ở nước ta, từ xa xưa vốn có hiện tượng thờ chung Thần, Phật, Tiên, Thánh ; từ đó có thể có sự gọi lẫn lộn mà ta nên tránh.

(6) *Đài Nghiên, tháp Bút : tháp Bút*, ngôi tháp trên đỉnh xây hình cây bút (bút lông, viết chữ Nho), bên trái cổng vào đền Ngọc Sơn ; *Đài Nghiên* : đài hình cái nghiên mực (mực để viết chữ Nho) trên cổng đền Ngọc Sơn. Ở một thời điểm nhất định trong ngày, hình ngọn bút trên tháp sẽ "chấm" vào đài Nghiên.

(7) Câu này có nơi ghi là : *Đường vô xứ Huế*... (đây là hiện tượng thường thấy trong ca dao).

(8) *Tranh họa đồ* : tranh vẽ. Thành ngữ : Đẹp như tranh (vẽ).

(9) Các địa danh nêu trong bài này đều ở Huế, ven sông Hương, rất thân thuộc với người dân cố đô.

(10) *Đồng Nai* : một tỉnh Nam Bộ ; cũng là tên chỉ chung Nam Bộ hoặc cả vùng đồng bằng sông Đồng Nai (tùy văn cảnh).

ruongxua.vn

(11) *Nhà Bè* : sông Nhà Bè, thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, nơi hợp lưu (nhập dòng) giữa sông Sài Gòn và sông Đồng Nai.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Có thể dựa vào những bài tương tự ở phần học chính thức để tìm hiểu những bài đọc thêm.

2. Bài 1 nói về một thú hữu tình của chốn quê : tắm nước hồ sen. Ở đây không ca ngợi một cảnh đẹp mà nói về một *thú quê* (*thú quê* là điều kiện sinh hoạt ở nhà quê với ý vị riêng của nó). Người ta so sánh hồ sen với "vườn ngọc, ao quỳnh" để nói hết lời về cái thú tắm nước hồ sen.

3. Em hãy phân tích từ ngữ "Rủ nhau" và suy ngẫm về câu cuối bài : *Hỏi ai gây dựng nên non nước này* ?.

4. Nếu tập hợp tất cả những câu ca dao ngợi ca sự giàu đẹp của mỗi vùng quê, tài khéo của con người mỗi địa phương (như các bài 5, 6, 7, ...) ta sẽ có một tập ca dao như thế nào ? Và em sẽ đặt cho một tập câu hát dân gian như thế cái tên gì ?

NHỮNG BÀI CA DAO THAN THÂN VÀ NHỮNG BÀI CA DAO CƯỜI CỢT

I– *THÂN PHẬN NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO KHỔ TRONG XÃ HỘI CŨ*

1. Con ơi nhớ lấy câu này
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

2. Giàu từ trong trứng giàu ra,
Khó từ ngã bảy ngã ba khó về.

3. Đất đâu đất lạ đất lùng[1]
Đi làm lại có thổ công[2] ngồi bờ.
Ngồi bờ lại chả ngồi không,
Hai tay chống gối mắt trông người làm.

4. Một ngày hai bận trèo non,
Lấy gì mà đẹp mà giòn[3] hỡi anh ?

5. Đông ken[4] cho rét quăn da,
Thương anh vác cạn thuyền ta nhọc nhằn[5].

6. Thuyền nan mà đậu bến than,
Thương anh vất vả cơ hàn[6] nắng mưa.

7. Cao su đi dễ khó về,
Khi đi trai tráng, khi về bủng beo[7].

8. Ăn cơm với cá mòi he[8],
Lấy chồng Cẩm Phả đun xe suốt đời[9].

Chú giải

(1) *Đất* : có một nghĩa chỉ một xứ nào, một nơi nào. Ở đây dùng từ "đất" vì câu dưới nói đến "thổ công".

(2) *Thổ công* : thần chủ trì một nơi, một xứ (gồm cả bản mạng của người ở nơi chốn đó, xứ đó). (Chú ý : *thổ công* khác *thổ địa* ; *thổ địa* là thần chủ trì đất đai. Có nơi gọi *thổ công* là *thổ thần*). Ở đây, *thổ công* chỉ chúa đất tức là ông chủ ruộng thuê người làm.

(3) *Giòn* : xinh đẹp,

(4) *Đông ken* : đương tiết đông.

(5) *Vác cạn* : thuyền ngược, gặp bãi cạn, bạn thuyền (tức là các trai đò) phải khiêng thuyền lên, vác qua chỗ cạn. Đây là một câu hò đò dọc.

(6) *Cơ hàn* : đói rét.

(7) *Bủng beo* : da dẻ xanh xao vàng vọt, bệu xốp ; nói về da dẻ của người bệnh, người lâu ngày thiếu ăn (xưa thường chỉ nước da của người "sốt rét ngã nước").

(8). *Cá mòi :* thứ cá biển nhỏ con, giẹp mình, lắm xương mà béo ; *cá mòi he* : là một trong những loại cá mòi tạp.

(9) *Cẩm Phả* : một thị xã thuộc tỉnh Quảng Ninh ; cũng là tên một mỏ than lớn ở đây. *Đun xe* : đẩy xe goòng chở than.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài 1 có nội dung và hình thức tương tự một câu tục ngữ. Chất ca dao của nó thể hiện ở cách nói có tính chất răn dạy bằng trò chuyện (*Con ơi nhớ lấy*...). "Định nghĩa" cướp đêm cướp ngày ở đây cho thấy "quan" (kẻ có chức quyền cai trị dân hoặc quân lính xưa kia) và "giặc" giống nhau và khác nhau ở điểm nào ?

2. Em hãy giải thích câu "Giàu từ trong trứng giàu ra" và "Khó từ ngã bảy ngã ba khó về". Câu này nói về số phận của kẻ giàu người nghèo. Cách khái quát này có hoàn toàn đúng không ?

3. Bài 3 nói về hiện tượng ốp người làm thuê của địa chủ, phú nông xưa kia. Chú ý giọng mỉa mai của người làm thể hiện ở một số từ ngữ trong bài.

4. Em có cảm được và hiểu được chút nào về ý tình than thân của người phụ nữ ở bài 4 không ?

5. Em hình dung người cảm thông với nỗi nhọc nhằn của anh trai đò vác thuyền vượt cạn là ai ? (Không nên quên là người ấy *thấy* được cả cái rét, cái lạnh ngoài sông nước lúc trời đông).

6. Với bài 6 em cũng có thể tự đặt ra câu hỏi và trả lời, tương tự như với bài 5, (Ở đây nói về người phu mỏ chở than từ bến ra tàu hoặc sà lan đậu ở xa bến).

7. Bài 7 nói về một trong muôn vàn nỗi khổ của những người phu đồn điền cao su thời Pháp thuộc. "Đi dễ" vì dân quá nghèo, sẵn sàng chấp nhận những điều kiện hợp đồng thảm hại của bọn Tây mộ phu. "Khó về" vì càng làm càng bị trói buộc vào sở đồn điền do nhiều thủ đoạn thâm độc của bọn chủ và lũ tay chân của chúng. Em có nhận xét gì về cách nói "đi dễ/ khó về", "khi đi.../khi về..." ở đây ?

Đối với người nông dân phải bỏ làng ra mỏ lấy chồng làm phu, được "ăn cơm với cá mòi he" có lẽ cũng không đến nỗi nào. Nhưng, đổi lại, phải "đun xe suốt đời" (chưa nói những nỗi nhục khác), chắc chắn là nhọc nhằn hơn làm ruộng.

II– *NHỮNG BÀI CA DAO CƯỜI CỢT*

1. Đồn rằng quan tướng[1] có danh[2]
Cưỡi ngựa một mình, chẳng phải vịn ai.
Ban khen rằng : "Ấy mới tài"
Ban cho cái áo với hai đồng tiền.
Đánh giặc thì chạy trước tiên.
Xông vào trận tiền[3] cởi khố giặc ra (!)[4]
Giặc sợ, giặc chạy về nhà.
Trở về gọi mẹ mổ gà khao quân !

2. Nhất hào[5]
Nhị hào, tam hào ...
Chó chạy bờ ao,
Chuột chạy bờ rào ...
Quẻ[6] nhà này có động[7] !
Nhà này có quái[8] trong nhà,
Có con chó đực cắn ra đằng mồm.
Nhà bà có con chó đen,
Người lạ nó cắn người quen nó mừng.
Nhà bà có cái cối xay,
Bốn chân xuống đất, ngõng[9] quay lên trời ...

Bịt mắt bắt dê – Tranh dân gian.

thuongmaitr

3. Ăn no rồi lại nằm khoèo
Nghe giục trống chèo bế bụng đi xem.

4. Giàu như ai thì tôi không biết,
Chứ giàu như tôi, chừ[10] ít kẻ muốn vô.
Trong nhà trống rỗng, chỗ mô cũng thấy trời.
Ngoài vườn chẳng thiếu chi đồ chơi,
Nàng nàng, bợp bợp[11] mọc thời huyên thuyên.
Rau dền rau má mọc riêng,
Cỏ chỉ cỏ cú[12] mọc liền đầy sân.
Trong nhà có sắm một cái giàn,
Để năm ba tấm đệm, vài ngàn lá tơi.
Lại thêm năm bảy cái nón cời,[13]
Vài gùi giẻ rách để chờ thời diện sang.
Tôi kể ra thì trâu với ruộng nhất làng,
Tới mùa đi gặt tràn lan cả đồng.[14]
Gặt rồi họ được trả công,
Lúa ai gánh về nhà nấy, tôi xách cái mủng[15] không tôi về.

uongxua.vn

Cơm nấu vừa nát vừa khê
Đem ra ăn với muối, no nê ngon lành.
Bữa ăn năm bảy cái bát sành,
Cái thì sứt miệng, cái lành như răng cưa.
Mâm nan đứt lạt bung thùa[16]
Lên non bẻ năm ba đôi đũa sặt[17] khỏi mua tốn tiền.
Nhón chân kêu : bớ nữ hiền,[18]
Giàu như qua[19] mức nó[20] em còn phiền nỗi chi ?

Chú giải

(1) *Quan tướng :* chức quan võ, đứng đầu một đạo binh.

(2) *Có danh :* có tiếng, nổi tiếng.

(3) *Trận tiền* : trước trận, chỗ giáp quân địch.

(4) Có bản ghi là : cởi khố chạy ra, có nghĩa là tự cởi khố của mình mà xông vào quân giặc (khiến giặc sợ mà bỏ chạy !).

(5), (6), (7), (8) : những từ dùng trong bói toán. Bói có nhiều phép. Các ông thầy bói ở ta thường chỉ dùng phép bói gieo tiền đồng. Người xem bói hỏi việc gì thì thầy khấn rồi gieo quẻ bằng 3 đồng tiền. Mỗi lần gieo (tức là buông 3 đồng tiền cho rơi vào 1 cái đĩa) là một hào. Gieo 6 lần thành một quẻ. Sáu hào ăn theo

năm việc chính (cha mẹ, tài lợi, công danh, ...). Tùy theo các đồng tiền sấp ngửa, thầy cứ dựa vào các bài bản đã được thành lập sẵn mà đoán phỏng chừng. Vì vậy có câu : "Thầy bói nói dựa".

(9) *Ngõng* : cái trụ của hai thớt cối xay lúa (tất nhiên ngỗng cối phải ... ngỏng lên trời !)

(10) *Chừ* : xem chú giải (6), tr.28, sách này.

(11) *Nàng nàng, bợp bợp* : tên mấy loài rau dại mọc lung tung trong vườn (bỏ hoang).

(12) *Cỏ chỉ, cỏ cú* : tên mấy loài cỏ dại (*cỏ cú* là cỏ gấu).

(13) *Nón cời* : nón xấu, nón rách.

(14) Đây là nói về trâu và ruộng của người khác. Điều này được nói rõ ở câu dưới (cũng với giọng bông đùa).

(15) *Múng* : cái thúng nhỏ. *Thúng múng* : tên gọi chung các loại thúng lớn nhỏ.

(16) *Bung thùa* : bung ra.

(17) *Sặt* : loại lau sậy, giống như trúc.

(18) *Bớ* (tiếng để gọi, tương tự như tiếng *ới*) ; *bớ nữ hiền* : hỡi cô em dễ thương.

(19) *Qua* : ta (tự xưng hô với người ngang hàng hoặc người dưới).

(20) *Mức nớ* : cỡ đó, mức đó.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài 1 chế giễu loại quan võ có chức, có danh, lại được vua khen là có tài. Tài cưỡi ngựa một mình ; tài đánh giặc bằng võ ... cởi khố ! Tướng ấy, vua ấy chắc là "đặc sản" của thời ... mất nước.

2. Hãy so sánh bài 2 với bài *Số cô chẳng giàu thì nghèo.*

3. Bài 3 chế giễu những anh chàng lười, mà "đặc trưng" được chỉ rõ là ham ăn ("bế bụng "), biếng làm ("nằm khoèo"), ham chơi ("bế bụng đi xem"). (Ghi chú : Đôi khi, người ta cũng dẫn câu ca dao này để dẫn chứng về niềm ham mê *Chèo* của người nông dân ta xưa kia. Ta có thể hiểu là : Chèo có sức hấp dẫn đến mức ngay cả hạng "ăn no nằm khoèo" cũng phải "bế bụng đi xem").

4. Bài 4 là lời của một chàng trai tự cười cợt cái nghèo của mình. Hoàn cảnh là một cuộc hát đối đáp. Chàng trai đem cái nghèo của mình ra làm đề tài vui đùa bằng cách phóng đại (là nói quá lên) cái nghèo và tả nó như thể khoe giàu. Em hãy nêu một vài cảm nghĩ của em về ý nghĩa cái cười của bài ca dao này.

CA DAO SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Tháp Mười[1] đẹp nhất bông sen,
Việt Nam đẹp nhất có tên Cụ Hồ.

2. Anh đi gìn giữ nước non,
Tóc xanh em đợi, lòng son em chờ.
Anh đi ra lính Cụ Hồ
Con sông, con hói[2] con đò đưa anh.

3. Sinh hoạt thì có bảy đồng[3],
Một đồng bớt lại, sáu đồng món ăn.
Anh trực nhật[4] nghĩ băn khoăn,
Tiền thời có ít biết ăn những gì ?
Rau muống chấm muối trường kì,
Thế mà đời vẫn cứ thì hiên ngang !

4. Khi đi giáo nỏ cầm tay,
Khi về súng lục cối xay đem về[5].
Khi sang đại bác moóc-chê[6]
Khi về tàn rách mũ mê thẹn thùng[7].

tuongxua.vn

5. Đèo cao thì mặc đèo cao,
Trèo lên đến đỉnh ta cao hơn đèo[8].

6. Hôm qua anh đến chơi nhà[9],
Thấy mẹ dệt vải, thấy cha đi bừa,
Thấy em mải miết xe tơ,
Thấy cháu "i, tờ" ngồi học bi bô.
Thì ra vâng lệnh Bác Hồ
Cả nhà yêu nước thi đua phen này[10].

7. *Đóng nhanh lúa tốt*
Lúa tháng năm kén tằm vàng óng[11]
Hạt khô giòn đem đóng thuế nông[12].
Thúng đầy, anh gánh tôi gồng,
Kĩu cà kĩu kịt qua sông qua đò...
Lúa nhiều chiến thắng càng to,
Đồn Tây càng đổ, câu hò lại vang.
Đóng nhanh nhanh khắp xóm làng,
Em thách thôn chàng nộp đủ, nộp mau,

Thóc vàng muôn hạt như nhau,
Chớ mang thóc lép qua cầu gió bay...
Thóc lép bay thẹn tay sàng sảy,
Chúng bạn cười, vai quẩy[13] thêm đau.
Nắng nhiều sớm nở hoa cau
Đóng nhanh thóc tốt càng mau thắng thù.

8. Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết,
Nước dưới sông có tiết[14] đục tiết trong.
Ai ra miền Bắc thưa với Cụ Hồ
Lòng người miền Nam vẫn tròn vành vạnh như chiếc
nón bài thơ[15] đội đầu.

Chú giải

(1) *Tháp Mười :* Đồng Tháp Mười, thuộc đồng bằng sông Cửu Long, Nam Bộ.

(2) *Con hói :* xem chú giải (3), bài *Cơ khổ cho đứa giữ trâu (Văn học 7,* Tập một).

(3) *Sinh hoạt :* gọi tắt từ *sinh hoạt phí*. Những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cán bộ, bộ đội chưa có lương mà chỉ có sinh hoạt phí, tức là một khoản tiền gồm tiền ăn và tiền chi dùng một vài khoản lặt vặt, trên thực tế thì ăn cũng không đủ. *Bảy đồng :* so với giá cả lúc đó thì quá ít, nên bộ đội rất thiếu thốn.

thuongmaitı

(4) *Anh trực nhật :* lúc này một số công việc sinh hoạt được phân công luân phiên từng ngày cho các chiến sĩ ; người được phân công gọi là *trực nhật*.

(5) *Súng lục cối xay :* súng lục ổ quay.

(6) *Moóc–chê* (phỏng âm tiếng Pháp) : súng cối.

(7) Bài này mô phỏng kiểu bài "Khi đi... khi về", "Ngày đi... Ngày về" của ca dao truyền thống (Ví dụ : "Ngày đi trúc chửa mọc măng, Ngày về trúc đã cao bằng ngọn tre"...)

(8) Bài này xuất hiện trước tiên trong dân công (tức là những người dân thường phục vụ bộ đội tải đạn, tải lương thực, cáng thương), chiến dịch Tây Bắc.

(9) Bài này mô phỏng kiểu bài bắt đầu bằng "Hôm qua anh đến chơi nhà" trong ca dao truyền thống (Ví dụ : "Hôm qua anh đến chơi nhà, Thấy mẹ nằm võng thấy cha nằm giường, Thấy em nằm đất anh thương" ...).

(10) Bài này xuất hiện trong phong trào cổ động *Nhà nhà thi đua yêu nước, Người người thi đua yêu nước...* thời bấy giờ.

(11) Ý nói : lúa chín vàng óng như kén tằm.

(12) *Thuế nông :* thuế nông nghiệp, bắt đầu có từ năm 1949–1950. Chính sách này có tác dụng lớn đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và được nông dân nhiệt tình hưởng ứng.

(13) *Quẩy* : gánh.

(14) *Tiết* : mùa.

(15) *Nón bài thơ* : nón phía trong có đề thơ, ý trang trọng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Ca dao được sáng tác và lưu truyền sau Cách mạng tháng Tám 1945, về mặt hình thức nghệ thuật và kiểu bài, xét chung không khác ca dao truyền thống. Nhưng cái mới về mặt nội dung cũng đem lại cho ca dao sau Cách mạng một số nét mới về hình ảnh, từ ngữ và cả về cách biểu đạt. Có những bài đưa vào những từ ngữ như "súng lục cối xay", "đại bác moóc-chê" mà vẫn rất ca dao. Có những bài đầy những hình ảnh ước lệ cổ truyền như bài 2, bài 8 nhưng lại rất mới. Khi đọc, nên chú ý những điểm đó để so sánh với ca dao truyền thống.

2. Nội dung ca dao sau Cách mạng tháng Tám (ở đây chỉ giới thiệu mấy bài ca dao được sáng tác và lưu truyền hồi "chín năm" - 1945-1954) phản ánh được một số nét về cuộc sống nhân dân trên chặng đường lịch sử dân tộc từ 1945 về sau, theo cách riêng của thơ ca dân gian. Khi đọc, cần chú ý những nét miêu tả về *sinh hoạt và tâm tình của những nhân vật mới*, lần đầu tiên xuất hiện trong ca dao : "anh bộ đội Cụ Hồ", anh du kích, người dân công, người nông dân trong các phong trào thi đua yêu nước, người dân vùng địch tạm chiếm một lòng hướng về Cách mạng...

tuongxua.vn

Bài 3

ÔN TẬP

Phần ca dao

I – CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Em hãy trình bày cách hiểu của em về định nghĩa ca dao qua một số ví dụ cụ thể. Theo em, giữa ca dao và vè có những chỗ nào giống nhau và những chỗ nào khác nhau ?

2. Hãy nhắc lại những chủ đề chính của phần chương trình ca dao đã được học và đọc thêm. Về mỗi chủ đề, hãy dẫn ra một vài ví dụ (thuộc lòng).

3. Dựa theo cách tìm hiểu và phân tích các bài ca dao đã được học và đọc thêm, em hãy trình bày theo cách đó những

cảm nhận của em về 3 bài ca dao mà em thích nhất (2 bài về chủ đề ân tình, nghĩa tình ; 1 bài về chủ đề than thân).

4. Em hãy trình bày sự hiểu biết của em về :

a) thể lục bát trong ca dao ;

b) cách phô diễn ý tình (tả tình) bằng hình ảnh so sánh (kể cả so sánh kín, tức là ẩn dụ) trong ca dao ;

c) cách miêu tả bằng một vài chi tiết gợi cảm, đặc sắc nhất của đối tượng miêu tả trong ca dao (tả cảnh vật, tả người).

(Ghi chú : Cần trình bày ý kiến với những ví dụ cụ thể)

II – MỘT SỐ HÌNH THỨC ÔN TẬP KHÁC

1. Tập hợp những bài ca dao học và đọc thêm cùng chủ đề thành một nhóm. Sau đó ôn phần ca dao theo những nhóm bài đó (cả về nội dung lẫn hình thức nghệ thuật). Trên cơ sở đó, tập viết 1 – 2 bài văn về một vài chủ đề mà em có nhiều cảm xúc hơn cả.

2. Em hãy hệ thống hóa lại những gì em học được về tiếng Việt qua ca dao.

thuongmait

3. Tập làm mấy câu lục bát về một chủ đề em thấy có hứng thú. Cố gắng mô phỏng lối diễn tả của ca dao truyền thống.

Bài 4

BÀI TỔNG KẾT VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

I – VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM CÓ NHỮNG Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ GÌ ?

1. VHDG chứa đựng những hiểu biết đúng đắn về cuộc sống nhân dân, về lịch sử dân tộc

– VHDG phản ánh rất chân thực cuộc sống của người lao động, người dân thường qua các thời đại, kể cả đời sống tinh

thần và tình cảm của họ. Chỉ cần đọc *ca dao – dân ca*, vốn là những sáng tác thơ ca ngắn và thiên về biểu hiện những cảm nghĩ riêng tư, cũng có thể nhận biết được hầu như toàn bộ cuộc sống nhân dân. Đó là một bức tranh vừa có tính chất khái quát vừa chứa đầy chi tiết cụ thể, chính xác về cảnh vật, phong tục[1], sinh hoạt, quan hệ gia đình và đời sống xã hội, của các địa phương trên cả nước. Đọc ca dao – dân ca chẳng những biết được những nét chung về xã hội, xứ sở, về tính tình, phong tục của dân chúng mà còn biết được cả những điều thường thức như tên chim muông, cây cỏ và sản vật của các vùng quê. Về mặt này, không một loại nghệ thuật nào, kể cả văn học viết tiến bộ cùng thời, có thể sánh được với VHDG.

– VHDG không chỉ phản ánh những hiện tượng thực tế. Nó còn diễn tả những suy ngẫm, những tình cảm của nhân dân về những hiện tượng ấy hoặc do những hiện tượng ấy gợi lên. Đáng chú ý là những cảm nghĩ, những tâm tư của người dân thường về thân phận cuộc đời họ và về những vấn đề xã hội. Ví dụ : những hiện tượng áp bức, bất công ; những nỗi khổ của nhân dân lao động ; v.v... Đặc biệt, VHDG thường có những ý kiến riêng đối với những sự kiện và nhân vật lịch sử. Ví dụ : VHDG thường bày tỏ (dưới hình thức nghệ thuật) cách đánh giá riêng của nhân dân về công trạng các anh hùng dân tộc, tài đức các danh nhân văn hóa, sự tích các anh hùng nông dân, ... Về mặt này, các thể loại VHDG nói chung, nhất là *sử thi, truyền thuyết, vè lịch sử* ... có tác dụng quan trọng trong việc bổ sung, đính chính và sàng lọc những kiến thức của chúng ta về lịch sử dân tộc.

2. VHDG có ý nghĩa và tác dụng giáo dục phong phú

– Những kinh nghiệm và hiểu biết thực tế của nhân dân được tích lũy qua bao thế kỉ trong VHDG có giá trị vừa thiết thực, vừa sâu xa, bền vững đến mức những sáng tác nghệ thuật này được khoa học định nghĩa là "trí khôn dân gian". Quả thật, tác phẩm VHDG thuộc bất cứ thể loại nào bao giờ cũng có thể gợi cho người ta, ở mọi cảnh ngộ, một bài học có ích về lối ứng xử, về nếp sống, về đạo lí làm người, v.v... theo quan niệm

của nhân dân. Ý nghĩa giáo dục dồi dào về nhiều mặt của các thể loại vốn được làm ra với dụng ý răn dạy như *tục ngữ, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười,...* thì ai cũng biết rõ. Nhưng ngay *những bài ca kèm theo trò chơi* dành cho trẻ em cũng có tác dụng giáo dục nhẹ nhàng mà bổ ích khi nó làm cho trẻ em cảm thấy vui vẻ và hòa hợp với nhau, lại thêm nhanh nhẹn, khéo léo.

– Xưa kia, VHDG là người bạn thân thuộc với mỗi người, với mọi người dân thường suốt cả cuộc đời : chào đời thì nghe *hát ru* ; lúc bé thì nghe *truyện cổ tích*, hát những bài *đồng dao*[2], ... ; lớn lên thì sử dụng các *bài hát, điệu hò, kể vè, kể chuyện* trong các hoạt động lao động, sinh hoạt, vui chơi của người lớn ; khi từ giã cõi đời này thì có *bài ca tang lễ*. Cứ như thế, VHDG đóng vai trò một cuốn sách giáo khoa truyền từ đời này sang đời khác, bền bỉ rèn giũa nếp cảm, nếp nghĩ cho người ta ; bồi dưỡng cho người ta những tính tình, tính cách, phẩm chất của người Việt Nam truyền thống : tính cần kiệm, óc thực tiễn, tình cảm gắn bó với gia đình, với làng xóm, lòng thương người nghèo khổ, hoạn nạn[3], quý lẽ công bằng, trọng sự tình nghĩa, thủy chung, không sợ cường quyền, bạo lực và đặc biệt, giàu lòng yêu nước thương nòi và tinh thần thiết tha với độc lập, tự do.

– Nhưng VHDG cũng có những hạn chế, những chỗ dở mà chúng ta cần nhận rõ, nhất là những nét tính cách không còn phù hợp với sự nghiệp xây dựng xã hội mới của chúng ta ngày nay. Ví dụ : thái độ an phận, cam chịu sự nghèo nàn, lạc hậu ; cách nhìn hẹp hòi với những gì khác lạ với những thói quen, những quan niệm vốn có của mình v.v...

3. VHDG có ý nghĩa và tác dụng to lớn trong việc bồi dưỡng ý thức về cái đẹp và trong việc xây dựng, phát triển nền văn học dân tộc.

– Qua VHDG chúng ta có thể nhận thấy nhân dân ta xưa nay vốn rất yêu cái đẹp trong cuộc sống, cái đẹp nơi con người, cái đẹp của thiên nhiên. Đọc *truyện cổ tích, ca dao, dân ca, tục ngữ*, v.v... chúng ta thấy nhân dân thường ưa thích sự hài hòa

thuongmaitu

của cái đẹp với cái thật và cái tốt ; ưa thích cái đẹp ở đó cái cốt lõi hiện thực chân thực luôn thấm đượm tình yêu cuộc sống và những mơ ước về một cuộc đời tốt đẹp hơn.

– VHDG chẳng những được dân chúng ưa thích, sử dụng, lưu truyền, mà còn được chính các nhà văn, nhà thơ lớn từ thời cổ đến thời hiện đại coi như một thứ kiểu mẫu của nghệ thuật ngôn từ.(4) Xưa, các nhà học thức thưởng thức dân ca cảm thấy như được tắm gội trong một nguồn suối mát mẻ. Các nhà viết truyện đánh giá VHDG là mảnh đất sinh ra những cốt truyện, những chi tiết, những hình tượng nhân vật hoàn thiện nhất về mặt nghệ thuật. Các nhà thơ học được thơ trong ca dao, mà có người coi là "khuôn thước cho lối thơ trữ tình".

II – VHDG VÀ VĂN HỌC VIẾT CÓ QUAN HỆ VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO ?

1. VHDG và văn học viết là những dạng khác nhau của cùng một loại nghệ thuật – nghệ thuật ngôn từ

uongxua.vn

– Tác phẩm VHDG cũng như tác phẩm văn học viết đều là những công trình nghệ thuật bằng ngôn từ. Đó là những sáng tác nghệ thuật dùng chất liệu ngôn từ để sáng tạo những hình tượng về cuộc sống nhằm thể hiện cách nhìn, cách hiểu, cách nghĩ của người sáng tác về con người và sự sống con người.

– Tuy cùng có chung bản chất là nghệ thuật ngôn từ, nhưng giữa văn học viết với VHDG cũng có một số chỗ khác biệt :

Một là, VHDG dùng ngôn từ nói ; hình thức tồn tại đích thực của nó là truyền miệng. Người nói, người kể phải có người nghe ; người hát, người hò phải có người hưởng ứng, người tiếp lời, tiếp giọng, đối ca ; người diễn phải có người xem, v.v... Văn học viết dùng ngôn từ viết. Chữ viết là kí hiệu ghi tiếng nói : lời nói, từ ngữ không còn mang hình thức âm thanh của nó, không mang âm điệu, ngữ điệu của người nói, không có điệu bộ động tác kèm theo của người nói. Người đọc không cần giao tiếp trực tiếp với tác giả. Tác phẩm văn học viết được sao chép, in ấn ra, bản nào cũng như bản nào.

Hai là, VHDG là sáng tác của nhân dân, được sử dụng, lưu truyền trong dân chúng, nên nội dung chủ yếu phản ánh cuộc sống nhân dân và tâm tư tình cảm của họ. Văn học viết, xưa kia, là sáng tác của những người có học và cũng chỉ những người có chữ nghĩa mới đọc được. Hoàn cảnh và điều kiện này khiến cho VHDG và văn học viết thời quá khứ, xét chung, có sự khác biệt về nội dung, nhất là về phạm vi cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm và về những nhân vật trong đó.

2. VHDG và văn học viết là những bộ phận hợp thành của văn học dân tộc

– Sáng tác nghệ thuật truyền miệng xuất hiện từ thời tối cổ, rất lâu trước khi có chữ viết và văn học viết. Khi có chữ viết và văn học viết, nghệ thuật truyền miệng vẫn tiếp tục được nhân dân sáng tác và sử dụng. Chính sự giống nhau và sự khác nhau của chúng giải thích vì sao VHDG và văn học viết cùng tồn tại song song và có quan hệ khăng khít với nhau trong mỗi nền văn học dân tộc. Người ta coi chúng là hai bộ phận hợp thành của văn học dân tộc.

thuongmaitr

– Trong văn học Việt Nam, mối quan hệ giữa VHDG với văn học viết thể hiện ở một số mặt chính sau đây :

a) VHDG là thứ "văn học tự cấp tự túc" của nhân dân. Nó phát triển phong phú, toàn diện (về các đề tài, các thể loại) vào những thời mà văn học viết chưa có khả năng phổ cập (do số đông dân không biết chữ) và không đáp ứng được nhu cầu của quần chúng nhân dân trong sáng tác, sử dụng và thưởng thức văn học nghệ thuật. Những tác phẩm văn học viết bằng tiếng dân tộc (chữ Nôm, chữ Quốc ngữ) được quần chúng nhân dân ưa thích cũng tồn tại dưới dạng truyền miệng như tác phẩm VHDG (kể cả những tác phẩm lớn như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, ...).

b) VHDG bổ sung cho những chỗ thiếu hụt của văn học viết, nhất là về những mảng đề tài, những nội dung mà các nhà văn không bao quát được hoặc không nói được, không nói đúng những điều mà quần chúng nhân dân nghĩ và muốn nói, v.v...

Ngược lại, VHDG cũng tiếp nhận được ở văn học viết những gì nó thiếu hụt, nhất là về mặt nghệ thuật biểu đạt, qua những tác phẩm văn học viết được truyền miệng và qua vai trò của lớp trí thức có cuộc sống gần gụi nhân dân.

c) VHDG nước ta còn đóng vai trò làm nền, tạo điều kiện cho văn học viết bằng tiếng dân tộc phát triển. Đó là vai trò sáng tạo ra các thể thơ dân tộc (như thể lục bát, các thể vãn[5] ba, vãn bốn, vãn năm, ...) và phát triển, mài giũa cho tiếng Việt thêm giàu, thêm đẹp.

Chú giải

(1) *Phong tục :* thói quen đã ăn sâu trong cách ứng xử, trong lối sinh hoạt v.v... của một cộng đồng, một dân tộc (trong đó có những thói quen tốt, đẹp được gọi là *thuần phong mĩ tục*).

(2) *Đồng dao :* bài hát (dân gian) của trẻ em.

(3) *Hoạn nạn :* gặp sự khó khăn, khốn khổ.

(4) *Nghệ thuật ngôn từ :* loại nghệ thuật dùng ngôn ngữ (tiếng nói, chữ viết) để biểu đạt nội dung. VHDG và văn học viết được coi là hai hình thức khác nhau của cùng một loại nghệ thuật – nghệ thuật ngôn từ.

uongxua.vn

(5) *Vãn :* chuyện đặt ra bằng ca vần. Ở đây chỉ các thể thơ ca dân gian gồm hai, ba, bốn, năm tiếng một dòng thơ. Ví dụ : *Xỉa cá mè, Đè cá chép*... (vãn ba) ; *Con công nó múa, Nó múa làm sao, ...* (vãn bốn), v.v...

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
(Về VHDG Việt Nam)

I – NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ÔN TẬP

1. Về mỗi thể loại đã học, cần nắm lại :

– Định nghĩa sơ lược về thể loại (mục *Tiểu dẫn*) ;

– Những truyện, câu, bài đã học và đọc thêm (ở mức kể lại, đọc lại được và nêu được ý nghĩa của từng tác phẩm trong số đó) ;

– Nắm chắc, hiểu sâu và có một vài cảm nghĩ riêng về 2 – 3 tác phẩm mà em thật sự thích thú.

2. Dựa vào bài *Văn học dân gian là gì ?* (*Văn học* 6, Tập một) và dùng những kiến thức cụ thể về các thể loại đã học và ôn tập (câu hỏi 1), hãy trình bày những hiểu biết của em về những giá trị và ý nghĩa sau đây của VHDG Việt Nam :

a) VHDG giúp chúng ta hiểu thêm (hoặc hiểu đúng, hiểu sâu hơn) về cuộc sống của nhân dân thời quá khứ và về con người Việt Nam truyền thống.

b) VHDG là những sáng tác nghệ thuật nhưng có tác dụng bổ sung, đính chính, sàng lọc những kiến thức của chúng ta về lịch sử dân tộc.

c) VHDG có tác dụng giáo dục về nhiều mặt. Em hãy nêu lên một tác dụng giáo dục mà riêng em cảm nhận được thấm thía hơn cả (kể cả tác dụng phát triển ý thức về cái đẹp, lòng yêu cái đẹp : cái đẹp trong cuộc sống, cái đẹp nơi con người, cái đẹp của thiên nhiên, cái đẹp của tiếng Việt,...).

II – MỘT SỐ HÌNH THỨC ÔN TẬP KHÁC

thuongmaitr

1. Tổ chức những cuộc thi kể chuyện (các thể loại truyện kể), đọc ca dao, vè (nhớ đúng, kể hoặc đọc diễn cảm tốt, trả lời được câu hỏi về ý nghĩa chung của tác phẩm hoặc về một chi tiết nghệ thuật nào đó trong tác phẩm).

2. Tập viết những đoạn văn ngắn về những điều cảm nhận được khi đọc, nghe một tác phẩm VHDG (chú trọng ca dao và truyện cổ tích).

3. Tự tổng kết những điều học được về tiếng Việt khi học phần VHDG ; những ghi nhận về sự giống nhau và những nét khác biệt giữa truyện dân gian Việt Nam và truyện dân gian nước ngoài (trong chương trình).

4. Ghi lại những điều em cảm thấy chưa hiểu rõ hoặc cảm thấy có chỗ băn khoăn về nội dung ý nghĩa một vài tác phẩm VHDG để hỏi thầy giáo, cô giáo.

PHẦN HAI

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Bài 1

TIẾNG CHỔI TRE

TỐ HỮU

TIỂU DẪN

Bài thơ *Tiếng chổi tre* rút từ tập thơ *Gió lộng* của Tố Hữu. (Về nhà thơ Tố Hữu, xem giới thiệu ở phần *Tiểu dẫn* của bài *Lượm* trong sách *Văn học 6*, Tập một).

Những đêm hè
Khi ve ve
Đã ngủ
Tôi lắng nghe
Trên đường Trần Phú(1)
Tiếng chổi tre
Xao xác
Hàng me
Tiếng chổi tre
Đêm hè
Quét rác...

Những đêm đông
Khi cơn giông
Vừa tắt
Tôi đứng trông
Trên đường lặng ngắt
Chị lao công
Như sắt
Như đồng
Chị lao công
Đêm đông
Quét rác...

Sáng mai ra
Gánh hàng hoa
Xuống chợ
Hoa Ngọc Hà(2)
Trên đường rực nở
Hương bay xa
Thơm ngát
Đường ta
Nhớ nghe hoa
Người quét rác
Đêm qua.

Nhớ em nghe
Tiếng chổi tre
Chị quét
Những đêm hè
Đêm đông gió rét
Tiếng chổi tre
Sớm tối
Đi về
Giữ sạch lề
Đẹp lối
Em nghe !

6.1960

Chú giải

(1) *Đường Trần Phú :* tên một đường phố ở Hà Nội.

(2) *Ngọc Hà :* tên một làng trồng hoa lâu đời ở Hà Nội, nay cũng thuộc quận Ba Đình, không xa đường Trần Phú.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ được làm theo thể thơ tự do, số tiếng trong mỗi dòng thơ không đều, ngắt nhịp ngắn, nhưng vẫn liền mạch trong ý, lời, vần và nhạc điệu. Khi đọc cần chú ý ngắt nhịp cho đúng với các dòng thơ - một nhịp điệu ngắn, gọn nhưng có âm vang, mô phỏng nhịp của các động tác quét rác của người lao công, đồng thời cũng thể hiện sự chăm chú lắng nghe, những cảm xúc lắng đọng và suy tư của nhà thơ trước công việc và hình

thuongmaitu

ảnh của người lao công quét rác, một công việc âm thầm lặng lẽ trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Đoạn đầu cần đọc với giọng nhẹ nhàng thể hiện sự lắng nghe chăm chú âm thanh tiếng chổi tre vọng lại, đoạn hai đọc ngắt nhịp rõ ràng, mạnh hơn, tạo âm vang hơn. Đoạn tiếp theo đọc với giọng tươi vui, nhẹ nhàng chú ý các vần *a, oa* (Sáng mai *ra*, gánh hàng *hoa*...) tạo âm hưởng lan tỏa, trong sáng. Đoạn cuối đọc hơi lắng xuống thể hiện lời nhắn nhủ tha thiết của tác giả.

2. Bài thơ này có hai phần khá rõ :

- Âm thanh tiếng chổi tre và hình ảnh chị lao công trong đêm khuya gợi những rung cảm của nhà thơ.

- Hình ảnh con đường hoa vào buổi sáng và lời nhắc nhủ của tác giả.

Em hãy đọc kĩ bài thơ và tìm xem ứng với mỗi phần trên là từ câu thơ nào đến câu nào ?

3. Ngắt nhịp của những dòng thơ đầu là 3/3/2/3/4... Em hãy xác định nhịp của những câu thơ tiếp theo trong đoạn đầu (gồm 11 dòng thơ). Nhịp điệu ấy có được lặp lại ở các đoạn tiếp theo không ?

Em có nhận xét gì về nhịp điệu của bài thơ khi liên tưởng đến những âm thanh phát ra theo từng nhát chổi quét trên đường nhựa khô khốc ?

4. Chị lao công được khắc họa bằng hình ảnh nào, trong khung cảnh như thế nào ? Hình ảnh chị lao công gợi cho em cảm nghĩ gì ?

5. "Tiếng chổi tre/ Sớm tối/ Đi về/ Giữ sạch lề / Đẹp lối / Em nghe !" Em hiểu những câu thơ ấy như thế nào ? "Lề" và "lối" ở đây có nghĩa đen là gì ? Có thể hiểu nghĩa rộng hơn không và như thế nào ? Những lời nhắc nhủ "Nhớ nghe hoa", "Nhớ em nghe", "Em nghe" được nhắc đi nhắc lại ở đoạn cuối nhằm nhấn mạnh ý gì ? Em có suy nghĩ gì về lời nhắc nhủ ấy ?

truongxua.vn

6. Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

Bài 2

BẾP LỬA

BẰNG VIỆT

TIỂU DẪN

Bằng Việt tên là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây, thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Tác phẩm thơ : *Hương cây – Bếp lửa* (in chung với Lưu Quang Vũ, 1968) ; *Những gương mặt, những khoảng trời* (1973), *Đất sau mưa* (1977), *Khoảng cách giữa lời* (1984).

Bài thơ *Bếp lửa* (1963) ở trong số những bài thơ đầu tay của Bằng Việt, được sáng tác khi tác giả là sinh viên đang học tập ở xa đất nước.

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

Lên bốn tuổi, cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn, đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay !

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú(1) kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà ?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế !

Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi ! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa ?

Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh :
"Bố ở chiến khu[2], bố còn việc bố,
Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên !"
Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng.

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

thuongmait

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa !

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở :
– Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?...

1963

Chú giải

(1) *Tu hú :* loài chim ăn sâu bọ, lớn hơn sáo, có lông màu đen tuyền hoặc điểm những đốm trắng, hay kêu vào đầu mùa hè.

(2) *Chiến khu :* vùng căn cứ của lực lượng cách mạng (thời trước Cách mạng tháng Tám 1945) hoặc lực lượng kháng chiến (trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp).

uongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ tràn đầy cảm xúc, thể hiện những kỉ niệm thân thiết và một tình cảm chân thành, sâu nặng của người cháu về bà và tình bà cháu.

Dựa theo diễn biến tâm tư của nhân vật người cháu, em hãy xác định bố cục của bài thơ.

2. Người cháu trong bài thơ đã nhớ lại những kỉ niệm về bà và tình bà cháu. Đó là những kỉ niệm gì và trong hoàn cảnh như thế nào ?

Trong đoạn nhớ lại kỉ niệm quá khứ, những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ nào đã diễn tả được xúc cảm tràn đầy và tình cảm sâu nặng của người cháu về bà và tình bà cháu ?

Tiếng chim tu hú được nhắc lại nhiều lần trong đoạn này đã thể hiện điều gì trong tâm trạng của người cháu ?

3. Hình ảnh bếp lửa được nhắc đến bao nhiêu lần trong bài ? Tại sao khi nhắc đến bếp lửa là người cháu nhớ đến bà, và ngược lại, khi nhớ về bà là nhớ ngay đến hình ảnh bếp lửa ? Hình ảnh ấy mang những ý nghĩa gì trong bài thơ này ?

4. *Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng

Vì sao ở hai câu dưới tác giả dùng từ "ngọn lửa" mà không nhắc lại "bếp lửa" ? "Ngọn lửa" ở đây có ý nghĩa gì ? Em hiểu những câu thơ trên như thế nào ?

5. Tập đọc diễn cảm bài thơ.

Học thuộc lòng bài thơ.

Bài 3

CHIẾC LƯỢC NGÀ

NGUYỄN QUANG SÁNG

TIỂU DẪN

Nhà văn Nguyễn Quang Sáng (còn có bút danh Nguyễn Sáng) sinh năm 1932, quê ở tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp ông là bộ đội chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ. Sau khi tập kết ra miền Bắc, ông bắt đầu viết văn. Trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ, ông trở lại chiến trường Nam Bộ hoạt động và sáng tác văn học.

Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng hầu hết đều viết về con người và cuộc sống ở Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến và hiện tại. Tác phẩm chính : Các tập truyện ngắn *Con chim vàng, Người quê hương, Chiếc lược ngà, Bông cẩm thạch, Người con đi xa, Con mèo của Fujita...* ; các tiểu thuyết *Đất lửa, Mùa gió chướng, Dòng sông thơ ấu.*

Truyện *Chiếc lược ngà* (1966) rút từ tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Quang Sáng, được sáng tác trong thời kì tác giả tham gia cuộc kháng chiến chống Mĩ ở miền Nam.

*

* *

Vào một đêm trời sáng trăng suông, trong một ngôi nhà nhỏ giữa Tháp Mười mà xung quanh nước đã lên đầy, nói cho đúng, đây là cái trạm của đường dây giao thông, nhà nhỏ nhưng người lại đông. Chưa đến chuyến đi, chúng tôi còn phải đợi. Ban ngày, chúng tôi chẳng biết đi đâu, hết nằm lại ngồi, có lúc thấy cuồng chân, thật tù túng, nhưng lại có cái thú bù lại là thọc cần câu ra khỏi nhà câu cá. Ngày câu cá đã đủ ăn rồi, đêm không ai muốn câu nữa.

Trong lúc nhàn rỗi ấy, chúng tôi thường hay kể chuyện. Và tôi nghe câu chuyện này của một đồng chí già kể lại. Ông vốn là người hay chuyện – nhiều nhất là chuyện tiếu lâm, có cả tiếu lâm kháng chiến nữa, chuyện nào cũng làm cho chúng tôi cười lăn, cười bò. Trước khi kể, bao giờ ông cũng cười mỉm, mặt trở nên hóm hỉnh, đúng là ông lão có duyên già. Nhưng hôm ấy, ông đâm ra khác thường. Ông già kể nhưng vẫn ngồi im, đầu hơi cúi xuống, trầm lặng, mặt ngước nhìn ra mênh mông. Chắc là một chuyện cảm động, chúng tôi đoán như vậy và không đùa nữa.

Bên ngoài một cơn gió ù ù thổi tới. Cái trạm này – một ngôi nhà cất chen vào giữa một chòm cây giữa khu rừng tràm thưa, mỗi khi có một cơn gió, sóng nối nhau đập vào tán cây, nhà lại rung lên và lắc lư như một con thuyền đang chơi vơi giữa biển. Sóng đập đều đều vào các chòm cây. Đàn cò đứng ngủ không yên, một vài con vỗ cánh bay chới với. Sóng gió như nhắc nhở ông điều gì. Ông nghiêng tai lắng nghe. Khi cơn gió thổi qua, mặt nước trở lại yên lặng, ông mới ngẩng lên và nói. Ông nói với chúng tôi mà như nói với cả trời nước vậy, ông không nhìn vào chúng tôi mà nhìn ra biển nước chân trời và các vì sao.

– Chuyện xảy ra cách đây đã hơn một năm rồi, mà mỗi lần nhớ lại, tôi cứ bàng hoàng như vừa thấy một giấc mơ – ông mở đầu với giọng trầm đục và tiếp : Hôm đó, tôi đi từ trạm M.G. đến trạm L.A. Khi chiếc xuồng máy đuôi tôm vừa xô ra bến thì chúng tôi ai cũng muốn biết người lái ấy là ai. Không phải tò mò mà cần phải biết. Bởi vì trước khi đi, người trạm trưởng có báo với chúng tôi đó là một đoạn đường dài, một đoạn đi xuồng máy, một đoạn đi bộ, đi xuồng dễ gặp trực thăng soi [1], đi bộ thì dễ gặp biệt kích. Gặp trực thăng soi, anh em phải bình tĩnh, không được nhốn nháo, không được tự động mà phải tuyệt đối tuân theo sự điều khiển của người lái. Nói như vậy có nghĩa là sinh mạng mình phải hoàn toàn phó thác cho người cầm lái ấy, có phải không các bạn. Cho nên, tôi cần nhìn, cần biết rõ người đang cầm giữ sinh mạng mình. Nhưng trời đã tối rồi, tôi chỉ thấy đó là một cô gái người mảnh khảnh, vai mang cây "cạc – bin" bá xếp[2] của Mĩ, đầu chít khăn, dáng điệu gọn gàng.

Trước đó, tôi có được nghe tiếng đồn trạm này có một cô giao liên rất thông minh. Một hôm cô dẫn một đoàn khách sắp sửa qua sông, cô để khách dừng lại ngoài ruộng xa. Cô và một giao liên nữa tiến trước dọn đường. Đến vườn cây bờ sông, cô thấy mình đã lọt vào ổ phục kích của địch. Nhưng cô không bối rối. Cô vừa gọi người bạn của mình vừa nói, cô cố ý nói lớn cho bọn địch nghe : "Tình hình yên, không có gì, anh trở lại dẫn khách đi, còn tôi sang sông lắc xuồng đem qua". Trong câu nói ấy có ám hiệu[3]. Anh giao liên liền quay lại, êm ái đưa khách bọc qua ngả khác, vượt sông cách đó độ một vài cây số. Còn cô ta, trước khi qua sông cô còn gài lại hai trái lựu đạn. Cô qua sông thế là thoát. Còn đám biệt kích kia, bọn nó tưởng thật, định hốt[4] cả một đoàn khách nên chẳng dám rục rịch, nhưng nó cứ chờ. Chờ mãi, bọn nó biết, nó chửi rủa nhau : trong lúc lục tục kéo về ló quớ thế nào lại vấp cả hai quả lựu đạn gài, rụng hết mấy mạng. Qua chuyện đó, người ta thêm thất rằng, cô giao liên ấy có cái mũi rất thính, cô dùng mũi để nghe mùi địch và có thể phân biệt được thằng nào là Mĩ, thằng nào là ngụy nữa.

Tôi nghĩ, nếu người nữ giao liên ấy là cô đang lái chiếc xuồng máy này thì mình không đến nỗi lo lắm. Tôi muốn hỏi nhưng thấy không tiện nên đành phải hỏi khéo :

– Ở trạm này có mấy cháu nữ vậy hở cháu ?

– Dạ một chị là chị nuôi với cháu nữa là hai.

Vậy là cô nữ giao liên này rồi, tôi cảm thấy mừng. Nghe giọng cô nói, tôi đoán cô bé độ mười tám hai mươi là cùng. Tôi cảm thấy mến, muốn hỏi thăm nhưng thấy cô đang lom khom quấn dây vào bánh trớn nên lại thôi. Quấn dây vào bánh trớn xong, cô đứng thẳng người, quay lại nói với xuồng sau :

– Tôi đi trước nhé !

Mấy anh giao liên xuống sau nhao lên :

– Thôi chị Hai đi trước đi.

– Chị Út đi mạnh giỏi nhá ! Người gọi chị Hai, người gọi chị Út, chẳng biết cô thật thứ mấy.

Cô đáp lại mấy câu láu lỉnh, gọi mấy chú giao liên là em, rồi quay lại chúng tôi hạ giọng hết sức lễ phép :

– Các bác, các chú, các anh có gì quan trọng nên để trong túi áo, hoặc để trong một cái gói riêng. Lỡ gặp trực thăng bắn hoặc biệt kích thì đồ quý không bị mất, bị cháy.

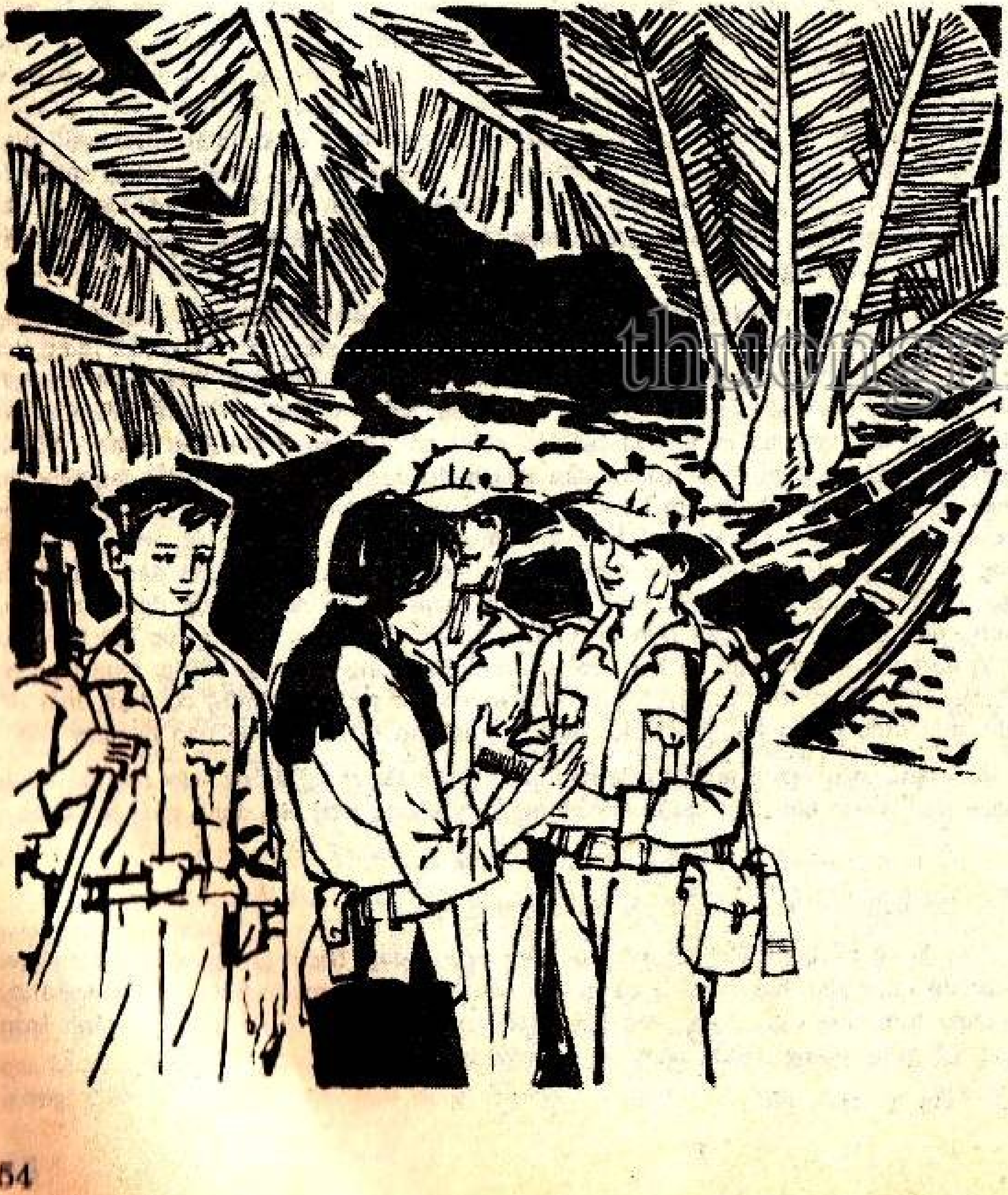

Cô báo cho chúng tôi những điều không may có thể xảy ra nhưng giọng nói lại dịu dàng – dễ thương nữa. Khác hẳn với giọng nói căng thẳng của ông trạm trưởng, nên tôi thấy không lo lắm. Nói xong, cô khom lưng, giật máy. Xuồng rung lên theo tiếng máy nổ giòn, từ từ tách ra khỏi vòm cây rậm, rồi rào rào lướt tới. Gió thổi mát cả người, mát đến từng chân tóc. Nghe cô dặn, anh em khách lúi húi mở bồng (5). Còn tôi, tôi có cái gì quý ngoài giấy tờ, tiền ăn đường đã để sẵn trong túi ? Tôi chợt nhớ đến cây lược ngà nhỏ. Tôi liền mở bồng, thò lấy cây lược, cho vào túi nhái đựng giấy tờ, bỏ vào túi ngực, rồi cài kim tây lại thật cẩn thận.

Các bạn ! Mỗi lần nhìn thấy cây lược ngà nhỏ ấy là mỗi lần tôi băn khoăn và ngậm ngùi. Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần ấy. Trong những ngày hòa bình[6] vừa lập lại, tôi cùng về thăm quê với một người bạn. Nhà chúng tôi ở cạnh nhau, gần vàm[7] kinh nhỏ đổ ra sông Cửu Long. Chúng tôi cùng thoát li đi kháng chiến[8] đầu năm 1946, sau khi tỉnh nhà bị chiếm. Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh – và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi. Anh thứ sáu và cũng tên Sáu. Suốt mấy năm kháng chiến, chị Sáu có đến thăm anh mấy lần. Lần nào anh cũng bảo chị đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông[9] không đơn giản. Chị không dám đưa con qua rừng. Nghe chị nói có lí, anh không trách được. Anh chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi. Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuồng vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi, tóc cắt ngang tai, mặc quần đen, áo bông[10] đang chơi nhà chòi[11] dưới bóng cây xoài trước sàn nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chới với. Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to :

– Thu ! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết thẹo[12] dài trên má phải anh lại đỏ ửng lên,

truongxua.vn

giần giật, trông rất dễ sợ. Với vẻ mặt xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chầm chậm bước tới, giọng lập bập run run :

– Ba đây con !

– Ba đây con !

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên : "Má ! Má !". Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương, và hai tay buông xuống như bị gãy.

Vì đường xa, chúng tôi chỉ ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày ngắn ngủi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha... Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng "ba" của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại :

– Thì má cứ kêu đi.

thuongmaitr

Mẹ nó đâm nổi giận, quơ đũa bếp[13] dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống :

– Vô ăn cơm !

Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe chờ nó gọi "Ba vô ăn cơm". Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra :

– Cơm chín rồi !

Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo :

– Con kêu rồi mà người ta không nghe.

Anh quay lại nhìn con, vừa khe khẽ lắc đầu và cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi. Bữa sau, mẹ nó đang nấu cơm thì chạy đi mua thức ăn, mẹ nó dặn, ở nhà có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nó không nói không rằng, cứ lụi cụi dưới bếp. Nghe nồi cơm sôi, nó dở nắp, lấy đũa bếp sơ qua. Nồi cơm hơi to, nhằm không thể nhắc xuống để chắt nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu.

Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba nó thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên :

– Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái ! – Nó cũng lại nói trống.

Tôi lên tiếng mở đường cho nó :

– Cháu phải gọi "Ba chắt nước giùm con", phải nói như vậy.

Nó như không nghe đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên :

– Cơm sôi rồi, nhão bây giờ !

Anh Sáu vẫn cứ ngồi im. Tôi dọa nó :

– Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cháu cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu nói một tiếng "ba" không được sao ?

Lúc đó nồi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống vẻ nghĩ ngợi. Nhưng nó vẫn không chịu thua. Nó lấy giẻ định nhắc lấy nồi. Nhắc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nồi cơm, rồi nhìn lên chúng tôi. Thấy nó luýnh quýnh tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào nó cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá[14] múc ra từng vá nước miệng lẩm bẩm, điều gì không rõ. Con bé đáo để thật.

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên :

– Sao mày cứng đầu quá vậy, hả ?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gầm xuống. Nghĩ thế nào, nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy. Bước ra khỏi mâm. Xuống bếp, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói[15], cố ý làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, mét[16] với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về. Ngày mai anh

Sáu phải đi, đó là đêm cuối cùng của hai anh chị, chị cũng không muốn bắt nó về.

Sáng hôm sau bà con bên nội, bên ngoại đến rất đông, cả con bé cũng theo ngoại nó về. Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa. Còn chị Sáu thì lo chuẩn bị đồ đạc cho chồng, chị lo xếp từng chiếc áo, gói ghém đồ đạc vụn vặt vào cái túi nhỏ, chị cứ lúi húi bên chiếc ba lô. Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa. Vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt thơ ngây của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mí dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.

Đến lúc chia tay mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt tìm con, thấy nó đứng trong góc nhà.

thuongmaitr

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

– Thôi ! Ba đi nghe con ! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên :

– Ba... Ba !

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó nhảy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót(17) nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc :

– Ba ! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó khắp mọi nơi. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, ngoại nó cho tôi biết, đêm qua, bà đã tìm hiểu được vì sao nó không chịu nhận ba nó. Bà hỏi :

– Ba con, sao con không nhận ?

– Không phải. – Đang nằm mà nó cũng giẫy lên.

– Sao con biết là không phải ? Ba con đi lâu, con quên rồi chứ gì ?

– Ba không giống cái hình ba chụp với má.

– Sao lại không giống, đi lâu, ba con già hơn trước thôi.

– Cũng không phải già. Mặt ba con không có cái thẹo trên mặt như vậy.

À ra vậy, bây giờ bà mới biết. Té ra nó không nhận ba nó là vì cái vết thẹo. Bà nói cho biết, ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương. Bà lại nhắc tội ác mấy thằng Tây ở đồn đầu vàm cho nó nhớ. Nghe bà kể nó nằm im, lăn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn. Sáng hôm sau, nó lại bảo ngoại đưa nó về. Nó vừa nhận ra thì ba nó đã đến lúc phải đi rồi.

truongxua.vn

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con :

– Ba đi rồi ba về với con.

– Không ! Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lại cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt. Còn tôi, tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay nắm lấy trái tim tôi. Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, muốn bảo anh ở lại

vài hôm. Nhưng thật khó, chúng tôi chưa biết mình sẽ đi tập kết hay ở lại. Chúng tôi cần về đúng ngày, nhận lịnh để kịp chuẩn bị. Thế là đã đến lúc phải đi rồi mọi người phải xúm lại vỗ về nó, mẹ nó bảo :

– Thu ! Con. Để ba con đi. Thống nhất rồi ba con về.

Bà ngoại nó vừa vuốt tóc nó vừa dỗ :

– Cháu của ngoại giỏi[18] lắm mà ! Cháu để ba cháu đi rồi ba sẽ mua về cho cháu một cây lược.

Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và mếu máo :

– Ba về ! Ba mua cho con một cây lược nghe ba.

Nó nói trong tiếng nấc, vừa nói vừa từ từ tuột xuống.

Sau đó, hai chúng tôi trở lại miền Đông. Chúng tôi là cán bộ đoàn thể, chúng tôi không đi tập kết. Từ năm năm mươi tư đến năm mươi tám, năm mươi chín là những năm khó khăn, các bạn đã biết rồi. Về công việc và đời sống ở rừng, tôi có thể kể cho đến sáng, có đêm bị biệt kích vây bắt đến ba lần, có ngày không gạo ăn, ăn toàn là bắp[19], nhưng thôi, đó là chuyện khác. Tôi xin trở lại mối tình cha con của bạn tôi. Những đêm rừng, nằm trên võng mắt chỉ thấy tấm ni lông nóc, lúc nhớ con, anh cứ ân hận sao mình lại đánh con. Nỗi khổ tâm đó nó cứ giày vò anh. Một hôm hai đứa đang rì rầm kể anh bỗng ngồi bật dậy :

– Phải rồi ! Ở rừng này, người ta thỉnh thoảng có bắn voi, mình phải làm một cây lược bằng ngà cho con bé mới được.

... Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó, buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẩn trong rừng sâu anh hớt hải chạy về tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó, anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rồi, anh ngồi cưa từng chiếc răng lược, thận trọng

tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một mỗi nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược đã được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng tẩn mẩn khắc từng nét : "Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận khi đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám – năm đó ta chưa vũ trang – trong một trận càn lớn của quân Mĩ – ngụy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăn trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ thấy lại đôi mắt của anh.

Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

Các bạn ạ ! Trong những ngày đen tối ấy, người sống phải sống bí mật thì cũng đã đành một lẽ, còn người chết cũng phải chết bí mật nữa. Mộ của anh không thể đắp cao lên được – tìm thấy mồ mả, chúng sẽ đào lên và tìm ra dấu vết. Cho nên ngôi mộ của anh là ngôi mộ bằng, bằng phẳng như mặt rừng vậy. Tôi lấy dao khắc vào một gốc cây rừng cạnh chỗ anh nằm làm dấu cho dễ nhớ.

Sống như thế và chết như thế, hỏi vậy làm sao mà chịu được ? Chúng ta buộc phải cầm súng.

Sau khi có căn cứ khá an toàn, người nhà tôi có đến thăm. Tôi định gửi cây lược ngà về cho cháu Thu, nhưng chị Sáu và cháu không còn ở làng nữa. Qua những lần tố cộng[20], những trận càn, những trận đốt làng dồn dân của bọn Mĩ, không có mấy năm mà làng nước tan tác đi nhiều lắm. Mỗi người đi mỗi nơi chẳng ai được tin ai. Người nhà tôi bảo có lúc nghe chị Sáu chạy lên Sài Gòn, có lúc lại nghe chị Sáu lại quay về Đồng Tháp, vì thế mà tôi giữ mãi cây lược của cháu.

Tôi cầm cây lược nhìn ngắm, lòng thấy bùi ngùi.

Trong lúc đó tiếng máy vẫn nổ giòn, và tôi lại muốn nhìn rõ cô giao liên – người đang giữ sinh mạng của mình. Đêm không tối, cũng không sáng, nền trời tràn qua nhiều lớp mây mỏng rải rác một vài chòm sao. Trời sáng mập mờ. Tôi chỉ nhìn thấy được dáng người của cô giao liên, gương mặt như hơi tròn và một đôi mắt, đôi mắt của người con gái thật là khó tả. Chẳng hiểu cớ sao, từ cái ánh mắt ấy, tôi dần dần thấy một người quen, quen lắm. Tôi cố nhớ, nhớ không ra, tôi thấy mình lẩn thẩn.

thuongmaitr

(Tóm tắt đoạn lược bỏ : Xuống gặp trực thăng Mĩ đi soi, lên bờ lại đụng biệt kích địch. Cô giao liên bình tĩnh chỉ huy đoàn khách tránh địch, cô ở lại chặn biệt kích. Đoàn khách tới địa điểm của trạm tiếp theo, dừng lại nghỉ).

... Nghe đâu đây có tiếng chân đi, tiếng người nói, tiếng cười đùa. Tôi chợt tỉnh dậy, thấy trời đã đâm mây ngang, màn đêm như vén dần ra cánh đồng. Tôi thấy một nhóm người, chẳng nghe họ nói gì, nhưng biết là họ đang kể lại những chuyện sôi nổi, và tôi nhìn thấy cô giao liên, quần áo cô bùn đất bê bết và đẫm ướt. Thế là họ về kịp rồi.

Tôi vừa đến, họ cũng vừa chia tay ra. Bây giờ tôi mới nhìn rõ cô. Cô vừa chặn địch, vừa bước ra khỏi chỗ nguy hiểm mà mặt cứ phơi phới. Mặc dù nước da có bị rám nắng, tôi trông cô không quá hai mươi tuổi. Con gái hai mươi tuổi không thể có cặp mắt trong sáng như thế, và cô mới ngây thơ làm sao, cô vẫn còn đeo bông tòn teng[21], cô đi dần về phía tôi, tôi bỗng muốn tỏ lòng mến phục của tôi đối với cô, cả lòng cám

ơn nữa. Nhưng chẳng lẽ lại nói như vậy, tôi mỉm cười chào cô và làm quen :

– Này cháu, bác lo cho cháu quá ! Cháu thứ mấy ?

– Dạ cháu thứ hai.

– Sao bác lại nghe có người gọi cháu là chị Út ? Chắc là cháu đã có...

– Dạ không ! – Cô giao liên chặn câu nói của tôi lại. – Cháu vừa thứ hai vừa thứ út là vì cháu là con một mà !

– Cháu là người ở làng nào mà sao bác thấy quen quen.

– Dạ cháu ở Cù Lao Giêng !

Nghe đến tên làng, tôi bỗng giựt mình. Nhìn đôi mắt cô bé, ngực tôi bỗng phập phồng, và như có linh tính, tôi liền hỏi lại, hỏi dồn dập :

– Có phải Cù Lao Giêng, quận Chợ Mới, tỉnh Long Châu Sa không vậy cháu ?

– Dạ phải.

tuongxua.vn

– Cháu tên gì ?

– Cháu tên Thu.

– Thu à ? – Tôi lặp lại và kinh ngạc.

Tôi lập bập hỏi tiếp :

– Có phải ba cháu là Sáu, má cháu là Bình phải không ?

Cô bé kinh ngạc đến nỗi không nói được nữa, nó mở tròn mắt, nhìn khắp người tôi. Trong lúc đó, anh em giao liên trạm L.A kêu khách chuẩn bị lên đường. Nhưng tôi chẳng để ý, cũng chẳng muốn nghe, tôi quay lại và bảo :

– Chờ tôi một chút.

Tôi quay lại cô bé. Cả hai người vẫn hãy còn ngạc nhiên. Cô bé vẫn tròn mắt nhìn tôi. Đúng, đúng, đúng là đôi mắt của con cháu. Tôi thầm nghĩ và bảo :

– Có phải không cháu ?

– Dạ... Sao bác biết ?

Tôi cố nén xúc động nhưng cũng lập bập nhắc lại :

– Bác là bác Ba đây này. Cháu có còn nhớ lúc ba cháu đi, ba cháu có hứa mua cho cháu cây lược không ?

Cô cháu khe khẽ gật đầu : "Dạ nhớ, dạ nhớ !".

Các bạn ạ ! Trong kháng chiến có những cuộc gặp gỡ thật tình cờ ! Tôi vừa nhìn cháu, vừa móc túi lấy ra cây lược.

– Ba cháu gởi cho cháu cây lược ngà này đây. Cây lược này do ba cháu làm.

Đôi mắt của cháu lại tròn to hơn, xúc động đến thẫn thờ. Cháu đưa tay nhận lấy cây lược. Cây lược như đánh thức kỉ niệm ngày chia tay, ngực cháu phập phồng. Thấy cháu nhìn ngắm cây lược, tim tôi bỗng nhói đau. Tôi biết cháu đang bàng hoàng trước hạnh phúc bất ngờ. Tôi không muốn làm gì xao động đến hạnh phúc của cháu, tôi thấy cần phải nói dối :

– Ba cháu vẫn khỏe, ba cháu không về được, nên gửi cho bác.

Cháu Thu liền chớp mắt nhìn tôi, môi mấp máy run run :

– Chắc là bác lầm, cây lược này không phải của ba cháu.

Tôi đâm ra thất vọng, hoang mang nữa, tôi hỏi lại :

– Ba cháu tên là Sáu, má cháu tên Bình phải không ?

– Dạ phải. – Hình như cháu muốn khóc, mắt cháu đỏ hoe nhưng cố nén và nói :

– Nếu bác không lầm thì chắc bác sợ cháu buồn nên bác nói giấu cháu. Cháu biết ba cháu đã chết rồi. – Cháu chớp mắt, hai giọt lệ sắp rơi xuống bỗng vỡ ra tràn đầy qua đôi mắt. – Cháu chịu đựng được, bác đừng ngại, cháu nghe tin ba cháu chết đã hai năm rồi, sau đó thì cháu xin má cháu đi giao liên...

Cháu còn muốn nói gì nữa, nhưng giọng bị tắc nghẽn, đầu cúi nhìn xuống, mái tóc khẽ run run. Còn tôi, tôi lỡ nói dối nên chẳng biết nói thế nào nữa, đành im lặng.

Trong khi đó, anh em trong đoàn táo tác gọi tôi, giục tôi đi. Không thể nán được nữa, tôi đành phải vội vàng hỏi cháu địa chỉ, hỏi thăm qua mẹ cháu và bà con.

Nỗi mừng gặp gỡ bất ngờ khiến tôi chưa hết bàng hoàng thì lại phải chia tay. Nhìn cháu, tôi bỗng buột miệng nói :

– Thôi, ba đi nghe con !

Tôi không nghe cháu đáp lại, chỉ thấy đôi môi tái nhợt của cháu mấp máy.

Đi một quãng xa nhìn lại tôi thấy cháu có đi theo tôi một đoạn đường. Cháu dừng lại trên bờ mẫu, những đợt sóng lúa xanh nhỏ nối nhau rập rờn như chạy đến vỗ về cháu. Sau lưng cháu là đám dừa bị chất độc hóa học mà tàu lá chỉ còn những cọng khô như những chiếc xương cá khổng lồ treo lủng lẳng, đọt non vừa mới đâm lên, xa trông như một rừng gươm.

Lúc chia tay, tôi không nghe cháu gọi tôi là ba. Nhưng những lúc nằm một mình, nhớ lại thì tôi nghe tiếng gọi "ba" của cháu và tiếng "ba" như vang lên từ trong tâm tôi.

uongxua.vn

Tháp Mười 23-9-1966

Chú giải

(1) *Soi* : rọi đèn để tìm.

(2) *Bá xếp* : báng gập lại.

(3) *Ám hiệu* : dấu hiệu kín.

(4) *Hốt* : bắt.

(5) *Bồng* : túi thay cho ba-lô, có dây đeo.

(6) *Hòa bình* : chỉ việc lập lại hòa bình sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954).

(7) *Vàm* : cửa sông, cửa kênh (kinh).

(8) *Kháng chiến* : cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

(9) *Miền Đông* : miền Đông Nam Bộ.

(10) *Áo bông* : áo vải hoa.

(11) *Chơi nhà chòi* : cất lều con, một thứ trò chơi của trẻ con nông thôn ở Nam Bộ.

(12) *Thẹo* : sẹo.

(13) *Đũa bếp* : đũa cả.

(14) *Cái vá :* cái muôi.

(15) *Lòi tói :* dây xích.

(16) *Mét :* mách.

(17) *Ót :* gáy.

(18) *Giỏi :* ngoan.

(19) *Bắp :* ngô.

(20) *Tố cộng :* chỉ việc Mĩ – ngụy bày trò "tố cáo tội ác" của cộng sản để đàn áp, tiêu diệt những người cách mạng ở miền Nam trước đây.

(21) *Bông tòn teng :* hoa tai có cụm lòng thòng ở bên dưới.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyện ngắn này, ngoài phần mở đầu bằng lời kể của tác giả để dẫn chuyện, thì phần chính là câu chuyện về bố con ông Sáu và người bạn, được kể bằng lời của người bạn ấy (nhân vật "đồng chí già" trong truyện).

Em hãy tóm tắt nội dung phần chính của truyện. Cách chọn nhân vật kể chuyện như vậy có tác dụng như thế nào với việc thể hiện nội dung câu chuyện này và với người đọc ?

2. Phân tích diễn biến tâm trạng và thái độ của bé Thu trong đoạn kể ông Sáu về thăm nhà.

Bé Thu nghĩ như thế nào mà lại không chịu nhận ông Sáu là ba ? Thái độ vùng vằng, ương ngạnh của em có đáng trách không ? Tác giả đã diễn tả tâm lí và hành động của bé Thu có hợp lí và sinh động không ?

3. Ông Sáu đã chăm chú và cẩn thận làm chiếc lược ngà như thế nào ? Tại sao ông lại nhiệt tình với công việc đó như vậy ?

Em hãy tìm những chi tiết khác nữa thể hiện tình cha con sâu sắc và cao đẹp ở ông Sáu ?

4. Cảnh chia tay ở cuối truyện giữa ông già (người bạn của ông Sáu) và cô Thu giao liên diễn ra đầy xúc động. Tâm trạng của mỗi nhân vật như thế nào và được thể hiện qua những chi tiết, cử chỉ, lời nói nào ?

5. Câu nói của ông già : " Thôi, ba đi nghe con !" và tâm trạng của ông : "Lúc chia tay, tôi không nghe cháu gọi tôi là ba. Nhưng những lúc nằm một mình, nhớ lại thì tôi nghe tiếng gọi "ba" của cháu, và tiếng "ba" như vang lên từ trong tâm tôi" đã cho thấy điều gì xảy ra trong tình cảm của ông và ý nghĩa của điều đó như thế nào ?

6. Đọc diễn cảm đoạn tả cảnh từ biệt của hai cha con ông Sáu (từ "Đến lúc chia tay" đến "... Vừa nói vừa từ từ tụt xuống").

Em thử viết hộ bé Thu một đoạn nhật kí diễn tả những ý nghĩ, tình cảm của bé ngay tối hôm ba em vừa ra đi.

thuongmaitr

Bài 4

ÔN TẬP
VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM – 1945

1. Trong phần Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 ở sách *Văn học* 7, Tập hai này có những nhân vật nào gây cho em ấn tượng sâu sắc ? Em hãy hình dung lại các nhân vật ấy trong mỗi tác phẩm, và nêu rõ ấn tượng sâu sắc mà mỗi nhân vật đem đến cho em.

2. Hai bài thơ *Tiếng chổi tre, Bếp lửa* thể hiện những xúc cảm, tình cảm nào, của ai và đối với ai ?

Hai bài ấy được sáng tác theo thể thơ nào ?

Thể thơ, nhịp điệu, vần điệu của mỗi bài đã góp phần như thế nào vào việc thể hiện nội dung (bức tranh cuộc sống và con người, tình cảm và suy nghĩ của tác giả...).

uongxua.vn

3. Truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Quang Sáng thường có cốt truyện hấp dẫn và tình huống bất ngờ. Em hãy kể tóm tắt cốt truyện và nêu tình huống truyện trong *Chiếc lược ngà* và thử tìm hiểu vai trò của các yếu tố ấy trong truyện ngắn này.

4. Em đã học những truyện ngắn ở lớp 6 (như *Ngày công đầu tiên của cu Tí, Cái Tết của Mèo Con, Mẹ vắng nhà...*) em thử nhận xét về cách xây dựng cốt truyện và tình huống truyện ở đó và so sánh với truyện *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng để thấy những nét khác biệt ở mỗi tác phẩm.

5. Em hãy tìm một đoạn văn, câu thơ miêu tả thiên nhiên trong các tác phẩm đã học ở phần này và nhận xét về cách miêu tả của tác giả.

6. Em hãy viết một bài văn ngắn (hoặc làm một bài thơ) về một người thân của em hoặc một nhân vật văn học mà em ưa thích.

PHẦN BA

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1

CÂY BÚT THẦN

(Truyện cổ tích Trung Quốc)

Người ta kể lại rằng xưa có một em bé rất thông minh tên là Mã Lương. Em thích học vẽ từ nhỏ. Cha mẹ em đều mất sớm. Em chặt củi, cắt cỏ, kiếm ăn qua ngày, nhưng em vẫn nghèo đến nỗi không có tiền mua bút.

Một hôm đi qua cổng nhà trường, Mã Lương trông thấy thầy giáo đang vẽ, nét bút đưa ngang đưa dọc rất thích mắt, em bèn đến gần nói :

– Tôi rất muốn học vẽ, thầy có thể cho tôi mượn một cây bút không ?

Thầy giáo trừng mắt, mắng em :

– Một thằng bé con nghèo xác nghèo xơ mà lại muốn học vẽ à ! Mày điên đấy phải không ?

Thế rồi lão đuổi em ra khỏi trường.

Mã Lương tủi bực, em nghĩ thầm :

– Tại sao con nhà nghèo lại không học vẽ được ?

Từ đó em dốc lòng học vẽ, hằng ngày chăm chỉ luyện tập. Khi kiếm củi trên núi, em lấy que củi vạch xuống đất, vẽ theo những con chim đang bay trên đỉnh đầu. Lúc cắt cỏ ven sông, em nhúng tay xuống nước vẽ tôm cá trên đá. Khi về nhà, em vẽ các đồ đạc trong nhà lên tường, bốn bức tường dày đặc các hình vẽ.

thuongmaitr

Năm tháng trôi qua, Mã Lương không ngừng học vẽ, không bỏ phí một ngày nào và em đã tiến bộ rất mau. Em vẽ chim, cá giống như hệt, người ta tưởng như sắp được nghe chim hót, được trông thấy cá bơi lội. Thế nhưng em vẫn chưa có được một cây bút vẽ. Em chỉ mong sao có được một chiếc.

Một đêm em nằm ngủ rất say, sau một ngày học vẽ và làm lụng mệt nhọc. Trong giấc ngủ say, chợt em nhìn thấy một cụ già râu tóc bạc phơ hiện ra trước mặt, đưa cho em một cây bút và nói :

– Đây là một cây bút thần, nó sẽ giúp con rất nhiều.

Mã Lương nhìn cây bút bằng vàng sáng lấp lánh, em sung sướng nhảy lên.

– Cây bút đẹp biết chừng nào ! Cháu xin cảm ơn ông ! Cảm ơn ông !...

Em chưa nói dứt lời, cụ già đã biến mất. Mã Lương giật mình tỉnh dậy mới biết là mình nằm mơ. Nhưng không, cây bút thần vẫn nằm trong tay em, em rất lấy làm lạ.

tuongxua.vn

Mã Lương lấy bút ra vẽ một con chim. Chim tung cánh bay lên trời, cất tiếng hót líu lo. Em vẽ tiếp một con cá. Cá vẫy đuôi trườn xuống sông, bơi lượn trước mắt em. Mã Lương thích thú vô cùng.

Với cây bút thần, Mã Lương đã vẽ cho tất cả người nghèo trong làng. Nhà nào không có cày, em vẽ cho cày. Nhà nào không có cuốc, em vẽ cho cuốc. Nhà nào không có đèn, em vẽ cho đèn. Nhà nào không có thùng múc nước, em vẽ cho thùng...

Việc đó ai cũng biết. Rồi câu chuyện cây bút thần lọt tới tai một tên địa chủ giàu có trong làng. Hắn liền sai hai tên đầy tớ đến bắt Mã Lương về nhà vẽ theo ý muốn của hắn. Mã Lương tuy còn nhỏ nhưng tính tình khẳng khái. Em biết bụng dạ tham lam của bọn nhà giàu, nên không vẽ bất cứ một thứ gì, mặc cho chúng hết lời dụ dỗ, dọa nạt. Tên địa chủ tức giận, nhốt em vào chuồng ngựa không cho ăn uống gì.

Ba hôm sau, giữa đêm tuyết xuống nhiều, nhìn ra sân thấy tuyết phủ trắng xóa, tên địa chủ nghĩ thầm : "Tên Mã Lương không chết đói thì cũng chết rét, ta hãy đi coi xem !".

Mã Lương giả vờ đồng ý. Vua rất mừng, liền đem trả bút thần cho em.

Vua nghĩ : "Nếu bảo nó vẽ núi, sợ rằng trên núi có nhiều thú dữ, chi bằng bảo nó vẽ biển là hơn cả". Nghĩ vậy, vua bảo Mã Lương vẽ biển.

Hai nét bút đưa đi, biển cả đã hiện ra trước mặt. Biển rộng mênh mông xanh biếc, không một gợn sóng, trong suốt như mặt gương soi.

Nhà vua ngắm nhìn mặt biển rồi nói :

– Biển này sao không có cá nhỉ ?

Mã Lương chấm vài chấm, biển liền hiện ra bao nhiêu là cá, đủ các màu sắc, uốn đuôi mềm mại bơi lội tung tăng. Đàn cá bơi xa dần, xa dần. Vua rất thích bèn vội bảo Mã Lương :

– Hãy vẽ ngay cho ta một chiếc thuyền ! Ta muốn ra khơi xem cá.

Mã Lương liền vẽ ngay một chiếc thuyền buồm lớn. Vua, hoàng hậu, công chúa, hoàng tử và các quan đại thần đều kéo nhau xuống thuyền. Mã Lương đưa thêm vài nét bút, gió thổi lên nhè nhẹ, mặt biển nổi sóng lăn tăn, thuyền từ từ ra khơi.

Thấy thuyền còn đi quá chậm, vua bèn đứng trên mũi thuyền kêu lớn :

– Cho gió to thêm một tí ! Cho gió to thêm một tí !

Mã Lương đưa thêm mấy nét bút đậm, sóng biển liền nổi lên, buồm căng phồng, chiếc thuyền lao khỏi bờ nhanh vun vút.

Mã Lương lại tô thêm nhiều nét bút nữa, gió mạnh nổi lên, biển động, thuyền lắc lư nghiêng ngả.

Vua cuống quýt kêu lên :

– Đừng cho gió thổi nữa ! Đừng cho gió thổi nữa !

Mã Lương không hề đếm xỉa đến những lời đó. Cây bút của em tiếp tục vẽ những đường cong lớn. Biển động dữ dội, sóng biển xô vào thuyền hết đợt này đến đợt khác.

Vua ướt hết cả quần áo, một tay ôm cột buồm, một tay ra hiệu, gào lớn bảo Mã Lương thôi không vẽ nữa.

Mã Lương vờ như không nghe thấy, cứ tiếp tục vẽ. Gió bão càng to, mây đen kéo mù mịt, trời tối sầm. Sóng lớn nổi lên dữ dội như những trái núi đổ sập xuống thuyền. Chiếc thuyền ngả nghiêng rồi bị chôn vùi trong những lớp sóng hung dữ.

Sau khi vua chết, những việc làm cao cả của Mã Lương với cây bút thần được truyền tụng khắp nước. Nhưng không ai biết sau đó Mã Lương đã đi đâu.

Có người nói Mã Lương đã trở về quê cũ sống với những người bạn ruộng đồng.

Có người nói Mã Lương đi khắp đó đây đem hết thời giờ và sức lực để vẽ cho những người nghèo khổ.

Bản dịch của
THÁI HOÀNG và BÙI VĂN NGUYÊN

Chú giải

(1) *Huyên náo* : ồn ào.

tuongxua.vn

(2) *Mách lẻo* : đem chuyện người này nói với người khác, với dụng ý không tốt.

(3) *Tố giác* : nói cho cấp trên (cơ quan hoặc người có trách nhiệm) biết việc làm của người khác mà mình thấy là gian trá hay lạ lùng.

(4) *Hoàng cung* : nơi vua ở.

(5) *Ngục* : nơi giam giữ những người có tội.

(6) *Mãng xà* : một loại rắn rất lớn có nọc độc.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Mã Lương được thần cho một cây bút quý để giúp cho em vẽ những tác phẩm kì diệu. Theo em, chi tiết li kì ấy có ý nghĩa gì ?

2. Sau khi tự học vẽ và có cây bút thần, Mã Lương đã sử dụng tài năng như thế nào ? Đối với từng hạng người cần em vẽ giúp, Mã Lương đã có thái độ và hành động khác nhau, tại sao như vậy ?

3. Hai nhân vật địa chủ và tên vua trong truyện này đã bị trừng trị. Vì sao chúng lại bị trừng trị ?

4. Câu chuyện này được xây dựng theo trí tưởng tượng rất phong phú của nhân dân. Theo ý em, những chi tiết nào trong bài là đẹp và gợi cảm hơn cả ?

Bài 2

THƠ NGỤ NGÔN LA PHÔNG-TEN

TIỂU DẪN

La Phông-ten (1621 – 1695) là nhà văn, nhà thơ Pháp, con trai một viên chức làm công việc quản lí rừng, nên từ nhỏ đã sống gần gũi và yêu mến thiên nhiên, đặc biệt là các loài vật. Ông nổi tiếng với hàng trăm bài thơ ngụ ngôn xinh xắn, phần lớn kể chuyện loài vật, nhưng ngụ ý là để nói chuyện loài người và nêu lên những bài học luân lí hoặc triết lí một cách kín đáo.

1. THỎ VÀ RÙA

Chạy ích chi ? Cốt đi đúng lúc,
Chuyện Thỏ, Rùa ngẫm thực rõ thay,
Rùa rằng : "Ta đánh cuộc này[1] :
Đích kia chạy đến, anh tày[2] tôi chăng ?

– Chị điên chắc ! Nghĩ xằng mơ hão
Chạy hơn ta ? Tẩy não đi thôi[3].
Khăng khăng Rùa cứ giữ lời
– Điên hay không, tôi vẫn chơi cuộc này.
Họ vào cuộc theo ý Rùa thách,

Giải hai bên, cạnh đích cùng bày,
Hỏi chi vật nọ món này[4] !
Lại cần chi biết ai đây trọng tài !
Thỏ chỉ việc nhảy vài bốn cái
(Cái nhảy khi suýt phải sa cơ[5],

Nhảy làm bẩy chó ngẩn ngơ
Rượt theo mà chẳng bao giờ bén chân)[6].
Vâng ! Thỏ đủ giờ ăn giờ ngủ,
Giờ vểnh tai nghe gió đông tây,
Mặc cho cái ả Rùa này

Như ông quan cụ khoan thai lê mình.
Rùa rời gót tận tình, tận lực
Ì ạch lê từng bước... cố mau.

Hợm mình, Thỏ định chạy sau[7],
Khởi hành cùng lúc, hơn nhau quá thường.

Thỏ nghĩ bụng : "Không bươn bả vội[9].
Càng phất phơ càng nổi tài ba !"
Thỏ gặm cỏ, Thỏ lê la,
Thỏ nằm Thỏ nghỉ... nhởn nhơ đủ trò.
Nhơn nhơn chẳng buồn lo tranh cuộc,

Cuối cùng... khi Thỏ ngước nhìn lên :
Đích kia Rùa đã kề bên,

Thỏ ta vội phóng như tên bay vù.
Nhưng bay, nhảy quá ư vô ích.
Chị Rùa ta tới đích nhanh thay !

Rùa cười : "Tôi nói chẳng sai,
Có ăn ai được cái tài chạy nhanh[10] ?
Tôi thì thắng còn anh lại bại
Nếu anh bê một cái mai vào
Thì còn ì ạch đến đâu ?"

HUỲNH LÝ – NGUYỄN ĐÌNH *dịch*

Chú giải

(1) *Đánh cuộc* : thách nhau, đố nhau xem ai làm hơn hoặc ai nói đúng, đoán đúng.

(2) *Tày* : bằng.

(3) *Tẩy não* : rửa óc, ý nói là gột rửa ý nghĩ xằng bậy, hão huyền ra khỏi đầu óc.

(4) *Hơi chi* : cần chi, chẳng cần.

(5) *Sa cơ* : sa vào hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn.

(6) *Bén chân* : ý nói là đuổi kịp.

thuongmaitr

(7) *Hợm mình* : lên mặt tài giỏi, khinh thường người khác.

(8) *Khởi hành cùng lúc, hơn nhau quá thường* : ý nói nếu hai bên cùng chạy một lúc thì Thỏ có hơn Rùa cũng là chuyện bình thường, chẳng có gì là tài giỏi.

(9) *Bươn bả* : ý nói vội vàng hấp tấp.

(10) *Ăn ai* : thắng ai.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. La Phông-ten dựa trên đặc điểm trái ngược gì của thỏ và rùa trong cuộc sống thực tế để xây dựng bài thơ ngụ ngôn này ? Tìm các từ ngữ và sự kiện trong bài thơ nói lên các đặc điểm ấy của Thỏ và Rùa.

2. Tìm hiểu sự ngạc nhiên của Thỏ và của chúng ta khi vào đầu bài thơ, qua xem xét nội dung đánh cuộc và ai đề xuất đánh cuộc. Đến kết cục, Thỏ và chúng ta có ngạc nhiên không ? Vì sao ?

3. Nêu những chi tiết chứng tỏ trong bài thơ La Phông-ten sử dụng thủ pháp nhân cách hóa, tức là cách dùng những từ chỉ hoạt động, tính chất của người đem vận dụng vào cho loài vật.

4. La Phông-ten muốn rút ra bài học gì qua *Thỏ và Rùa* ?

2. LÃO NÔNG VÀ CÁC CON

Hãy lao động cần cù gắng sức
Ấy chân lưng sung túc nhất đời[1].
Phú nông gần đất xa trời[2]
Họp riêng con lại, ngỏ lời thiết tha,
Rằng : ruộng đất ông cha để lại[3]
Các con đừng khờ dại bán đi
Kho vàng chôn dưới đất kia
Cha không biết chỗ. Kiên trì gắng công
Tìm khắc thấy : cuối cùng sẽ thắng
Xốc ruộng lên tháng tám sau mùa[4]
Tay cày, tay cuốc, tay bừa
Xới qua xới lại, chẳng chừa chỗ không.
Bố chết. Các con cùng gắng gổ
Lật tung đồng đây đó khắp nơi
Kĩ càng công việc xong xuôi
Cuối năm lúa tốt bời bời bội thu[5].
Vàng với bạc giấu mô chẳng thấy[6],
Rõ ràng ông bố ấy khôn ngoan
Trước khi từ giã trần gian
Lấy câu "lao động là vàng" dạy con.

TÚ MỠ *dịch*

tuongxua.vn

Chú giải

(1) *Chân lưng sung túc* : cái vốn riêng dồi dào, no đủ.

(2) *Phú nông* : người nông dân giàu có ; *Gần đất xa trời* : ý nói sắp chết.

(3) *Ông cha* : tổ tiên.

(4) *Xốc ruộng* : cày cho lật đất ruộng lên.

(5) *Bội thu* : thu hoạch được nhiều gấp bội.

(6) *Mô* : đâu.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Ý nào là cốt lõi trong lời của lão nông dặn lại các con trước khi qua đời khiến các con ông và cả chúng ta đều quan tâm đặc biệt ? Lão nói đúng hay sai ? Vì sao ?

2. Các con lão hiểu và thực hiện lời cha như thế nào ? Từ đó phân tích sự khôn ngoan của lão nông, cái thấm thía của những người con, và yếu tố bất ngờ tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ ngụ ngôn.

3. Cách lựa chọn, xây dựng nhân vật trong bài *Lão nông và các con* khác với bài *Thỏ và Rùa* ra sao ? Bài học rút ra ở đây là gì và được cô đúc ở những câu thơ nào ?

ĐỌC THÊM

CON VE VÀ CON KIẾN

Ve sầu kêu ve ve,
Suốt mùa hè,
Đến kì gió bấc thổi,
Nguồn cơn thật bối rối.

thuongmaitr

Một miếng cũng chẳng còn,
Ruồi bọ không một con.
Vác miệng chịu khúm núm
Sang chị Kiến hàng xóm,
Xin cùng chị cho vay.
Dăm ba hạt qua ngày.
– Từ nay sang tháng ba
Em lại xin đem trả
Trước thu, thề Đất Trời !
Xin đủ cả vốn lời.
Tính Kiến ghét vay cậy,
Thói ấy chẳng hề chi.
– Nắng ráo chú làm gì ?
Kiến hỏi Ve như vậy.
Ve rằng :
Luôn đêm ngày,
Tôi hát thiệt gì bác.
Kiến rằng :
– Xưa chú hát
Nay thử múa coi đây.

truongxua.vn

NGUYỄN VĂN VĨNH *dịch*

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. La Phông-ten dựa vào những đặc tính nổi bật gì của ve và kiến trong thực tế để sáng tác bài thơ ngụ ngôn này ?

2. Nêu bài học luân lí tác giả muốn đưa đến cho mọi người.

Bài 3

RÔ-BIN-XƠN NGOÀI ĐẢO HOANG

TIỂU DẪN

Đoạn này trích trong tiểu thuyết *Rô–bin–xơn Cru–xô* của nhà văn Anh Đ. Đi–phô (1660 – 1731).

thuongmaitr

Rô-bin-xơn Cru-xô bị bão đắm tàu, một mình sống sót giạt vào một đảo hoang không có dấu chân người. Sau gần ba mươi năm anh mới có điều kiện rời đảo trở về quê hương.

Tôi sống yên ổn trên đảo chịu đựng số phận của mình hơn một năm nữa.

Suốt thời gian đó tôi không ngồi rỗi, bằng lòng với những thứ mình đã có. Tôi vẫn làm việc không mệt mỏi. Tôi say sưa với công việc, không còn nghĩ ngợi vẩn vơ. Luôn luôn tôi được hưởng cái thú hoàn thành một kết quả lao động mà trước kia mình phải bó tay. Mặt khác, càng ngày tôi càng lành nghề[1] trong nhiều ngành thủ công[2].

Tôi đã trở thành thợ nặn rất khéo ; ngoài bát đĩa, chum vại, bình vò thừa dùng để cất đặt mọi thứ lương ăn, tôi còn nặn được một cái tẩu hút thuốc, một công trình tuyệt mĩ[3] đối với tôi, mặc dầu còn thua xa thứ tẩu vẫn bán ở phố. Tôi rất

thích thú với cái tẩu hút thuốc ; tôi đã có thuốc lá[4] nay lại có cả tẩu để hút.

Tôi lại cũng trở thành một tay đan giỏi. Tôi đã tìm được một thứ miên liễu[5], cành rất dẻo, có thể đan được rất nhiều thứ. Trước hết tôi đan một đôi thúng thật chắc, mỗi lần săn bắn được hoặc kiếm được thức ăn thì bỏ vào thúng quẩy[6] về nhà. Dạo trước, nhiều khi vì nặng không xách về được hết, phải bỏ sót lại thật uổng. Tôi lại đan cả bồ đựng thóc[7] và nhiều đồ dùng khác nữa.

Thuốc đạn càng ngày càng khan[8], thực phẩm cũng vơi dần. Tới năm thứ mười một ở trên đảo, tôi phải chú trọng đặc biệt đến việc nuôi dê. Đánh bẫy được một con dê đực và hai con dê cái[9], tôi bèn dựng một cái chuồng để nuôi chúng. Trong khoảng một năm rưỡi, tôi đã có một đàn mười hai con dê vừa nhớn vừa nhỏ. Hai năm sau, số dê lên tới bốn mươi ba con và tôi bắt đầu giết thịt ăn dần. Tôi làm thêm tất cả năm chuồng nữa nhỏ hơn, mỗi chuồng có nhiều ngăn để lúc cần thì bắt dê cho tiện.

ruongxua.vn

Nuôi được khá nhiều dê cái, tôi mới nhớ đến chuyện vắt sữa. Mặc dầu nghĩ đến hơi muộn, sữa dê vẫn làm cho tôi thích thú vô cùng. Tôi tiến hành ngay công việc và có ngày vắt được bảy tám chai sữa. Thừa sữa uống, tôi bèn thử làm bơ và phó mát[10]. Sau vài ba lần hỏng, tôi đã có nhiều bơ và phó mát ngon lành, tăng thêm chất và vị cho bữa ăn. Các bạn thử nghĩ, một mình trên một hòn đảo hoang vắng mà bữa sáng có sữa tươi, bữa ăn thường ngày có bánh mì, bánh bột gạo tẻ, thịt dê, trứng rùa, bơ và phó mát ; tráng miệng thì có các thứ hoa quả, nhất là nho tươi, nho khô, thiết tưởng cũng thịnh soạn, không kém ở những khách sạn bình thường tại các thành phố lớn.

Dạo này, mỗi lần đi ra ngoài, tôi diện một bộ quần áo bằng da rất kì lạ. Giá có người nào trông thấy tôi, nếu không kinh sợ thì cũng bò ra mà cười ! Tôi xin tả vài nét hình thù của ông "chúa đảo" khi đi chu du trong địa hạt của mình.

Tôi đội một cái mũ bằng da dê cao lêu đêu trông thật không ra cái hình thù gì. Tôi buộc vào sau mũ nửa tấm da dê nữa trùm kín gáy và cổ để che mưa nắng ; mưa và nắng ở miền này thì thật là khủng khiếp ! Tôi lại mặc một cái áo chẽn cũng cắt bằng da dê, tà áo chấm ngang đầu gối. Quần ngắn thì rộng thùng thình, may bằng tấm da lông một con dê xồm ; lông dê dài lê thê, buông thõng xuống đến gần mắt cá, thành ra quần đùi mà cũng không khác quần dài. Thắt lưng của tôi cũng làm bằng da lông ; đáng lẽ mang đoản kiếm(11) và mã tấu(12) thì tôi giắt một cái cưa và một cái búa ở hai bên hông. Một sợi dây da vòng qua cổ sang phía tay trái, đeo lủng lẳng hai cái túi hình dáng lạ lùng, một cái túi đựng thuốc súng, một túi đựng đạn ghém. Sau lưng tôi cõng một cái gùi(13), vai mang súng và trên đầu là cái dù xòe ra, bao che tất cả thân mình.

Mặt tôi rám nắng, đen sạm lại, tuy chưa đến nỗi như cột nhà cháy, râu tuy thỉnh thoảng có cạo, nhưng vẫn đâm ra như chổi xể. Trên mép, theo ý thích riêng, tôi lại để một cặp ria theo kiểu người Thổ Nhĩ Kì vừa dài vừa rậm khác thường, tô đậm thêm nét cổ quái(14) vào diện mạo(15) của tôi.

Lần đầu tiên thấy tôi trong lệ bộ(16) ấy, con chó có vẻ kinh ngạc và khiếp sợ. Nó nghi nghi hoặc hoặc, chạy nép vào một góc nhà đứng nhìn ra, có ý dò xem cái con vật quái dị kia là bạn hay là thù. Thấy điệu bộ nó như thế,tôi bật cười, lên tiếng gọi. Nhận đúng tiếng chủ, nó chạy ra ngay, ngửi ngửi vào bộ quần áo da dê, sủa lên mấy tiếng rồi mới yên tâm chạy theo sau. Bây giờ nó cũng đã già rồi nên thường cứ lẽo đẽo theo tôi chứ không chạy tung tăng như trước nữa. Nhưng tôi biết chắc rằng nếu có nguy biến, nó cũng vẫn hăng hái liều mình để bảo vệ tôi.

Trích Chương 10 *Rô-bin-xơn Cru-xô*

HOÀNG THÁI ANH dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1972

Chú giải

(1) *Lành nghề* : thông thạo, làm giỏi nghề của mình.

(2) *Ngành thủ công* : ngành sản xuất dựa trên cơ sở làm bằng tay với các công cụ giản đơn.

thuongmaitr

(3) *Tuyệt mĩ* : đẹp tuyệt vời.

(4) *Thuốc lá* : trước đó Rô-bin-xơn đã kiếm được nhiều loại lá trong rừng có thể phơi khô dùng làm thuốc hút được.

(5) *Miên liễu* : một loại cây nhỏ, cành mềm rủ xuống.

(6) *Quẩy* : gánh.

(7) *Thóc* : trước đó Rô-bin-xơn đã gieo trồng được.

(8) *Khan* : hiếm ; khi đắm tàu, Rô-bin-xơn đã mang lên đảo được một ít súng đạn và thuốc súng, dùng mãi hết dần đi.

(9) Loại dê rừng.

(10) *Bơ, phó mát* : các sản phẩm làm từ sữa bò, sữa dê...

(11) *Đoản kiếm* : thanh kiếm ngắn.

(12) *Mã tấu* : một thứ vũ khí thời xưa.

(13) *Gùi* : giỏ lớn đan bằng tre hoặc mây đeo sau lưng.

(14) *Cổ quái* : quái dị, cổ xưa, lạ lùng đến mức làm cho người ta khó tưởng tượng nổi.

(15) *Diện mạo* : bộ mặt.

(16) *Lệ bộ* : ở đây có nghĩa là bộ quần áo, cách ăn mặc.

tuongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nếu chia bài văn này thành hai phần thì nên chia như thế nào và đặt tiêu đề cho từng phần ra sao ?

2. Liệt kê tất cả các chi tiết chỉ thời gian trong bài văn qua đó phán đoán bài này kể chuyện Rô-bin-xơn sống trên đảo hoang những năm nào ? Với thời gian ấy, thử hình dung tất cả những khó khăn (nơi ăn chốn ở, lương thực thực phẩm, quần áo...) mà Rô-bin-xơn phải đương đầu để duy trì cuộc sống.

3. Để làm sáng tỏ phẩm chất của Rô-bin-xơn quyết tâm khắc phục mọi khó khăn nhằm duy trì cuộc sống, hãy kể ra những khó khăn nào được các chi tiết trong bài văn gợi lên là Rô-bin-xơn đã giải quyết được từ trước, những khó khăn nào Rô-bin-xơn hiện đang giải quyết lúc này.

4. Bình luận một số chi tiết (cái tẩu hút thuốc, bơ và phó mát, các thức ăn tráng miệng, ông "chúa đảo"...) để chứng minh rằng Rô-bin-xơn trong hoàn cảnh gay go vẫn lạc quan yêu đời, muốn sống đàng hoàng, sống cho ra sống.

ĐỌC THÊM

RÔ-BIN-XƠN CỨU ĐƯỢC THỨ SÁU

Nhiều năm sau, một hôm do tình cờ Rô-bin-xơn cứu được một nạn nhân bị những người thổ dân ở vùng biển đó ghé thuyền đưa lên đảo hoang định hành hình.

... Nhìn vẻ mặt khiếp sợ của anh, tôi nhận thấy anh lại có ý muốn chạy trốn thật nhanh hơn nữa chứ không muốn đến gần tôi, mặc dầu thấy rõ ràng cả hai kẻ thù của mình đã ngã. Tôi lại vẫy anh, tỏ ý bảo anh lại gần. Anh ta bước vài bước rồi đứng dừng lại, và cứ làm đi làm lại như thế mãi một lúc lâu. Có lẽ anh ta ngỡ rằng mình lại bị cầm tù một lần nữa và cũng sẽ bị giết như hai kẻ thù kia. Tôi lại vẫy một lần thứ ba với tất cả thái độ thân mật để làm cho anh yên lòng. Anh ta cố gắng bước tới và cứ mươi mười hai bước thì lại quỳ xuống như để tỏ lòng cảm ơn tôi. Trong lúc đó, tôi cố gắng mỉm cười với anh ta một cách hết sức trìu mến. Cuối cùng, khi đã đến gần sát tôi, anh ta đứng dừng lại, quỳ xuống hôn đất rồi nắm lấy bàn chân tôi, có lẽ để tỏ ý hết sức cảm ơn tôi đã cứu anh ta thoát chết và hứa một lòng trung thành với tôi, xin theo hầu hạ tôi suốt đời.

Tôi dịu dàng nắm lấy tay anh, đỡ anh đứng dậy, vuốt ve âu yếm, làm cho anh càng vững lòng hơn. Vẻ cảm động, anh bỗng thốt lên mấy tiếng tỏ ý vui mừng hết sức. Vừa được nghe mấy tiếng nói của anh, mặc dầu chẳng hiểu anh nói gì, tôi sung sướng và cảm động quá, run người lên. Đó là những tiếng nói đầu tiên của loài người mà sau hai mươi lăm năm trời lưu lạc[1] tôi mới lại được nghe. Sao mà nó êm đềm, ấm cúng và chứa chan tình cảm đến thế ! Tôi lại được nghe một con người nói và sẽ được nói chuyện với một con người ! Hạnh phúc đến với tôi đột ngột thế ư ? Mỗi tiếng nói ấy, tuy chưa rõ nghĩa, đều là tự đáy lòng của một con người thốt ra, một con người thật sự như tôi, một đồng loại[2] của tôi, khác hẳn những tiếng

nói như cái máy của con vẹt[3] hằng ngày vẫn gọi rõ tên tôi, đã hai mươi lăm năm nay chỉ biết lắp đi lắp lại có một vài câu không thay đổi ! Tôi mừng rỡ quá, ôm lấy anh bạn mới và nói luôn một thôi một hồi, mặc dầu anh không hiểu được tôi nói gì, cũng như tôi đã không hiểu lời anh. Nhưng anh cũng nhìn tôi bằng cặp mắt trìu mến, có vẻ thông cảm với nỗi vui mừng của tôi, anh lại nói tiếp mấy tiếng, líu lo như tiếng chim, ngọt ngào và âu yếm quá chừng !

... Anh chàng là một thanh niên cao lớn, chững chạc, khoảng hai mươi lăm tuổi, người rắn rỏi, chân tay béo lẳn, nhanh nhẹn và có sức lực. Dáng điệu hùng dũng[4] không có vẻ nanh ác[5] ; nhất là khi anh cười, ta có thể thấy ở anh những nét dịu hiền và sắc sảo riêng. Tóc anh không xoăn nhưng đen và dài, trán to và cao vượt lên, đôi mắt sáng đầy nhiệt tình[6]. Nước da bánh mật chứ không đen, không giống cái màu rám nắng của những người ở Bra-xin[7] và ở Viêc-gi-ni[8]. Mặt thì tròn với một cái mũi rất đẹp, miệng khá xinh, đôi môi mỏng, hai hàm răng đều và trắng như ngà.

Chợp mắt được chừng nửa giờ đồng hồ, anh ta tỉnh dậy và ra khỏi động đá để đi tìm tôi, bởi vì trong lúc anh ngủ thì tôi đi vắt sữa dê ở trại chăn nuôi gần đó. Anh ta chạy lại gần tôi, làm đủ thứ cử chỉ và dấu hiệu để tỏ lòng biết ơn rất chân thành và để nguyện suốt đời sẽ trung thành với tôi. Tôi cố gắng hiểu một số dấu hiệu đó và tôi cũng tìm hết cách làm cho anh hiểu rằng tôi rất vui mừng được gặp anh. Một lát sau, chúng tôi thử nói chuyện với nhau. Trước hết tôi bảo anh lấy tên là "Thứ Sáu" để ghi nhớ ngày gặp gỡ. Tôi lại bảy cho anh biết gọi tôi là "ông chủ", biết trả lời "có" và "không" cho đúng lúc. Sau đó tôi đưa cho anh một bình sữa. Tôi uống sữa trước và nhúng bánh vào sữa mà ăn ; anh ta bắt chước tôi và ra hiệu tỏ ý là ăn như thế cũng ngon.

Trích Chương 12 *Rô-bin-xơn Cru-xô*
HOÀNG THÁI ANH dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1972

Chú giải

(1) *Lưu lạc* : sống xa quê hương.

(2) *Đồng loại* : cùng loài, ở đây là cùng loài người.

(3) *Con vẹt* : đây là con vẹt Rô-bin-xơn bắt được và nuôi từ những năm đầu tiên đặt chân lên đảo hoang.

(4) *Hùng dũng* : mạnh mẽ, oai nghiêm.

(5) *Nanh ác* : độc ác, dữ tợn lộ ra ngoài.

(6) *Nhiệt tình* : tình cảm sôi nổi, hăng hái, say sưa.

(7) *Bra-xin* : một nước ở Nam Mĩ.

(8) *Viêc-gi-ni* : một bang của Hoa Kì.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Niềm xúc động của Rô-bin-xơn biểu hiện ra ngoài như thế nào khi được nghe tiếng người nói sau hai mươi lăm năm sống cô đơn trên đảo hoang ?

2. Dẫn ra một vài câu chứng tỏ Rô-bin-xơn như vẫn đang còn hết sức xúc động khi kể lại câu chuyện này với chúng ta (những câu dưới dạng tán thán, nghi vấn, kể với chúng ta mà như đang tự nói với bản thân mình).

3. Phát biểu suy nghĩ của mình về cách cư xử của Rô-bin-xơn đối với Thứ Sáu.

Bài 4

thuongmaitr

CON CHÓ BẤC

TIỂU DẪN

Bài văn này và bài đọc thêm *Con chó Bấc cứu chủ* phía sau trích từ tiểu thuyết *Tiếng gọi nơi hoang dã* (1903) của nhà văn Mĩ G. Lơn-đơn (1876 – 1916). Các nhan đề *Con chó Bấc* và *Con chó Bấc cứu chủ* là của người biên soạn thêm vào.

Bấc là một con chó bị bắt cóc đưa lên vùng Bắc cực để kéo xe trượt tuyết cho những người đi tìm vàng. Bấc đã qua tay nhiều ông chủ độc ác. Chỉ riêng Giôn Thooc-tơn là người đã có lòng nhân từ đối với nó, và nó được cảm hóa. Về sau khi Thooc-tơn chết, nó hoàn toàn dứt bỏ con người, đi theo tiếng gọi nơi hoang dã và trở thành một con sói hoang.

Tình yêu thương, một tình yêu thương thực sự và nồng nàn lần đầu tiên phát sinh ra bên trong nó. Trước kia nó chưa hề cảm thấy một tình yêu thương như vậy lúc ở tại nhà Thẩm phán Mi-lơ(1) giữa thung lũng(2) Xan-ta Cla-ra mơn man ánh nắng. Với những cậu con trai của ông Thẩm, trong những buổi đi săn hoặc đi lang thang đây đó, tình cảm của Bấc cũng chỉ

là thứ tình bạn làm ăn cùng hội cùng phường(3). Với những đứa cháu nhỏ của ông Thẩm, đó là một thứ trách nhiệm hộ vệ(4) trong niềm kiêu hãnh tự cao tự đại(5). Còn đối với bản thân ông Thẩm, thì đó là thứ tình bạn trịnh trọng và đường hoàng(6). Nhưng tình thương yêu sôi nổi, nồng cháy, thương yêu đến mức tôn thờ, thương yêu đến cuồng nhiệt thì phải đến Giôn Thooc-tơn mới khơi dậy lên được trong lòng Bấc.

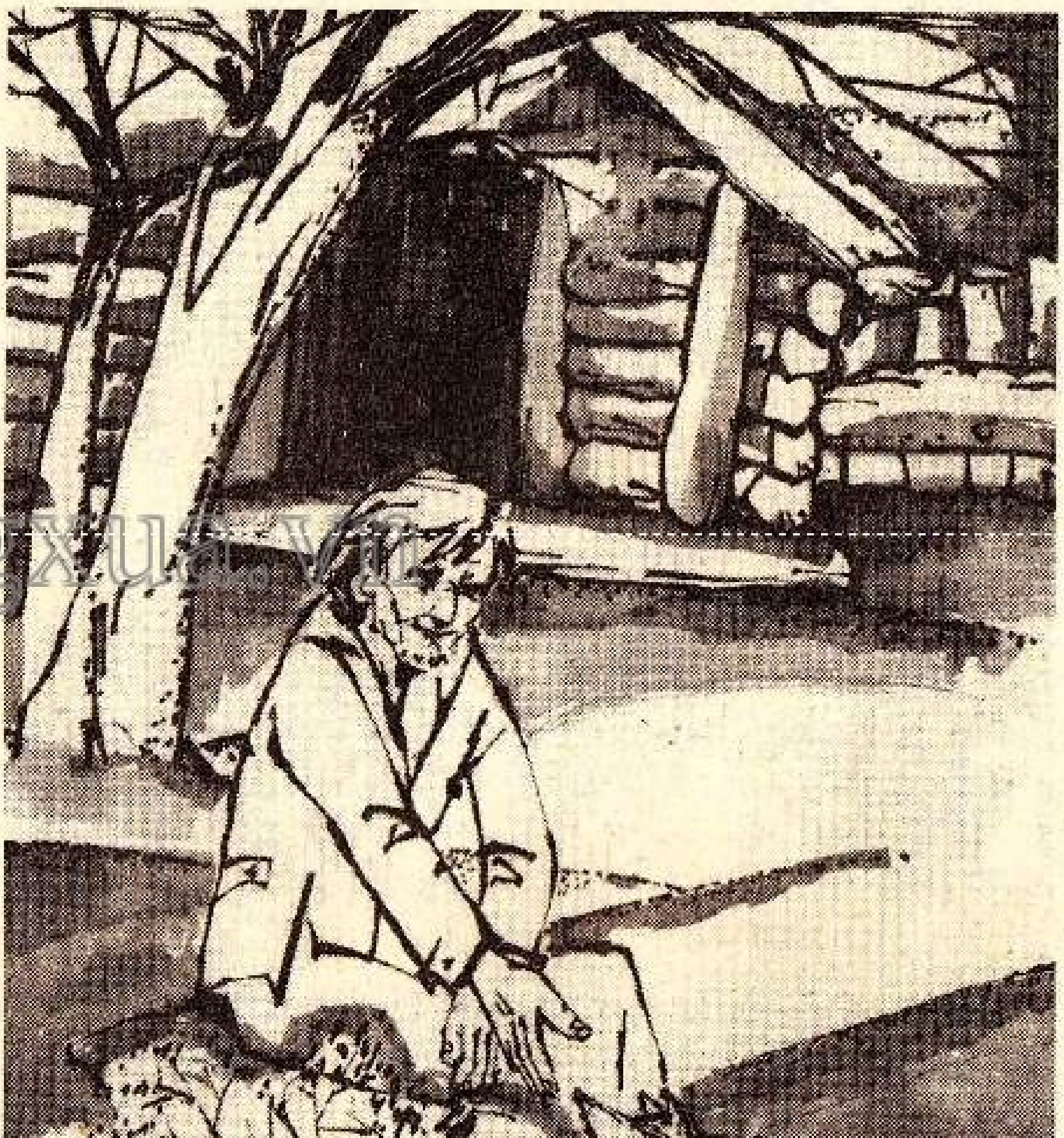

truongxua.vn

Con người này đã cứu sống nó, đó là một lẽ ; nhưng hơn thế nữa, con người này là một ông chủ lí tưởng[7]. Những người khác chăm nom chó của họ xuất phát từ một ý thức về nghĩa vụ và về lợi ích kinh doanh ; còn Giôn Thooc-tơn thì chăm sóc chó của mình như thể chúng là con cái của anh vậy, là bởi vì anh không thể nào đừng được. Và anh còn chăm sóc nhiều hơn nữa kia. Anh không bao giờ quên chào chúng bằng một cử chỉ thân ái hoặc một lời hớn hở. Ngồi xuống nói chuyện lâu với chúng (mà anh gọi là "tầm phào") là điều mà cả anh và chúng đều thích thú. Anh có thói quen túm chặt lấy đầu Bấc rồi dựa đầu anh vào đầu nó, hoặc lắc nó đảo qua đảo lại, vừa lắc vừa khe khẽ thốt lên những tiếng rủa mà đối với nó lại là những lời nói nựng âu yếm. Bấc thấy không có gì vui sướng bằng cái ôm ghì mạnh mẽ ấy và những tiếng rủa rủ rỉ bên tai ấy, và theo mỗi cái lắc đảo qua đảo lại, nó lại tưởng chừng như quả tim mình nhảy tung ra khỏi lồng ngực vì quá ngây ngất rạo rực. Khi được buông ra, nó bật đứng dậy thẳng lên, miệng cười, mắt hùng hồn diễn cảm, họng rung lên những âm thanh không thốt nên lời, và cứ như vậy trong tư thế đứng yên bất động. Những lúc ấy Giôn Thooc-tơn lại kêu lên, trân trọng : "Trời đất ! Đằng ấy[8] hầu như biết nói đấy !".

Bấc có một kiểu biểu lộ tình thương yêu gần giống như làm đau người ta. Nó thường hay há miệng ra cắn lấy tay Thooc-tơn rồi ép răng xuống mạnh đến nỗi vết răng hằn vào da thịt một lúc sau mới mất. Và cũng như Bấc hiểu những tiếng rủa là những lời nói nựng, con người cũng hiểu cái cắn vờ ấy là cử chỉ âu yếm yêu thương.

Tuy nhiên, tình thương yêu của Bấc phần lớn được diễn đạt bằng sự tôn thờ. Mặc dù nó sung sướng đến cuồng lên mỗi khi Thooc-tơn vuốt ve nó hoặc nói chuyện với nó, nó không săn đón những biểu hiện tình cảm đó. Bấc khác với Xơ-kit mà cũng khác với Nich[9]. Xơ-kit có thói quen thọc cái mũi của nó vào dưới bàn tay của Thooc-tơn rồi hích, hích mãi cho đến khi được vỗ về.

Nich thì thường hiên ngang bước tới rồi tựa cái đầu to lớn của nó lên đầu gối của Thooc-tơn. Còn Bấc thì bằng lòng với

việc đứng cách một quãng mà tôn thờ anh. Nó thường nằm phục ở chân Thooc-tơn hàng giờ, mắt hau háu, tỉnh táo, linh lợi, ngước nhìn thẳng vào mặt anh, chăm chú vào đấy, xem xét kĩ nét mặt, theo dõi với một mối quan tâm đặc biệt từng biểu hiện thoáng qua, mọi cử động hoặc đổi thay trên thần sắc(10). Hoặc cũng có lúc do tình cờ, nó nằm ra xa hơn, về một bên hoặc đằng sau anh, quan sát hình dáng của anh và dõi theo những cử động từng lúc của con người anh. Và thường thường, do mối giao cảm(11) giữa chó và người, sức mạnh của cái nhìn của Bấc làm cho Giôn Thooc-tơn quay đầu sang và nhìn trở lại nó, không nói năng gì, nhưng đôi mắt anh tỏa rạng tình cảm tự đáy lòng, trong khi tình cảm của Bấc cũng ngời ánh lên qua đôi mắt nó.

Trong một thời gian dài sau khi được cứu sống, Bấc không muốn rời Thooc-tơn ra một bước. Từ lúc anh bước ra khỏi lán(12) cho đến lúc anh trở vào đấy, khi nào Bấc cũng bám gót anh. Việc thay thầy đổi chủ xoành xoạch kể từ khi nó vào vùng đất phương Bắc đã làm nảy sinh ra trong lòng nó nỗi lo sợ là không có người chủ nào có thể gắn bó lâu dài cả. Nó sợ Thooc-tơn cũng lại biến khỏi cuộc đời nó như Pe-rôn và Phơ-rang-xoa và anh chàng người lai Ê-côt(13) đã đi qua rồi biến mất trước đây.

tuongxua.vn

Ngay cả ban đêm, trong giấc mơ nó cũng bị nỗi lo sợ này ám ảnh. Những lúc ấy nó vội vùng dậy không ngủ nữa, trườn qua giá lạnh đến tận mép chiếc lều, rồi đứng ở đấy, lắng nghe tiếng thở đều đều của chủ.

Trích *Tiếng gọi nơi hoang dã*
NGUYỄN CÔNG ÁI và VŨ TUẤN PHƯƠNG dịch

Chú giải

(1) *Thẩm phán Mi-lơ :* viên quan tòa giàu có, người chủ đầu tiên của Bấc.

(2) *Thung lũng :* khoảng đất trũng giữa hai sườn hoặc hai dãy đồi núi do dòng suối, dòng sông chảy qua tạo thành.

(3) *Cùng hội cùng phường :* ý nói cùng phe cùng cánh với nhau.

(4) *Hộ vệ :* bảo vệ.

(5) *Tự cao tự đại :* tự cho là mình tài giỏi, nên rất coi thường người khác.

(6) *Đường hoàng :* thẳng thắn, không sợ hãi, không rụt rè.

(7) *Lí tưởng :* hoàn hảo nhất, tốt đẹp nhất mà nó mong muốn có được.

(8) *Đằng ấy :* tiếng xưng hô thân mật giống như cậu, mày.

(9) *Xơ-kít,Ních :* tên hai con chó.

(10) *Thần sắc :* vẻ mặt biểu hiện hoạt động của tinh thần.

(11) *Giao cảm :* cảm thông lẫn nhau.

(12) *Lán :* lều, nhà dựng sơ sài bằng tre nứa hoặc vải bạt.

(13) *Pe-rôn, Phơ-răng-xoa, anh chàng người lai Ê-côt :* tên một số người chủ cũ của Bấc.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy xác định bố cục của bài văn (mỗi phần kéo dài từ đâu đến đâu) theo trật tự diễn biến sau đây : a) Mở đầu, b) Tình cảm của Thooc-tơn đối với Bấc, c) Tình cảm của Bấc đối với chủ.

Căn cứ vào độ dài ngắn của mỗi phần, xét xem ở đây nhà văn chủ yếu muốn nói đến những biểu hiện tình cảm của phía nào?

2. Cách cư xử của Thooc-tơn đối với Bấc có gì đặc biệt ? Biểu hiện ra ở những chi tiết nào ? Tại sao trước khi diễn tả tình cảm của Bấc đối với chủ, nhà văn lại dành một đoạn để nói về tình cảm của Thooc-tơn đối với Bấc ?

thuongmaitr

3. Tình cảm của con chó Bấc đối với chủ biểu hiện qua những khía cạnh khác nhau như thế nào ? Chứng minh rằng nhà văn có tài quan sát khi viết đoạn văn này. Chứng minh trí tưởng tượng tuyệt vời và lòng yêu thương loài vật của nhà văn khi ông đi sâu vào "tâm hồn" của con chó Bấc.

ĐỌC THÊM

CON CHÓ BẤC CỨU CHỦ

Tại thị trấn Xơc-cơn, một ngày cuối năm, Bơc-tơn "Đen", một con người xấu tính và hiểm độc, đang gây sự với một anh chàng mới đến lạ nước lạ cái ở bên quầy bán rượu, thì Thooc-tơn bước vào giữa hai người, ôn tồn can ngăn. Bấc, theo thói quen, đang nằm trong một góc phòng, đầu đặt trên hai chân, đưa mắt theo dõi từng cử chỉ của chủ. Bơc-tơn chẳng nói chẳng rằng giáng bốp ngay một quả vào mặt Thooc-tơn. Anh lảo đảo,

suýt nữa thì ngã vật xuống nếu không kịp bấu vào song sắt của quầy rượu.

Những người đứng đấy chứng kiến sự việc lúc bấy giờ bỗng nghe một tiếng không phải là tiếng sủa, cũng không phải là tiếng xé, mà đúng hơn là một tiếng gầm, và họ nhìn thấy thân hình của Bấc từ nền nhà bay lên lao vút qua không trung, nhằm thẳng vào cổ họng Bơc-tơn phóng tới. Tên này thoát chết nhờ hắn kịp vung cánh tay ra theo bản năng[1], nhưng bị hất nhào về đằng sau ngã ngửa ra sàn nhà. Bấc đè lên người hắn. Bấc nhả cánh tay của hắn ra rồi lại nhè vào họng hắn mà cắn. Lần này hắn chỉ che đỡ được phần nào, và họng của hắn bị xé toạc. Đám đông vội xô vào Bấc và đánh đuổi nó ra. Nhưng khi một viên thầy thuốc băng bó cho Bơc-tơn, Bấc cứ quanh quẩn lượn tới, lượn lui, gầm rít hung tợn, cứ chực xông vào, nhưng bị một loạt những dùi cui thù địch đẩy lùi. Một "cuộc hội ý của những người khai mỏ" được triệu tập ngay tại chỗ, đã phán xử rằng cuộc tấn công của con chó có lí do chính đáng, vì bị khiêu khích đến mức phải phản ứng và Bấc được tha miễn.

tuongxua.vn

Ấy thế là Bấc bắt đầu nổi tiếng, và từ hôm đó tên tuổi của Bấc được truyền tụng từ trại này qua trại khác vùng A-la-xca.

Sau sự việc ấy, vào mùa thu năm đó, Bấc lại có một hành động theo cách thức khác, cứu sống được Giôn Thooc-tơn. Một hôm ba người bạn phường[2] đang dòng một chiếc thuyền thoi xuôi một đoạn thác ghềnh hiểm trở trên nhánh sông Bốn Mươi Dặm[3]. Hen-dơ và Pi-ti men theo bờ, dùng một chiếc dây thừng bện bằng dây chuối sợi, buộc néo thuyền từ gốc cây này sang gốc cây khác, còn Thooc-tơn thì đứng trên vừa chống vừa hò hét chỉ dẫn cho người trên bờ. Bấc ở trên bờ lo lắng bồn chồn, tiến lên theo ngang với chiếc thuyền, đôi mắt không bao giờ rời khỏi chủ.

Đến một nơi đặc biệt hiểm trở vì có một gò đá ngầm mấp mé mặt nước nhô ra ngoài sông, Hen-dơ tháo dây néo ra khỏi cây, và trong khi Thooc-tơn chống thuyền tránh ra giữa dòng, Hen-dơ dọc theo bờ chạy xuống phía dưới, tay nắm chặt đầu

dây để sẵn sàng néo lại khi nào thuyền vượt qua khỏi gờ đá. Vào lúc con thuyền đã vượt qua được và đang băng băng lao xuống theo một luồng nước chảy xiết, Hen-dơ níu dây kìm thuyền lại. Nhưng anh kìm quá đột ngột, chiếc thuyền giật mạnh rồi lật úp, bị lôi vào bờ ngửa bụng lên trời, còn Thooc-tơn thì văng ra khỏi thuyền và bị nước cuốn xuôi về phía nguy hiểm nhất của dòng thác, nơi có vùng nước cuốn dữ dội mà không kẻ nào có thể thoát chết được.

Ngay lập tức Bấc lao xuống dòng nước. Bơi được ba trăm mã[4] giữa vùng nước xoáy điên cuồng, Bấc đuổi theo kịp Thooc-tơn. Khi nó cảm thấy anh đã nắm được đuôi nó, Bấc nhằm thẳng bờ bơi vào với tất cả sức lực tuyệt vời của nó. Nhưng sự chuyển động tiến vào bờ thì chậm, mà sự chuyển động xuôi dòng thì lại nhanh lạ lùng. Từ bên dưới vọng lên tiếng gầm rít ghê người ở nơi mà dòng nước điên cuồng xoáy cuộn càng dữ dội, và bị xé nát vụn ra tung tóe thành bụi nước giữa những mỏm đá lô nhô thọc qua như những chiếc răng của một cái lược khổng lồ. Sức hút của nước khi bắt đầu đổ xuống đoạn dốc cuối cùng thật là khủng khiếp, và Thooc-tơn biết rằng bơi vào bờ là một điều không thể nào thực hiện nổi. Anh vật lộn quyết liệt để bám vào một tảng đá, nhưng bị trượt, sượt qua một tảng đá thứ hai, rồi đâm sầm vào một tảng đá thứ ba như bị giáng một đòn búa tạ. Anh buông Bấc ra, dùng cả hai tay bíu chặt lấy cái chỏm trơn tuột của tảng đá, và thét to để át tiếng gầm của luồng nước cuộn tung tóe : "Vào bờ đi, Bấc ! Đi đi !".

Bấc không thể nào trụ lại nổi, nó bị cuốn theo dòng nước, vật lộn một cách tuyệt vọng[5], nhưng không tài nào quay lại được. Khi nó nghe tiếng Thooc-tơn nhắc lại mệnh lệnh, nó chồm một phần thân mình lên khỏi mặt nước, cất cái đầu như để nhìn anh lần cuối, rồi ngoan ngoãn quay vào bờ. Nó bơi mãnh liệt, và được Pi-ti cùng Hen-dơ kéo vào bờ đúng ngay tại nơi không còn có thể bơi tiếp được nữa mà chỉ có đâm đầu vào cõi hủy diệt[6].

Pi-ti và Hen-dơ biết là thời gian một con người có thể bám vào một tảng đá trơn trước sức nước cuốn mạnh như vậy chỉ

thuongmaitr

còn tính từng phút, nên họ dốc hết sức chạy thật nhanh ngược lên phía trên, đến một chỗ cách xa nơi Thooc-tơn đang bám trụ. Họ dùng chiếc dây mà họ vừa néo thuyền lúc nãy buộc vào cổ và vai Bấc, cẩn thận tránh không để sợi dây làm nghẹt cổ Bấc và làm nó vướng khi bơi, rồi tung nó xuống dòng nước. Bấc dũng cảm lao vút ra, nhưng tiếc thay không ra thật đúng thẳng giữa dòng. Khi nó thấy ra được sai lầm của mình thì đã quá muộn, vị trí của Thooc-tơn đã nằm ngang với nó, cách nó ít nhất là sáu nhịp bơi, trong khi nó bị tiếp tục cuốn trôi không làm sao cưỡng lại được.

Hen-dơ nhanh chóng néo sợi dây, như thể Bấc là một chiếc thuyền vậy. Do sợi dây kéo căng ra níu nó lại giữa dòng nước đang cuộn ào xuống, nên nó bị giúi mạnh xuống dưới mặt nước, và cứ thế bị nhận chìm nghỉm cho đến khi thân mình nó húc vào bờ và được kéo lên. Bấc gần như chết đuối. Hen-dơ và Pi-ti vội lao vào cứu nó, làm hô hấp nhân tạo và dốc cho nước chảy hết ra. Nó loạng choạng đứng dậy rồi lại ngã xuống. Vừa lúc ấy, tiếng kêu của Thooc-tơn vẳng đến tai họ. Mặc dù họ không nghe ra được Thooc-tơn đang nói gì, nhưng họ biết là anh đã kiệt sức. Tiếng gọi của chủ tác động đến Bấc như một luồng điện giật. Nó bật dậy và chạy trước hai người, ngược bờ sông lên đến điểm xuất phát của nó lúc nãy.

Lần nữa, sợi dây lại được buộc vào nó, nó được tung xuống nước, và nó lại lao vút ra. Nhưng lần này nó lao ra đúng thẳng giữa dòng nước. Nó đã tính nhầm một lần, nay quyết không phạm sai lầm lần thứ hai. Hen-dơ thả dây, cố giữ không để cho dây chùng, còn Pi-ti thì cố đảm bảo cho dây không bị xoắn lại. Bấc giữ vững hướng bơi cho đến khi nó ra tới một điểm chiếu xuống Thooc-tơn theo một đường thẳng, lúc đó nó mới ngoặt xuống, và với tốc độ của một con tầu tốc hành, nó lao thẳng vào anh. Thooc-tơn nhìn thấy nó lao đến, và khi thân Bấc đâm sầm vào anh như một cái chùy phá thành, với toàn bộ sức mạnh của luồng nước xô đằng sau nó, anh vội với tới và quàng cả hai tay ôm chặt lấy cái cổ xồm xoàm của nó. Hen-dơ néo sợi dây vào một thân cây. Bấc cùng Thooc-tơn liền bị giúi mạnh xuống mặt nước. Cổ họng nghẹn tắc, ngạt thở,

lộn lên lộn xuống giúi giụi, khi thì Bấc nằm đè lên trên, khi thì Thooc-tơn nằm đè lên trên, cả hai bị kéo xệt dưới đáy sông lởm chởm, thân thể bị va đập vào những tảng đá và những gốc cây gẫy, và cuối cùng được kéo lên bờ.

Thooc-tơn hồi tỉnh(7) thấy mình đang được nằm sấp vắt ngang lên một khúc gỗ trên bờ, và Hen-dơ cùng Pi-ti đang kéo cò cưa người anh, đẩy lui đẩy tới cật lực. Anh lập tức nhìn sang phía Bấc. Bên thân hình mềm rũ và có vẻ như không còn sự sống của Bấc, Nich đang đứng trụ đài(8), còn Xơ-kit thì đang liếm bộ mặt ướt sũng và đôi mắt nhắm nghiền của Bấc. Bản thân Thooc-tơn cũng bị những vết thương thâm tím vì bị va đập mạnh. Khi Bấc được cứu cho tỉnh lại, Thooc-tơn cẩn thận sờ nắn khắp mình nó thì tìm thấy ba xương sườn bị gẫy.

– Thôi, không cần phải bàn nữa – anh tuyên bố – chúng ta cắm trại ngay tại đây.

Và thế là họ ở lại đó, chờ cho đến khi xương của Bấc liền lại và nó có thể lên đường được.

Trích *Tiếng gọi nơi hoang dã*

NGUYỄN CÔNG ÁI và VŨ TUẤN PHƯƠNG dịch

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Theo bản năng :* không do chủ định.

(2) *Bạn phường :* bạn cùng hội cùng phường làm ăn với nhau.

(3) *Bốn Mươi Dặm :* tên một con sông.

(4) *Mã :* đơn vị đo chiều dài của Anh, bằng 0,914m.

(5) *Tuyệt vọng :* mất hết mọi hi vọng.

(6) *Hủy diệt :* ở đây có nghĩa là chết.

(7) *Hồi tỉnh :* tỉnh lại.

(8) *Đứng trụ đài :* đứng sững ngây ra.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Kể tóm tắt hai "chiến công" của Bấc đối với chủ.

2. Những chi tiết nào nói lên lòng yêu thương của Thooc-tơn đối với con chó Bấc.

Bài 5

ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

I – HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

1. Lập bảng thống kê phân loại các bài Văn học nước ngoài ở lớp 7 (tập 1 và tập 2, kể cả những bài Đọc thêm) về các mặt : văn học nước nào, thời gian xuất hiện, tác giả (hoặc dân gian), thể loại.

2. Nêu hai hoặc ba điểm chính cần ghi nhớ ở mỗi bài (kể cả những bài Đọc thêm càng tốt).

3. Học thuộc lòng các bài thơ ngụ ngôn của La Phông-ten (kể cả bài Đọc thêm).

4. Tóm tắt nội dung các bài *Chú bé Tí hon, Ông lão đánh cá và con cá vàng, Em bé bán diêm, Đánh nhau với cối xay gió, Cây bút thần.*

5. Học thuộc lời một đoạn tùy chọn trong mỗi bài *Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang* và *Con chó Bấc.*

tuongxua.vn

II – MẤY HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

(tùy giáo viên lựa chọn và có thể làm ngoài giờ)

1. Tổ chức cho học sinh tập diễn tại lớp các trích đoạn kịch của Mô-li-e có trong sách giáo khoa.

2. Bài làm tại nhà hoặc tại lớp với đầu đề : Điểm qua các con vật được xây dựng thành nhân vật trong các bài Văn học nước ngoài ở lớp 7. Em yêu thích hình ảnh con vật nào nhất trong số đó ? Vì sao ?

MỤC LỤC

Trang

Phần một
VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

CA DAO - DÂN CA

Bài 1.	Những bài ca dao ân tình, nghĩa tình		3
	I – Tình cảm gia đình	*(2 tiết)*	3
	II – Tình bạn – tình người – tình cảm gắn bó với công việc làm ăn và những vật thân thuộc	*(2 tiết)*	8
	III – Tình yêu quê hương, đất nước	*(2 tiết)*	13
Bài 2.	Những bài ca dao than thân và những bài ca dao cười cợt		17
	I – Thân phận người lao động nghèo khổ trong xã hội cũ	*(2 tiết)*	17
	II – Những bài ca dao cười cợt	*(2 tiết)*	20
Đọc thêm :			
	Những bài ca dao ân tình, nghĩa tình		25
	I – Tình cảm gia đình		25
	II – Tình bạn, tình người, tình cảm gắn bó với công việc làm ăn và những vật thân thuộc		26
	III – Tình yêu quê hương, đất nước		29
	Những bài ca dao than thân và những bài ca dao cười cợt		32
	I – Thân phận người lao động nghèo khổ trong xã hội cũ		32
	II – Những bài ca dao cười cợt		34
	Ca dao sau Cách mạng tháng Tám 1945		37
Bài 3.	Ôn tập	*(1 tiết)*	39
Bài 4.	Bài Tổng kết về Văn học dân gian Việt Nam	*(2 tiết)*	40

thuongmaitr

Phần hai

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Bài 1. Tiếng chổi tre – Tố Hữu	*(1 tiết)*	47
Bài 2. Bếp lửa – Bằng Việt	*(1 tiết)*	49
Bài 3. Chiếc lược ngà – Nguyễn Quang Sáng	*(2 tiết)*	52
Bài 4. Ôn tập Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám – 1945	*(1 tiết)*	67

Phần ba

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1. Cây bút thần (Truyện cổ tích Trung Quốc)	*(2 tiết)*	68
Bài 2. Thơ ngụ ngôn La Phông-ten	*(2 tiết)*	74
1. Thỏ và Rùa		74
2. Lão nông và các con		77
Đọc thêm :		
Con Ve và con Kiến		78
Bài 3. Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang	*(2 tiết)*	79
Đọc thêm :		
Rô-bin-xơn cứu được Thứ Sáu		84
Bài 4. Con chó Bấc	*(2 tiết)*	86
Đọc thêm :		
Con chó Bấc cứu chủ		90
Bài 5. Ôn tập Văn học nước ngoài	*(2 tiết)*	95

ruongxua.vn

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7

1	Tiếng Việt 7/1	*Tái bản*
2	Tiếng Việt 7/2	*Tái bản*
3	Văn học 7/1	*Tái bản*
4	Văn học 7/2	*Tái bản*
5	Tập làm văn 7	*Tái bản*
6	Dàn bài tập làm văn 7	*Tái bản*
7	Lịch sử 7	*Tái bản*
8	Địa lí 7/1	*Tái bản*
9	Địa lí 7/2	*Tái bản*
10	Tài liệu Giáo dục công dân 7	*Tái bản*
11	Đại số 7	*Tái bản*
12	Hình học 7	*Tái bản*
13	Sinh học 7	*Tái bản*
14	Vật lí 7	*Tái bản*
15	Kĩ thuật 7 (TT - LN)	*Tái bản*
16	Kĩ thuật 7 (VKT - GCVL)	*Tái bản*
17	English 7	*Tái bản*
18	Bài tập Đại số 7	*Tái bản*
19	Bài tập Hình học 7	*Tái bản*
20	Bài tập Vật lí 7	*Tái bản*
21	Tiếng Pháp 7	*Tái bản*
22	Bài tập Tiếng Việt 7/1	*Tái bản*
23	Bài tập Tiếng Việt 7/2	*Tái bản*
24	Bài tập English 7	*Tái bản*
25	Mĩ thuật 7	*Tái bản*
26	Âm nhạc 7	*Tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

VĂN HỌC 7 - Tập hai

In 150.000 bản (QĐ.1); khổ 14,5 x 20,5 cm.
Tại Xí nghiệp In Hải Dương; Số in: 05; Số XB: 831/102 -99.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2000

Mãsố: 2H727T0

Giá: 2.600đ